

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN, MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH



NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100686174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội cấp
đăng ký lần đầu ngày 26/02/2004, thay đổi lần thứ 13 ngày 17/02/2021)

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số:...../QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
cấp ngày.....tháng.....năm 2022)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung được cung cấp từ ngày/...../2022 tại:

Tổ Chức Đăng Ký niêm yết

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

Địa chỉ : Số 2 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : (024) 3772 2773

Website : www.agribank.com.vn

Tổ Chức Tư Vấn niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

Địa chỉ : Tầng 5, Tòa nhà Artex, Số 172 Ngọc Khánh, P. Giảng Võ, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : (024) 6276 2666

Website : www.agriseco.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ tên: Phạm Đức Tuấn - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Điện thoại: 024. 3772 2773 - Fax: 024.3831 4069

Handwritten signatures and initials in blue ink.

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100686174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 26/02/2004, thay đổi lần thứ 13 ngày 17/02/2021)

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Tên trái phiếu : Trái phiếu phát hành ra công chúng năm 2021 của Agribank
- Loại trái phiếu : Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được đảm bảo bằng tài sản, thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 theo quy định hiện hành của pháp luật.
- Mã trái phiếu : VBA121033
- Ngày phát hành : 31/12/2021
- Thời điểm đáo hạn : Ngày 31/12/2028
- Lãi suất : Lãi suất là lãi suất thả nổi được xác định theo công thức sau:

$$\text{Lãi Suất} = \text{Lãi Suất Tham Chiếu} + \text{Biên độ}$$
 Quy định chi tiết về lãi suất được trình bày tại Khoản V.12
- Kỳ trả lãi : 06 tháng/lần kể từ ngày 31/12/2021
- Mệnh giá : 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/ 01 (một) Trái Phiếu
- Tổng số lượng trái phiếu niêm yết : 1.769.146 trái phiếu (Một triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn một trăm bốn mươi sáu trái phiếu)
- Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá) : 1.769.146.000.000 đồng (Một nghìn bảy trăm sáu mươi chín tỷ một trăm bốn mươi sáu triệu đồng)

➤ **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

Tổ chức kiểm toán BCTC năm 2020: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

- Trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội.
- Điện thoại: 024. 7105 0000 - Fax: 024. 6288 5678

Tổ chức kiểm toán BCTC năm 2021: Công ty TNHH KPMG Việt Nam

- Trụ sở chính: Tầng 46 tòa tháp Keangnam, Hanoi Landmark Tower, tòa nhà 72 tầng, lô E6, đường Phạm Hùng, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84-24) 3946 1600

➤ **TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT:**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank

- Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà Artex, 172 Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội
- Điện thoại: 024. 6276 2666 - Fax: 024. 6276 5666

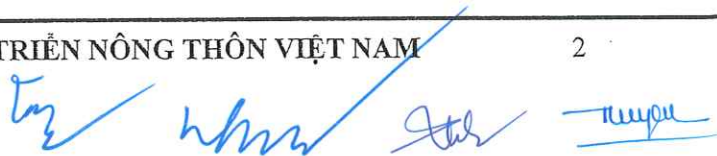
(Handwritten signatures and stamps)

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	3
1. Rủi ro về kinh tế	3
2. Rủi ro về luật pháp	6
3. Rủi ro về ngành	7
4. Rủi ro đối với trái phiếu niêm yết.....	10
5. Rủi ro khác	11
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	12
1. Tổ Chức Niêm Yết	12
2. Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết	12
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	13
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT.....	14
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	14
2. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức niêm yết	21
3. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức niêm yết	27
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông	31
5. Danh sách những công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.	32
6. Hoạt động kinh doanh	34
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	60
8. Vị thế của Tổ chức niêm yết so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.....	66
9. Chính sách đối với người lao động.....	68
10. Chính sách cổ tức	70
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	70
12. Hội đồng thành viên, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	75
13. Tài sản	102
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm 2022.....	104
15. Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	106
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết....	107
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.....	107

Tm *nmz* *thl* *nyye*

V. TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT	108
1. Mã trái phiếu.....	108
2. Loại trái phiếu.....	108
3. Số lượng trái phiếu phát hành.....	108
4. Tổng giá trị theo mệnh giá.....	108
5. Ngày phát hành.....	108
6. Ngày đáo hạn.....	108
7. Thời hạn trái phiếu	108
8. Mệnh giá.....	108
9. Mục đích phát hành trái phiếu	108
10. Nguồn thanh toán trái phiếu	108
11. Tổng số trái phiếu niêm yết.....	109
12. Lãi suất	109
13. Kỳ trả lãi	109
14. Mua lại trái phiếu.....	109
15. Các đặc điểm pháp lý khác của trái phiếu	110
16. Số lượng trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	110
17. Xếp hạng tín nhiệm	110
18. Phương pháp tính giá.....	111
19. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn	111
20. Phương thức thực hiện quyền.....	111
21. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với trái phiếu niêm yết.....	111
22. Cam kết về tỷ lệ đảm bảo	112
23. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	113
24. Các loại thuế liên quan	113
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	115
1. Tổ Chức Kiểm Toán Báo Cáo Tài Chính	115
2. Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết	115
VII. PHỤ LỤC	116
VIII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT, TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	117



4-C
NG
HIỆP
RIỂN
ON
M
P. H.A

T
N
O
N

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

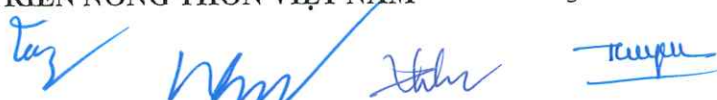
1.1. Rủi ro lãi suất trên Sổ ngân hàng và Sổ kinh doanh

Rủi ro lãi suất bao gồm rủi ro lãi suất trên sổ kinh doanh và rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng. Trong đó, rủi ro lãi suất trên sổ kinh doanh là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với giá trị của giấy tờ có giá, công cụ tài chính có lãi suất, sản phẩm phái sinh lãi suất trên sổ kinh doanh của Agribank. Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng là rủi ro biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của Agribank phát sinh do: Chênh lệch thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ xác định lại lãi suất; Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất của các công cụ tài chính khác nhau nhưng có cùng thời điểm đáo hạn; Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất ở các kỳ hạn khác nhau; Tác động từ các sản phẩm quyền chọn lãi suất, các sản phẩm có yếu tố quyền chọn lãi suất.

Khi lãi suất thị trường biến động, tùy thuộc vào trạng thái khe hở tài sản nhạy cảm lãi suất và khe hở kỳ hạn, thu nhập ròng từ lãi và giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu của Agribank có thể sẽ bị ảnh hưởng.

Để phòng tránh rủi ro lãi suất, Agribank trong thời gian qua đã chủ động áp dụng một số chính sách để giảm thiểu rủi ro lãi suất như:

- Xây dựng và hoàn thiện khung quy định, quy trình quản lý rủi ro lãi suất đáp ứng yêu cầu của Thông tư số 13/2018/TT – NHNN ngày 18/5/2018 về Quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tiến tới tuân thủ quy định của Basel II;
- Xây dựng và hoàn thiện bộ chỉ số quản lý rủi ro lãi suất, thường xuyên nhận diện, đo lường, giám sát và kiểm soát rủi ro lãi suất, đảm bảo trạng thái rủi ro lãi suất của Ngân hàng nằm trong giới hạn rủi ro cho phép;
- Áp dụng điều khoản chi phí huy động vốn thực tế trong các hợp đồng tín dụng nhằm giảm thiểu tác động của rủi ro lãi suất đến lợi nhuận và giá trị vốn chủ sở hữu của Ngân hàng;
- Sử dụng các công cụ tài chính trên thị trường liên ngân hàng và các công cụ lãi suất nhằm tái cấu trúc bảng cân đối để quản lý trạng thái rủi ro lãi suất nằm trong các hạn mức được cho phép.
- Agribank tin rằng đã và đang áp dụng các biện pháp quản trị rủi ro lãi suất một cách hợp lý. Tuy nhiên, khi lãi suất thị trường biến động quá nhanh và lớn thì rủi ro lãi suất vẫn có những ảnh hưởng nhất định.



1.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với Agribank. Rủi ro tín dụng có thể là do kết quả kinh doanh sụt giảm của khách hàng của Agribank hoặc do sụt giảm chung của hoạt động kinh tế, tất cả các yếu tố đó đều có thể ảnh hưởng đến khả năng thu hồi vốn và giá trị tài sản của ngân hàng, đòi hỏi ngân hàng phải tăng mức dự phòng đối với rủi ro tài sản và các rủi ro tín dụng khác.

Rủi ro tín dụng là rủi ro cơ bản, ảnh hưởng trọng yếu đối với hoạt động của các NHTM Việt Nam. Trong những năm qua, Agribank thường xuyên và luôn quan tâm chú trọng đến rủi ro tín dụng, xác định giới hạn mức rủi ro hợp lý đồng thời chủ động và kịp thời áp dụng các biện pháp quản trị nhằm duy trì rủi ro tín dụng trong mức giới hạn, đảm bảo an toàn hiệu quả.

Nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng có thể xuất phát từ việc thông tin được cung cấp không đầy đủ, trung thực; khách hàng cố tình không trả nợ, chủ ý lừa đảo ngân hàng; sự suy giảm chung của nền kinh tế khu vực hoặc toàn cầu; việc sụt giảm hiệu quả kinh doanh của khách hàng... Tất cả những rủi ro đó có thể ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ vay của Agribank và đòi hỏi Agribank phải tăng chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.

Để kiểm soát nợ xấu, Agribank đã quyết liệt triển khai nhiều giải pháp: (i) Xây dựng, triển khai phương án xử lý nợ xấu năm 2021 và giao kế hoạch xử lý nợ xấu đến từng chi nhánh; (ii) Định kỳ hàng tháng, gửi Trung tâm Thông tin Tín dụng Quốc gia Việt Nam (CIC) danh sách khách hàng vay được Agribank cơ cấu giữ nguyên nhóm nợ do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 để loại trừ, không chuyển nhóm nợ cao hơn theo các tổ chức tín dụng khác; (iii) Thực hiện trích lập dự phòng rủi ro đảm bảo trích đúng, trích đủ theo kế hoạch của Ngân hàng Nhà nước và theo quy định; giao kế hoạch trích lập dự phòng rủi ro để các chi nhánh chủ động về tài chính, tăng cường trách nhiệm quản lý nợ, nâng cao chất lượng tín dụng; (iv) Giám sát chặt chẽ việc chấm điểm, xếp hạng khách hàng của các chi nhánh; rà soát tình hình phân loại nợ, diễn biến nhóm nợ của khách hàng (v) Thường xuyên giám sát các khoản nợ tiềm ẩn rủi ro, nợ có nguy cơ chuyển thành nợ xấu, thông báo danh sách để chi nhánh thực hiện biện pháp đôn đốc xử lý, thu hồi; (vi) Linh hoạt áp dụng các giải pháp xử lý theo Nghị quyết của Hội đồng thành viên về cơ cấu nợ, miễn giảm lãi, xử lý tài sản đảm bảo, bán nợ, khởi kiện...; (vii) Giám sát và chỉ đạo chi nhánh triển khai quyết liệt các giải pháp xử lý, thu hồi nợ theo phương án, lộ trình xử lý đối với từng khoản nợ; (viii) Giao kế hoạch thu hồi nợ sau xử lý; chỉ đạo chi nhánh thường xuyên phân tích, đánh giá thực trạng khách hàng, xây dựng phương án xử lý phù hợp, hiệu quả; Ban hành văn bản thường kết quả thu hồi nợ sau xử lý năm 2021...

Trong năm 2021, tình hình kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Sự thay đổi trong chính sách của các quốc gia lớn cùng với tác động tiêu cực/kéo dài của dịch Covid-19 tiềm ẩn nguy cơ khủng hoảng về tài chính, tiền tệ trên phạm vi toàn cầu và tác động không nhỏ đến chất lượng tín dụng của hệ thống ngân hàng. Nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, góp phần kiểm soát lạm phát và duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, Ngân hàng Nhà

nước đã xây dựng và triển khai chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ như ban hành Thông tư 03/2021/TT-NHNN (“Thông tư số 03”) ngày 2/4/2021, Thông tư 14/2021/TT-NHNN ngày 7/9/2021. Năm 2021, Agribank chủ động nguồn lực tài chính để trích lập dự phòng bổ sung cho các khoản nợ được cơ cấu do các tác động của dịch bệnh Covid-19 theo Thông tư số 03 nhằm nâng cao năng lực quản trị rủi ro, tăng khả năng chống chịu trước các biến động bất lợi của nền kinh tế.

1.3. Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro do biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường khi Agribank có trạng thái ngoại tệ, trạng thái vàng. Biến động tỷ giá trên thị trường càng mạnh thì rủi ro ngoại hối càng lớn. Trong quá trình hoạt động, Agribank luôn tuân thủ nghiêm túc việc quản lý rủi ro ngoại hối theo quy định của NHNN, duy trì một tỷ lệ cân xứng giữa tài sản Nợ và tài sản Có ngoại tệ, duy trì trạng thái ở mức hợp lý, đào tạo đội ngũ cán bộ có chuyên môn cao và có khả năng phân tích dự báo tình hình biến động tỷ giá của các đồng tiền và ra quyết định mua, bán các hợp đồng ngoại tệ đúng đắn. Agribank xây dựng trạng thái ngoại tệ cho các đơn vị trong toàn hệ thống và hạn mức giao dịch mua bán ngoại tệ với các Định chế tài chính có quan hệ kinh doanh ngoại tệ với Agribank. Bên cạnh đó, Agribank đã sử dụng các công cụ tài chính có khả năng phòng ngừa rủi ro như các hợp đồng Forwards, Swap... trong hoạt động kinh doanh ngoại hối. Trong những trường hợp nhất định, vẫn khó để giảm thiểu hoàn toàn rủi ro ngoại hối khi tỷ giá biến động lớn.

1.4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro do Agribank không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc Agribank có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của Agribank. Rủi ro thanh khoản bao gồm:

a) Rủi ro thanh khoản thị trường

Là tình trạng ngân hàng gặp khó khăn trong việc bù đắp thiếu hụt thanh khoản thông qua việc chuyển đổi tài sản lưu động thành tiền ở mức giá của thị trường.

b) Rủi ro thanh khoản nguồn vốn

Là tình trạng ngân hàng thiếu khả năng thanh toán, không đáp ứng ngay được các nghĩa vụ chi trả hiện tại và trong tương lai theo dự kiến và phát sinh đột xuất.

Để hạn chế rủi ro thanh khoản, Agribank đã triển khai thực hiện đầy đủ quy định của NHNN về tỷ lệ khả năng chi trả theo quy định hiện hành, đồng thời xây dựng hệ thống báo cáo quản trị về theo dõi dòng tiền ra vào. Ban Kế hoạch Nguồn vốn, Trung tâm Quản lý rủi ro phi tín dụng phối hợp với các đơn vị liên quan thường xuyên xem xét và tính toán các tỷ lệ khả năng thanh khoản và có biện pháp đảm bảo tỷ lệ khả năng thanh khoản trong từng khoảng thời gian tiếp theo. Agribank cũng đã xây dựng kế hoạch dự phòng trường hợp xảy ra khủng hoảng thanh

5867
AN H
G NG
HAT T
NG TH
T NA
H - T

khoản và cách đối phó trong từng thời kỳ. Với sự phát triển ổn định, khả năng nắm bắt và theo dõi kịp thời biến động vốn khả dụng, Agribank luôn đảm bảo an toàn thanh khoản và đáp ứng tối đa nhu cầu thanh toán của khách hàng.

Hơn nữa, Agribank duy trì khối lượng tài sản có tính thanh khoản cao đảm bảo khả năng chi trả trong các điều kiện bình thường, bất thường; tuân thủ đúng các tỷ lệ về đảm bảo thanh khoản theo quy định của NHNN; và luôn sẵn sàng để tham gia nghiệp vụ thị trường mở với NHNN để đảm bảo thanh khoản của hệ thống. Agribank cũng thiết lập và duy trì quan hệ hạn mức giao dịch với các ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác để hỗ trợ lẫn nhau khi cần thiết.

1.5. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

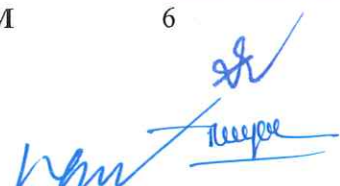
Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Agribank thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này đã tạo ra những rủi ro tín dụng cho ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Để giảm thiểu rủi ro từ hoạt động ngoại bảng, Agribank đã xây dựng, sửa đổi các quy trình, quy chế, quy định về công tác tín dụng; thường xuyên tổ chức kiểm tra, kiểm soát các nghiệp vụ, đảm bảo ngăn ngừa các yếu tố tiềm ẩn rủi ro; xử lý nghiêm túc và cá nhân liên quan các tồn tại vi phạm; tăng cường công tác tập huấn, hướng dẫn các quy định pháp luật, các quy định, quy trình của Agribank cho cán bộ toàn hệ thống.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro pháp lý liên quan đến những sự cố hoặc sai sót trong quá trình hoạt động kinh doanh làm thiệt hại cho khách hàng và đối tác dẫn đến việc Agribank bị khởi kiện. Rủi ro này có thể phát sinh trong các mảng hoạt động của Agribank, đặc biệt là hoạt động tín dụng, thanh toán quốc tế. Bên cạnh đó, là một đơn vị hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng nên mọi hoạt động của Agribank chịu sự điều chỉnh của các quy định luật pháp theo từng thời kỳ như Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, các văn bản chính sách của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) và các bộ ngành liên quan khác. Mọi sự thay đổi của quy định pháp luật cũng như chính sách của NHNN đều ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của Agribank.

Trong thời gian vừa qua, nhiều văn bản pháp luật mới được ban hành nhằm thực hiện sửa đổi, bổ sung, thay thế các luật cũ đã không còn phù hợp như Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư Đồng thời, Chính phủ và các bộ, ngành, Ngân hàng Nhà nước cũng đã ban hành nhiều Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành các văn bản pháp luật có liên quan. Tuy nhiên, với đặc thù là nền kinh tế đang phát triển và đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ nên mặc dù Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh trong lĩnh vực tín dụng nhưng có thể thấy hệ thống pháp luật Việt Nam về tổ chức tín dụng tại Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện dần để đáp ứng thông lệ quốc tế. Vì vậy, đây vẫn có thể được coi là một trong các rủi ro tiềm tàng đối với các nhà đầu tư Trái Phiếu liên quan đến vấn đề thay đổi quy định pháp luật từ phía các cơ quan

74-C
 ANH
 HIỆP
 RIỂN
 ON
 M
 H A P

S. C
 G

quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

Bên cạnh đó, Agribank chủ động tiến hành phân tích thị trường, nghiên cứu kỹ lưỡng và cập nhật các văn bản pháp luật hiện hành nhằm ứng phó được với những thay đổi về khung pháp lý. Đồng thời, Agribank có Ban Pháp chế với chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc ban hành các cơ chế, quy chế, quy trình nghiệp vụ; thực hiện rà soát, đánh giá định kỳ về tính thích hợp, tuân thủ quy định của pháp luật, thay đổi quy định liên quan của pháp luật và các vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động của Agribank.

3. Rủi ro về ngành

3.1. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với Agribank (bao gồm cả rủi ro pháp lý). Rủi ro hoạt động không bao gồm:

- *Rủi ro danh tiếng* là rủi ro do khách hàng, đối tác, nhà đầu tư hoặc công chúng có phản ứng tiêu cực về uy tín của Agribank;
- *Rủi ro chiến lược* là rủi ro do Agribank có hoặc không có chiến lược, chính sách ứng phó kịp thời trước các thay đổi môi trường kinh doanh làm giảm khả năng đạt được chiến lược kinh doanh, mục tiêu lợi nhuận của Agribank.

Trong giai đoạn vừa qua, Agribank đã thực sự nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác quản trị rủi ro hoạt động trong hệ thống. Một số công cụ chính để quản lý rủi ro hoạt động như:

- *Về hệ thống văn bản quản trị điều hành:* Agribank đã ban hành Quy chế quản trị điều hành nội bộ của Agribank, Quy chế quản lý lao động, Quy chế quản lý Người giữ chức danh chức vụ trong hệ thống Agribank, Quy chế làm việc của Trụ sở chính Agribank, Quy chế tổ chức và hoạt động của các Ban, Trung tâm tại Trụ sở chính, các văn bản Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị tại Trụ sở chính, Quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, Nội quy lao động ... Qua đó, quy định rõ về nguyên tắc quản trị điều hành cơ bản của Agribank là:
 - + Tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ Agribank;
 - + Tôn trọng và đảm bảo quyền lợi hợp pháp của Nhà nước, Agribank, khách hàng trên cơ sở quản trị rủi ro có hiệu quả các hoạt động kinh doanh và tài chính của Agribank;
 - + Minh bạch trong hoạt động; tuân thủ trình tự, thủ tục và thời gian giải quyết công việc theo quy định của pháp luật, chương trình, kế hoạch và Quy chế làm việc, trừ trường hợp đột xuất hoặc có yêu cầu khác của cơ quan cấp trên;
 - + Tạo điều kiện phát huy năng lực sở trường của người lao động; đề cao tính chủ động, phối hợp, sáng tạo trong giải quyết công việc theo chức năng, nhiệm vụ được phân công;

- + Quy định rõ trách nhiệm quyền hạn của Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát, Người điều hành, Người quản lý khác. Bên cạnh đó, việc phân cấp, ủy quyền trong quản trị điều hành cũng được quy định cụ thể với mục tiêu: Việc phân công, phân cấp, ủy quyền phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, các quy chế, quy trình nghiệp vụ và quản lý nội bộ của Agribank;
- + Đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ và chế độ trách nhiệm của người đứng đầu; mọi cá nhân phải chịu trách nhiệm trước tổ chức, cấp trên và pháp luật về các quyết định của mình; đảm bảo cụ thể, rõ người, rõ việc, phù hợp với chức năng nhiệm vụ của đơn vị; tổ chức và cá nhân có thẩm quyền phân công, phân cấp, ủy quyền phải có trách nhiệm tăng cường kiểm tra, giám sát đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, cá nhân được phân công, phân cấp, ủy quyền và là người liên đới chịu trách nhiệm về việc phân công, phân cấp và ủy quyền của mình...;
- + Sự minh bạch trong hoạt động của Agribank cũng được cụ thể hóa trên cơ sở những quy định về Chế độ thông tin, báo cáo.

Hiện nay, Agribank đang triển khai rà soát, kiện toàn mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị đảm bảo nguyên tắc độc lập của 3 tuyến bảo vệ; rà soát, đánh giá để chỉnh sửa, bổ sung hoặc ban hành mới các quy chế, quy trình, quy định nội bộ liên quan đến giám sát của quản lý cấp cao, quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ, mức độ đủ vốn và kiểm toán nội bộ theo yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

- *Về công tác phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố; báo cáo tuân thủ FATCA:* Agribank đã xây dựng quy chế phòng chống rửa tiền, quy định các biện pháp nhận biết, cập nhật thông tin khách hàng, rà soát các khách hàng, giao dịch so với các danh sách cấm vận, trừng phạt của UN, EU, OFAC, báo cáo tuân thủ PCRT nhằm phòng ngừa tội phạm rửa tiền, hoạt động tài trợ khủng bố và đáp ứng thông lệ quốc tế. Agribank thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố cho cán bộ để cập nhật các quy định mới của pháp luật, quy định nội bộ, các tình huống phát sinh trong quá trình giao dịch và rút ra bài học kinh nghiệm cho cán bộ. Agribank thực hiện thu thập, cập nhật thông tin khách hàng liên quan đến Mỹ, gửi các báo cáo FATCA theo hướng dẫn của NHNN.
- *Về hệ thống thông tin báo cáo:* Hàng năm, qua mỗi quý, nửa năm và cuối mỗi năm, Agribank đều tổ chức sơ kết, tổng kết các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, qua đó phân tích, đánh giá kết quả đạt được, những điểm còn tồn tại hạn chế và đưa ra giải pháp khắc phục phù hợp. Nhờ đó, việc vận hành, tác nghiệp các nghiệp vụ được kiểm soát kịp thời. Agribank tổ chức công bố các thông tin, số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh theo quy định của NHNN, của pháp luật.
- *Về hệ thống các văn bản điều hành khác:* Bên cạnh những văn bản liên quan đến hoạt động tín dụng, quy chế hoạt động của các Ban, Trung tâm, Đơn vị tại Trụ sở chính đã được ban hành, các quy trình, quy định nghiệp vụ của các lĩnh vực hoạt động khác cũng được Hội đồng thành viên và Ban điều hành của Agribank quan tâm, chỉ đạo toàn diện thông qua một



hệ thống quy định, quy trình cụ thể tới từng lĩnh vực như: Về tổ chức cán bộ, thanh toán quốc tế, về tiếp thị, truyền thông, về quản lý tài chính - kế toán, kho quỹ,...

Hệ thống kiểm soát nội bộ của Agribank được tổ chức thống nhất trong toàn hệ thống Agribank, tất cả các đơn vị đều có trách nhiệm chung trong việc xây dựng, tổ chức triển khai, vận hành, kiểm tra, giám sát sự an toàn trong hoạt động của Agribank: Chịu trách nhiệm cụ thể trong từng khâu công việc theo chức năng nhiệm vụ được phân công từ đề xuất, kiểm soát, phê duyệt. Công tác kiểm tra, kiểm soát được người có thẩm quyền xây dựng theo yêu cầu kiểm tra gồm: Kiểm tra toàn diện, kiểm tra chuyên đề, kiểm tra đột xuất tùy theo tính chất, phạm vi, đặc điểm hoạt động của từng đơn vị, từng lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ. Bên cạnh đó, Agribank rất chú trọng việc giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, nhân viên nhằm ngăn ngừa các hành vi không lành mạnh, phòng ngừa rủi ro hoạt động do yếu tố con người, có cơ chế khen thưởng, kỷ luật phù hợp, công khai. Hàng năm, Agribank tổ chức tập huấn nghiệp vụ, kiến thức pháp luật để nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật, kỹ năng kiểm tra, giám sát nhằm phát hiện sớm rủi ro để cảnh báo, phòng ngừa và ngăn chặn.

Đến Quý I/năm 2022, công tác quản lý rủi ro hoạt động tiếp tục được cập nhật, triển khai tại Agribank thông qua việc: Xây dựng chiến lược, quy chế, quy định, quy trình văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, các công cụ, hệ thống đo lường, giám sát, báo cáo rủi ro hoạt động; điều chỉnh mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị tại Trụ sở chính theo mô hình các khối nghiệp vụ, có đơn vị đầu mối quản lý toàn diện dịch vụ cung cấp cho khách hàng với phương châm “lấy khách hàng làm trung tâm”, có đơn vị nghiệp vụ gắn với trách nhiệm quản lý toàn hệ thống; nâng cao vai trò vị trí của các Văn phòng đại diện Khu vực; thành lập và triển khai hoạt động của Trung tâm Quản lý rủi ro tín dụng, Trung tâm Quản lý rủi ro phi tín dụng, Trung tâm Quản lý nợ có vấn đề, Ban Thẩm định và Phê duyệt tín dụng, Ban Khách hàng cá nhân, Ban Khách hàng doanh nghiệp; từng bước thực hiện kiện toàn mô hình rủi ro phù hợp với yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

3.2. Tính thanh khoản của thị trường thứ cấp đối với Trái Phiếu

Không có gì đảm bảo về tính thanh khoản của thị trường đối với Trái Phiếu và không có gì đảm bảo rằng có tồn tại một thị trường giao dịch có thanh khoản cao cho Trái Phiếu. Trái Phiếu có thể được giao dịch ở các mức giá cao hơn hoặc thấp hơn giá phát hành ban đầu phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, bao gồm cả yếu tố về lãi suất áp dụng, kết quả hoạt động của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và hoạt động của thị trường dành cho các loại chứng khoán tương tự.

3.3. Rủi ro tập trung

Rủi ro tập trung là rủi ro do ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có hoạt động kinh doanh tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), đối tác, sản phẩm, giao dịch, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Để hạn chế rủi ro tập trung, Agribank đã ban hành quy định về quản lý rủi ro tập trung tín dụng, xây dựng hạn mức rủi ro tập trung tín dụng theo khách hàng, theo sản phẩm, ngành/lĩnh vực



kinh tế; các tiêu chí nhận diện người có liên quan, quản lý nhóm khách hàng có liên quan.

3.4. Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin

Hệ thống công nghệ thông tin có thể tiềm ẩn một số rủi ro nhất định đối với hoạt động kinh doanh ngân hàng. Các rủi ro có thể đến từ các nguyên nhân khác nhau như: Agribank phải sử dụng phần mềm, hỗ trợ công nghệ, đường truyền, hệ thống cung cấp từ nhiều đơn vị cung cấp khác nhau, từ việc người sử dụng không tuân thủ chặt chẽ các quy trình vận hành, quản trị, kiểm soát, bảo mật an ninh, an toàn hệ thống hay từ các rủi ro do thiên tai, hỏa hoạn; rủi ro từ việc tấn công mạng (hacker)...

Đáp ứng yêu cầu Thông tư 09/2020/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước ngày 21/10/2020 quy định về an toàn hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng, Agribank hết sức chú trọng việc đảm bảo hoạt động an toàn, bảo mật của tất cả các hệ thống; xây dựng và triển khai các giải pháp an ninh bảo mật cho các cấu phần hệ thống công nghệ thông tin; xây dựng, cập nhật, bổ sung các quy trình về công nghệ thông tin, hoàn thiện chính sách, quy định về an toàn thông tin, nâng cao khả năng an toàn của hệ thống.

3.5. Rủi ro đối thủ cạnh tranh

Agribank hiện đang chịu áp lực cạnh tranh ngày càng tăng từ các ngân hàng khác (bao gồm cả ngân hàng thương mại có vốn Nhà nước chi phối khác, ngân hàng thương mại cổ phần, các ngân hàng 100% vốn nước ngoài và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam). Nếu Chính phủ Việt Nam mở cửa rộng hơn với các nhà đầu tư nước ngoài theo các hiệp định thương mại đã ký kết hoặc vì bất kỳ lý do nào khác, sự cạnh tranh trong ngành ngân hàng sẽ gia tăng đáng kể.

4. Rủi ro đối với trái phiếu niêm yết

4.1. Các khoản thanh toán tiền lãi Trái Phiếu có thể bị giảm trừ hoặc khấu trừ thuế nếu pháp luật yêu cầu

Nhà đầu tư cần biết rằng tiền lãi Trái Phiếu và lợi nhuận thu được từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu có thể là đối tượng chịu thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam. Do đó các khoản tiền mà nhà đầu tư có thể nhận được liên quan đến Trái Phiếu có thể sẽ bị khấu trừ thuế theo quy định của pháp luật theo Khoản V.24.

4.2. Những thay đổi đáng kể về lãi suất của Trái Phiếu

Trái Phiếu có lãi suất kết hợp giữa cố định và thả nổi. Lãi suất cho các kỳ tính lãi không phải là 2 (hai) kỳ tính lãi đầu tiên của Trái Phiếu có thể thay đổi đáng kể phụ thuộc vào mức lãi suất trung bình của lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân, kỳ hạn 12 (mười hai) tháng trả sau bằng Đồng Việt Nam do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (áp dụng tại Chi nhánh Sở Giao Dịch 1), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (áp dụng tại Sở Giao Dịch), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (áp dụng tại Chi nhánh Hà Nội) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (áp dụng tại Sở Giao Dịch) công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan. Bất kỳ thay đổi đáng kể nào về lãi suất đều có thể ảnh hưởng bất lợi

74-C
ANG
HIỆP
RIỂN
IÊN
M
P. H

8
G
PH
K
3

T

đến dòng lưu chuyển tiền tệ và điều kiện tài chính của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết cũng như nhà đầu tư Trái Phiếu.

5. Rủi ro khác

Bên cạnh đó, một số rủi ro bất khả kháng như thiên tai, bão lụt, động đất, hạn hán, hỏa hoạn, dịch bệnh... ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp và các ngành chế biến, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, tác động ít nhiều đến hoạt động của Agribank đặc biệt đây là lĩnh vực đầu tư chính của Agribank.



T
M
H
M
N

Handwritten signatures in blue ink:
 [Signature 1] [Signature 2] [Signature 3]

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ Chức Niêm Yết

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

- | | |
|-----------------------------|---|
| - Ông: Phạm Đức Ân | - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên |
| - Ông: Tiết Văn Thành | - Chức vụ: Tổng Giám đốc |
| - Ông: Phạm Đức Tuấn | - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc có liên quan đến việc đăng ký niêm yết |
| - Ông: Phùng Văn Hưng Quang | - Chức vụ: Kế toán trưởng |
| - Ông: Trần Trọng Dương | - Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

Đại diện được ủy quyền:

- | | |
|-------------------------|--------------------------|
| - Ông: Đinh Ngọc Phương | - Chức vụ: Tổng Giám đốc |
|-------------------------|--------------------------|

(Theo Quyết định số 88A/QĐ-CT.HĐQT ngày 11/08/2018 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị về ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của người đại diện theo pháp luật).

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu do Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 02/2021/TV-ĐL/AGRISECO - AGRIBANK ngày 04 tháng 11 năm 2021 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp.

TS

WLM

WLM

10061
NGÂN
HÀNG
NÔNG
NHIỆP
VÀ
PHÁT
TRIỂN
NÔNG
THÔN
VIỆT
NAM


11/11/2021

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Bản Cáo Bạch	: Bản Cáo Bạch này là bản cung cấp thông tin của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết về trái phiếu chào bán, tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư Trái Phiếu.
Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết/Agribank	: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam
Tổ chức tư vấn/Agriseco	: Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank
NHTM	: Ngân hàng thương mại
TCTD	: Tổ chức tín dụng
CTCP	: Công ty cổ phần
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
NHNN	: Ngân hàng Nhà nước
TMCP	: Thương mại cổ phần
HĐTV	: Hội đồng thành viên
BKS	: Ban Kiểm soát
BCTC	: Báo cáo tài chính
HĐKT	: Hoạt động kinh doanh
ATM	: Automated Teller Machine – Máy rút tiền tự động
KBNN	: Kho bạc Nhà nước
NSNN	: Ngân sách Nhà nước
VSD	: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
SGDCK	: Sở Giao dịch Chứng khoán
UBCKNN	: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước

Các từ ngữ, khái niệm khác được sử dụng trong Bản Cáo Bạch này nhưng không được giải thích/định nghĩa trong mục này sẽ có nghĩa như được giải thích/định nghĩa trong các mục khác của Bản Cáo Bạch này.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển
1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

❖ Tên tiếng Việt	: NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM
❖ Tên giao dịch quốc tế	: VIETNAM BANK FOR AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT
❖ Tên viết tắt	: AGRIBANK
❖ Trụ sở chính	: Số 02 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
❖ Điện thoại	: 024 3772 2773 - Fax: 024. 3831 4069
❖ Website	: www.agribank.com.vn
❖ Logo	
❖ Vốn thực góp của CSH đến 31/12/2021	: 34.328.393 triệu đồng (tại thời điểm 31/12/2021 theo BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021).
❖ Vốn điều lệ theo Giấy CNĐKKD ngày 17/02/2021	: 34.209.923.001.584 đồng. (*)
❖ Giấy phép thành lập và hoạt động	: Giấy phép Thành lập và Hoạt động Ngân hàng số 24/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 26/5/2021.
❖ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	: 0100686174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 26/02/2004, thay đổi lần thứ 13 ngày 17/02/2021.
❖ Người đại diện theo pháp luật	: Ông Tiết Văn Thành – Chức vụ: Tổng Giám đốc
❖ Mã số thuế	: 0100686174

(*) Ngân hàng hiện đang làm thủ tục thay đổi giấy đăng ký kinh doanh theo vốn điều lệ mới. Khi hoàn thiện thủ tục Agribank sẽ công bố thông tin theo đúng quy định của Pháp luật.

➤ Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

Agribank tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy phép thành lập và hoạt động do NHNN cấp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Điều lệ Agribank, và phù hợp với quy định

của pháp luật. Hoạt động kinh doanh chính của Agribank bao gồm:

STT	Tên ngành
1	Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2	Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: a) Cho vay; b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; c) Bảo lãnh ngân hàng; d) Phát hành thẻ tín dụng; e) Bao thanh toán trong nước.
3	Mở tài khoản cho khách hàng
4	Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: a) Cung ứng phương tiện thanh toán; b) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
5	Mở tài khoản: a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
6	Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
7	Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
8	Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sát nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
9	Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
10	Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
11	Dịch vụ môi giới tiền tệ
12	Phát hành chứng chỉ tiền gửi, ký phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
13	Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
14	Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
15	Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
16	Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

STT	Tên ngành
17	Kinh doanh, cung cấp dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.
18	Lưu ký chứng khoán.
19	Kinh doanh mua, bán vàng miếng.
20	Mua nợ

1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức niêm yết

NĂM	MỐC LỊCH SỬ
1988	Thành lập với tên gọi Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp Việt Nam theo Nghị định số 53/NĐ-HĐBT ngày 26/3/1988 của Hội đồng Bộ trưởng.
1990	Đổi tên thành Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 400/CT ngày 14/11/1990 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.
1995	Thành lập Ngân hàng phục vụ người nghèo, nay là Ngân hàng Chính sách xã hội, tách ra từ Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 230/QĐ-NH5 của Ngân hàng Nhà nước ngày 01/09/1999.
1996	Đổi tên thành Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) theo Quyết định số 280/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước ngày 15/11/1996.
2003	Được phong tặng Danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới Triển khai hiện đại hóa hệ thống thanh toán và kế toán khách hàng (IPCAS) tại các chi nhánh của Agribank.
2005	Mở Văn phòng đại diện nước ngoài đầu tiên tại Campuchia
2007	Được Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) xếp hạng là Doanh nghiệp số 1 Việt Nam
2008	Kỷ niệm 20 năm thành lập.
	Được Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng Nhì.
	Đảm nhận chức Chủ tịch Hiệp hội Tín dụng Nông nghiệp và Nông thôn châu Á – Thái Bình Dương (APRACA). Top 10 Giải thưởng Sao Vàng đất Việt.
2009	Vinh dự được đón Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam tới thăm và làm việc.
	Lần thứ 2 đạt Giải thưởng TOP 10 Sao vàng đất Việt
	Khai trương hệ thống IPCAS II, kết nối trực tuyến toàn bộ 2.300 chi nhánh và phòng giao dịch trên toàn hệ thống.
2010	Khai trương chi nhánh tại Campuchia; Khẳng định vị trí ngân hàng số 1 Việt Nam trong lĩnh vực phát triển chủ thẻ
	Top 10 trong 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (Bảng xếp hạng VNR500)
2011	Chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ theo Quyết định số 214/QĐ-NHNN ngày 31/01/2011 của Thống đốc NHNN với vốn điều lệ là 21.041.641.522.375 đồng
2012	Ngân hàng thương mại có quy mô tổng tài sản lớn nhất Việt Nam.
	Top 10 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (Bảng xếp hạng VNR500); Doanh nghiệp tiêu biểu ASEAN; Thương hiệu nổi tiếng ASEAN; Ngân hàng có chất lượng thanh toán cao; Ngân hàng thương mại thanh toán hàng đầu Việt Nam.
	Kỷ niệm 25 năm ngày thành lập. Được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba về thành tích xuất sắc phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn và nông dân trong thời kỳ Đổi mới.
2014	Thay đổi hệ thống nhận diện thương hiệu
	Ngân hàng Thương mại duy nhất lần thứ 5 liên tiếp thuộc Top 10 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (Bảng xếp hạng VNR500)
	Tổ chức xếp hạng quốc tế Fitch Ratings nâng xếp hạng tín nhiệm của Agribank lên B+
2015	Triển khai thành công Đề án Tái cơ cấu đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phê duyệt.
	Thành lập Trung tâm Vốn Agribank nhằm nâng cao tính tập trung, chuyên nghiệp và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh Vốn và Ngoại tệ.
	Ra mắt hệ thống phát hành và thanh toán thẻ CHIP theo chuẩn EMV đem lại nhiều tiện ích và an toàn hơn cho chủ thẻ Agribank.
	Tổng Tài sản cán mốc trên 01 triệu tỷ đồng.



NĂM	MỐC LỊCH SỬ
2016	Ngân hàng đứng đầu hệ thống ngân hàng theo Bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, năm đầu tiên thực hiện Đề án chiến lược kinh doanh giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Đề án chiến lược phát triển sản phẩm dịch vụ giai đoạn 2016-2020, Top 20 Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam.
2017	Giữ vững vị trí Top 3 ngân hàng thương mại dẫn đầu thị trường thẻ.
	Đứng thứ 6 trong 500 doanh nghiệp lớn nhất và thứ nhất trong các Ngân hàng thương mại tại Việt nam theo bảng xếp hạng VNR500.
	Top 20 Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam
2018	Tổ chức xếp hạng quốc tế Fitch Ratings nâng mức triển vọng của Agribank từ “Ổn định” lên “Tích cực” với đánh giá xếp hạng Nhà phát hành nợ dài hạn ở mức B+
	Kỷ niệm 30 năm thành lập.
2019	Được trao tặng Huân chương lao động hạng Nhất
	Năm thứ 6 liên tiếp đạt Top 10 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (Bảng xếp hạng VNR500).
2020	Được tổ chức Xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody’s xếp hạng ở mức Ba3, tương đương mức tín nhiệm quốc gia ; Xếp hạng thứ 142/500 Ngân hàng lớn nhất châu Á về quy mô tài sản.
	Lợi nhuận đạt mức cao kỷ lục trong 31 năm hoạt động
2020	Hoàn thành thắng lợi Phương án Tái cơ cấu Agribank gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 – 2020; Quốc hội nhất trí cho chủ trương bổ sung vốn điều lệ cho Agribank 3.500 tỷ đồng.
2021	Hoàn thành toàn diện 9/9 chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh trong điều kiện thích ứng an toàn để thực hiện mục tiêu kép vừa phòng chống đại dịch Covid-19 hiệu quả, vừa góp phần hỗ trợ khách hàng, doanh nghiệp khắc phục khó khăn, từng bước phục hồi sản xuất, kinh doanh. Xếp hạng cao nhất trong các ngân hàng Việt Nam tại Bảng xếp hạng 500 thương hiệu ngân hàng giá trị lớn nhất toàn cầu theo đánh giá của Công ty tư vấn định giá thương hiệu hàng đầu thế giới Brand Finance và Bảng xếp hạng 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500).

➤ **Các giải thưởng và danh hiệu, xếp hạng tín nhiệm**

- 13 năm đạt “TOP10 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam”.
- Là “Thương hiệu Quốc gia” năm 2018, 2020.
- 03 năm liên tiếp đạt “Ngân hàng vì Cộng đồng” ; “Ngân hàng tiêu biểu về hỗ trợ đầu tư cho nông nghiệp công nghệ cao”.
- 02 năm liên tiếp trong "Top 10 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam" (2019,2020).
- Đạt 9 giải thưởng Sao Khuê cho hệ thống/phần mềm CNTT xuất sắc trong lĩnh vực Tài chính/Ngân hàng từ năm 2016 cho đến nay: Agribank E-Mobile Banking, BillPayment, AgriTax, Thẻ Chip chuẩn EMV, Agribank CDM 24/7...
- “Ngân hàng thực hiện trách nhiệm xã hội và chương trình xanh của năm” và “Ngân hàng có giải pháp thanh toán trên điện thoại tốt nhất của năm” (phạm vi Việt Nam) ; “Ngân hàng bán lẻ nội địa tốt nhất năm tại Việt Nam 2020” do tổ chức Asian Banking & Finance trao tặng.
- 02 năm liên tiếp Giải thưởng “Chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc” do ngân hàng J.P.Morgan Chase và Wells Fargo trao tặng.

- 03 năm liên tiếp là ngân hàng xếp hạng cao nhất trong các ngân hàng Việt Nam tại bảng xếp hạng Thương hiệu ngân hàng giá trị nhất toàn cầu năm (2020, 2021, 2022) theo đánh giá của Công ty tư vấn định giá thương hiệu hàng đầu thế giới Brand Finance.
- Ngân hàng có thứ hạng cao nhất trong số những ngân hàng Việt Nam tại bảng xếp hạng 500 ngân hàng hàng đầu khu vực Châu Á Thái Bình Dương về quy mô tài sản trong năm 2021 được tạp chí The Asian Banker công bố.
- Được Tổ chức Xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's xếp hạng ở mức Ba3, tương đương mức tín nhiệm quốc gia và là mức xếp hạng cao nhất đối với các NHTM ở Việt Nam.

➤ **Tầm nhìn, giá trị cốt lõi, sứ mệnh, triết lý kinh doanh**

- **Tầm nhìn:** Giữ vững vị thế Ngân hàng thương mại hàng đầu Việt Nam, hiện đại và hội nhập, hướng tới ngân hàng số, chuyển đổi thành Ngân hàng thương mại cổ phần. Phấn đấu đứng trong Top 100 ngân hàng lớn nhất khu vực châu Á về quy mô tài sản.
- **Giá trị cốt lõi:** Trung thực, Kỷ cương, Sáng tạo, Chất lượng, Hiệu quả.
- **Sứ mệnh:** Phát huy vị thế, vai trò của Ngân hàng thương mại hàng đầu Việt Nam, giữ vai trò chủ lực trên thị trường tài chính, nhất là nông nghiệp, nông thôn, góp phần quan trọng ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng và bảo đảm an sinh xã hội.
- **Triết lý kinh doanh:** Mang phần thịnh đến khách hàng.

➤ **Trách nhiệm xã hội**

Là một trong các ngân hàng thương mại Nhà nước đóng vai trò chủ lực trong hệ thống ngân hàng, bên cạnh hoạt động kinh doanh, Agribank tích cực triển khai công tác hỗ trợ an ninh xã hội trên khắp cả nước, thể hiện tinh thần trách nhiệm với cộng đồng, góp phần tích cực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững và Xây dựng nông thôn mới theo chủ trương của Đảng, Nhà nước.

Hàng năm, Agribank đều dành hàng trăm tỉ đồng để thực hiện nhiều chương trình an sinh xã hội, tập trung vào các lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, tài trợ giáo dục, y tế, giao thông nông thôn, quan tâm chia sẻ và hỗ trợ người nghèo, đồng bào vùng sâu vùng xa, dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và giảm thiểu thiệt hại thiên tai, dịch bệnh.

Năm 2021, trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng nặng nề đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội, Agribank thể hiện vai trò tiên phong, gương mẫu của một định chế tài chính lớn của Nhà nước trong việc triển khai nhiều chính sách, giải pháp, điều chỉnh giảm lãi suất, miễn, giảm chi phí dịch vụ thanh toán, hỗ trợ khách hàng vượt qua khó khăn do đại dịch Covid-19. Agribank chủ động cắt giảm chi phí hoạt động, giảm lãi suất cho vay hỗ trợ cho gần 3,5 triệu khách hàng với tổng số tiền lãi đã giảm cho khách hàng là 5.512 tỷ đồng; Giảm, miễn phí dịch vụ thanh toán với tổng mức giảm lãi và phí 6.400 tỷ đồng, đứng đầu các tổ chức tín dụng tại Việt Nam.



Năm 2021, toàn hệ thống Agribank đã ủng hộ công tác phòng chống dịch hơn 500 tỷ đồng, Chung tay hỗ trợ tiêu thụ nông sản, Gian hàng 0 đồng, Triệu túi an sinh, những ATM Gạo, ATM Oxy nghĩa tình trong tâm dịch được Agribank phát động và triển khai rộng khắp, lan tỏa tinh thần, văn hóa sẻ chia của Agribank với cộng đồng.

Hưởng ứng thông điệp “Vì một Việt Nam xanh” của Thủ tướng Chính phủ, Agribank tiếp tục triển khai thực hiện chương trình “Vì tương lai xanh”, trồng mới được hơn 1 triệu cây xanh trên toàn quốc; hưởng ứng phát động của Thủ tướng Chính phủ chương trình “Sóng và máy tính cho em” hỗ trợ các em học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, thiếu phương tiện và điều kiện học tập trực tuyến; Agribank triển khai chương trình trao tặng tủ sách, thiết bị học tập “Thêm con chữ, bớt đói nghèo” được cấp ủy, chính quyền địa phương và cộng đồng xã hội đánh giá cao về ý nghĩa và tính nhân văn của chương trình.

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

Đơn vị tính: đồng

Năm	Số vốn tăng	Vốn sau khi tăng	Hình thức tăng	Căn cứ pháp lý
2011	118.470.000.000	21.160.111.522.375	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính
2012	4.700.000.000.000	25.860.111.522.375	Cấp bổ sung vốn điều lệ theo Quyết định 3000/QĐ-BTC ngày 12/12/2011	Quyết định 439/QĐ - BTC ngày 2/3/2012 của Bộ Tài Chính
2012	118.470.000.000	25.978.581.522.375	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính
2012	100.347.057.409	26.078.928.579.784	Nguồn thu hồi nợ tồn đọng nhóm II	Quyết định số 2885/QĐ-BTC ngày 12/11/2012 của Bộ Tài Chính
2013	118.470.000.000	26.197.398.579.784	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính
2013	6.983.151.982	26.204.381.731.766	Tăng vốn điều lệ từ nguồn thu hồi nợ khắc phục hậu quả cơn bão số 5 năm 1997 các năm 2011, 2012, 2013.	VB 791/NHNN-TCKT ngày 23/12/2008 của NHNN
2014	2.517.400.000.000	28.721.781.731.766	Cấp bổ sung vốn điều lệ theo Quyết định 3000/QĐ-BTC ngày 12/12/2011	Quyết định 36/QĐ - BTC ngày 14/1/2014 của Bộ Tài Chính
2014	118.470.000.000	28.840.251.731.766	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002



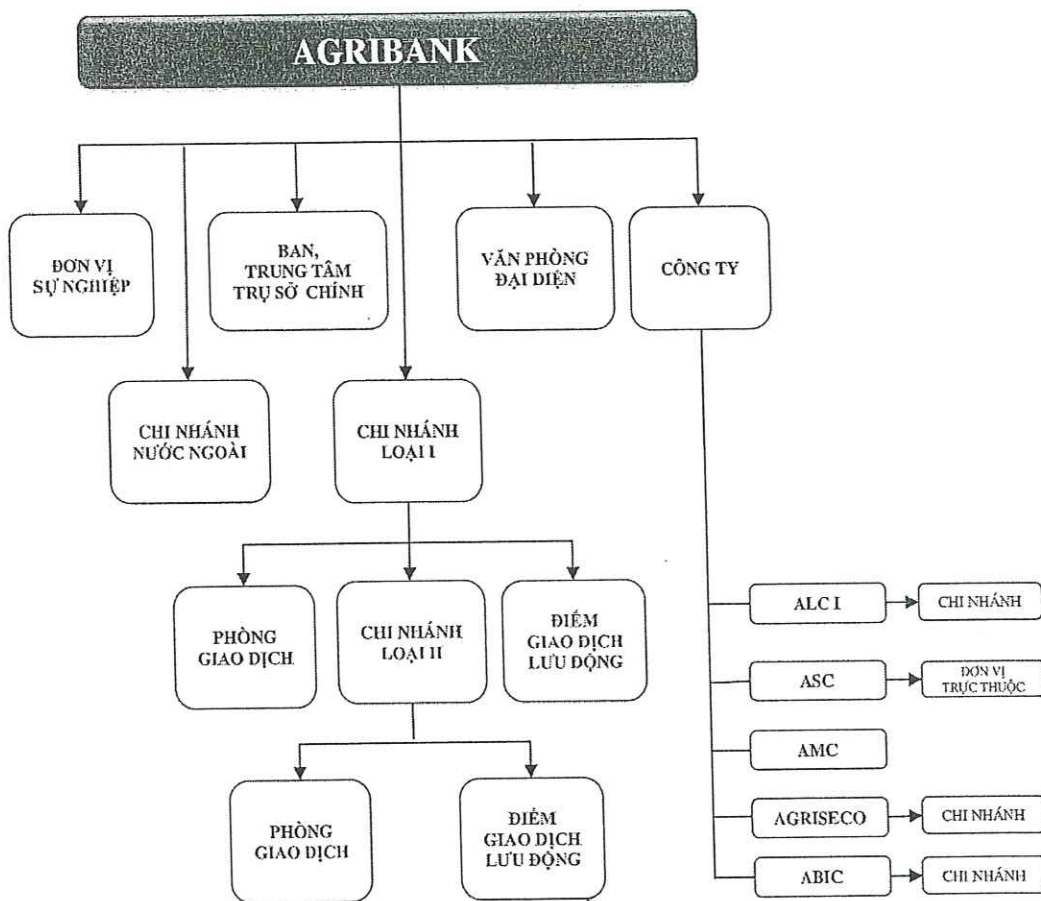
Năm	Số vốn tăng	Vốn sau khi tăng	Hình thức tăng	Căn cứ pháp lý
			đặc biệt	của Bộ Tài chính
2015	44.989.628.075	28.885.241.359.841	Nguồn thu hồi nợ tồn đọng nhóm II	Quyết định 3070/QĐ-BTC ngày 01/12/2014 (BS nợ tồn đọng nhóm 2 năm 2012, 2013) của Bộ Tài chính
2015	118.400.000.000	29.003.641.359.841	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính
2016	4.261.641.742	29.007.903.001.583	Tăng vốn điều lệ từ nguồn thu nợ khác phục hậu quả cơn bão số 5 năm 2014, 2015.	Hạch toán theo VB 791/NHNN-TCKT ngày 23/12/2008 của NHNN
2016	118.540.000.000	29.126.443.001.583	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	- Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở KH&ĐT Tp. Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 27/12/2019 (bao gồm các đợt tăng vốn năm 2011 – 2016)
2017	1.109.600.000.000	30.236.043.001.583	Cấp bổ sung vốn điều lệ theo Quyết định 3000/QĐ-BTC ngày 12/12/2011	Quyết định số 1264/QĐ-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính
2017	118.470.000.000	30.354.513.001.583	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính
2018	118.470.000.000	30.472.983.001.584	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính
2019	118.470.000.000	30.591.453.001.584	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	- Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở KH&ĐT Tp. Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 22/01/2021(bao gồm các đợt tăng vốn năm 2017 – 2019)
2020	118.470.000.000	30.709.923.001.584	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính

Năm	Số vốn tăng	Vốn sau khi tăng	Hình thức tăng	Căn cứ pháp lý
2021 ^(*)	3.595.370.000.000	34.328.393.001.584	Cấp vốn bổ sung vốn điều lệ và Lãi Trái Phiếu đặc biệt	Quyết định số 107/QĐ-TTg ngày 22/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính

(*): Agribank đang hoàn thiện thủ tục thay đổi vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Kể từ khi thành lập, Agribank không có lần giảm vốn điều lệ nào.

2. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức niêm yết



(Nguồn: Agribank)

❖ Đơn vị sự nghiệp

- **Trường Đào tạo cán bộ:** Trường Đào tạo cán bộ có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc về hoạt động đào tạo và trực tiếp tổ chức các hoạt động đào tạo trong hệ thống Agribank.
- **Trung tâm Công nghệ Thông tin:** Trung tâm Công nghệ thông tin có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc về tổ chức, quản lý, vận hành hệ

ten *nam* *thi* *nguyen*

thống Công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật, Ngân hàng Nhà nước và Agribank. Thực hiện việc nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin và quản trị, vận hành, kiểm tra giám sát các hệ thống công nghệ thông tin của Agribank.

- **Trung tâm Thẻ:** Trung tâm Thẻ Agribank có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc về tổ chức, quản lý, vận hành hệ thống thẻ; tham gia kết nối thanh toán với các Tổ chức thẻ trong nước, quốc tế và các Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán; Nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ và quản lý triển khai nghiệp vụ thẻ trong toàn hệ thống theo quy định của pháp luật, Ngân hàng Nhà nước, Agribank và các Tổ chức thẻ trong nước, quốc tế mà Agribank là thành viên. Trực tiếp quản trị, giám sát, vận hành hệ thống thẻ, các chương trình phần mềm và thiết bị phần cứng liên quan đến hệ thống thẻ theo các quy định, quy trình nghiệp vụ.
- ❖ **Hệ thống các Ban, Phòng, Trung tâm tại Trụ sở chính tại thời điểm 31/12/2021**
 - **Ban Công nghệ:** Ban Công nghệ có chức năng tham mưu, đề xuất Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc trong việc hoạch định, xây dựng chiến lược, kế hoạch và chương trình phát triển công nghệ thông tin trong toàn hệ thống Agribank; Tham mưu, đề xuất Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc trong việc xây dựng, ban hành quy chế, quy định về công nghệ thông tin; đầu mối chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện và kiểm tra, giám sát các đơn vị tại Agribank thực hiện chính sách, quy định của pháp luật, Ngân hàng Nhà nước, Agribank trong lĩnh vực công nghệ thông tin.
 - **Ban Ngân hàng số:** Ban Ngân hàng số có chức năng tham mưu, đề xuất Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc trong việc chỉ đạo, điều hành và triển khai chiến lược chuyển đổi số trong toàn hệ thống Agribank; Đề xuất và xây dựng giải pháp kỹ thuật để triển khai các sản phẩm liên quan đến ngân hàng số; Hỗ trợ các đơn vị trong quá trình chuyển đổi số.
 - **Trung tâm Ngân quỹ Miền Bắc:** Trung tâm Ngân quỹ Miền Bắc có chức năng quản lý tiền mặt, kho tiền của Agribank tại Trung tâm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Agribank; Điều hòa tiền mặt VND cho các chi nhánh, phòng giao dịch, ATM trên địa bàn Thành phố Hà Nội và địa bàn được giao (*gọi chung là địa bàn hoạt động*); Tổ chức thu, chi tiền mặt; kiểm đếm, phân loại, thùng/hòm niêm phong cho các đơn vị thuộc hệ thống Agribank trên địa bàn hoạt động theo lộ trình phê duyệt của Hội đồng thành viên.
 - **Trung tâm Phê duyệt tín dụng tại Thành phố Hồ Chí Minh:** Trung tâm Phê duyệt tín dụng tại Thành phố Hồ Chí Minh có chức năng tham mưu, giúp Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc trong công tác phê duyệt cấp tín dụng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Thực hiện thẩm quyền phê duyệt các khoản cấp tín dụng áp dụng cho Trung tâm phê duyệt tín dụng khu vực theo quy định của Hội đồng thành viên từng thời kỳ; Chấp thuận chủ trương trước khi triển khai quy trình cấp tín dụng đối với các trường hợp phải trình chủ trương thuộc thẩm quyền của Trung tâm.
 - **Ban Tổ chức lao động và tiền lương:** Ban Tổ chức lao động và tiền lương có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, quy chế, quy trình nghiệp vụ về mô hình tổ chức, mạng lưới hoạt



động, công tác cán bộ, quản lý lao động, tiền lương và một số công việc khác trong hệ thống Agribank.

- **Ban Pháp chế:** Ban Pháp chế có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc về các vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động của Agribank. Giám sát tuân thủ việc xây dựng và ban hành văn bản trong hệ thống Agribank. Quản lý, hướng dẫn, tổ chức kiểm tra chuyên đề việc thực hiện cơ chế, quy chế, quy trình nghiệp vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban.
- **Phòng Tổng hợp:** Phòng Tổng hợp là đầu mối tiếp nhận các công văn, tài liệu, tờ trình... của các cơ quan, đơn vị trong và ngoài Agribank gửi đến Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc. Tổng hợp, theo dõi, đôn đốc các cá nhân, đơn vị thực hiện nhiệm vụ Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc giao.
- **Văn phòng Trụ sở chính:** Văn phòng Trụ sở chính có chức năng tham mưu cho Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc trong lĩnh vực hành chính, quản trị tại Trụ sở chính; Trực tiếp triển khai thực hiện công tác hành chính, quản trị, lễ tân khánh tiết, kế toán, tài chính tại Trụ sở chính và các nhiệm vụ cụ thể khác theo phân công của cấp có thẩm quyền.
- **Ban Khách hàng doanh nghiệp:** Ban Khách hàng doanh nghiệp có chức năng tham mưu giúp Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc trong việc quản lý, dự báo, xây dựng chiến lược, chính sách khách hàng đối với khách hàng là Doanh nghiệp và Pháp nhân khác không phải là doanh nghiệp (sau đây gọi chung là Khách hàng doanh nghiệp). Tham mưu, đề xuất xây dựng, tổ chức triển khai, phát triển, quản lý các sản phẩm: huy động vốn, tín dụng, dịch vụ cung cấp đối với Khách hàng doanh nghiệp; đề xuất việc phát triển các kênh phân phối để cung cấp các sản phẩm đối với Khách hàng doanh nghiệp. Tham mưu, đề xuất trong việc thiết lập, quản lý, duy trì và phát triển Khách hàng doanh nghiệp trong hệ thống Agribank.
- **Ban Khách hàng cá nhân:** Ban Khách hàng cá nhân có chức năng tham mưu giúp Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc trong việc quản lý, dự báo, xây dựng chiến lược, chính sách khách hàng đối với khách hàng cá nhân, tổ hợp tác, hộ gia đình (sau đây gọi chung là Khách hàng cá nhân). Tham mưu, đề xuất xây dựng, tổ chức triển khai, phát triển, quản lý các sản phẩm: huy động vốn, tín dụng, dịch vụ cung cấp đối với Khách hàng cá nhân; đề xuất việc phát triển các kênh phân phối để cung cấp các sản phẩm đối với Khách hàng cá nhân. Tham mưu, đề xuất trong việc thiết lập, quản lý, duy trì và phát triển Khách hàng cá nhân trong hệ thống Agribank.
- **Ban Kiểm tra, giám sát nội bộ:** Ban Kiểm tra, giám sát nội bộ có chức năng tham mưu, giúp việc cho Đảng ủy, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng. Tham mưu, đề xuất Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc trong việc kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Agribank đối với các hoạt động tại các đơn vị. Tham mưu, đề xuất Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc trong việc xử lý đơn thư; phòng, chống tham nhũng và tội phạm; phòng, chống khủng bố; phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố, tuân thủ FATCA

Tan *Han* *Th* *Tuyen*

- **Ban Quản lý đầu tư nội ngành:** Ban Quản lý đầu tư nội ngành có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc trong việc xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, quy chế, quy trình nghiệp vụ về lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng, quản lý tài sản cố định trong hệ thống Agribank.
- **Ban Kế hoạch – Nguồn vốn:** Ban Kế hoạch - Nguồn vốn có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, quy chế, quy trình nghiệp vụ, đề án về công tác kế hoạch kinh doanh, cân đối vốn, lãi suất, phí điều vốn, quản lý quỹ an toàn chi trả, xếp loại chi nhánh trong hệ thống Agribank.
- **Ban Định chế Tài chính:** Ban Định chế Tài chính có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, quy chế, quy trình nghiệp vụ trong lĩnh vực hợp tác quốc tế, kinh doanh đối ngoại, quản lý dự án nước ngoài.
- **Ban Thẩm định và phê duyệt tín dụng:** Ban Thẩm định và phê duyệt tín dụng có chức năng tham mưu, giúp Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc trong công tác phê duyệt các khoản cấp tín dụng vượt thẩm quyền của Chi nhánh; phê duyệt Hạn mức tín dụng đối với các Định chế tài chính. Phê duyệt các khoản cấp tín dụng theo phân cấp, ủy quyền trong từng thời kỳ.
- **Trung tâm Quản lý nợ có vấn đề:** Trung tâm Quản lý nợ có vấn đề có chức năng tham mưu, đề xuất Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc trong quản lý, xử lý các khoản cấp tín dụng có vấn đề (nợ nhóm 2 đến nợ nhóm 5, nợ xử lý rủi ro và các khoản nợ khác của Agribank trong từng thời kỳ). Tham mưu, đề xuất Hội đồng xử lý rủi ro Trụ sở chính trong việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng của Agribank.
- **Trung tâm Quản lý rủi ro tín dụng:** Trung tâm Quản lý rủi ro tín dụng có chức năng tham mưu, đề xuất Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc trong việc quản lý rủi ro (QLRR) tín dụng; quản lý rủi ro tập trung trong hoạt động cấp tín dụng (QLRR tập trung tín dụng); thực hiện đo lường, theo dõi và báo cáo về QLRR tín dụng, QLRR tập trung tín dụng. Tham mưu, đề xuất Hội đồng xử lý rủi ro Trụ sở chính và các Hội đồng khác có liên quan trong việc theo dõi, giám sát phân loại, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng và đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp của Agribank. Tham mưu, đề xuất Hội đồng rủi ro trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ về QLRR tín dụng, QLRR tập trung tín dụng theo quy định.
- **Trung tâm Quản lý rủi ro phi tín dụng:** Trung tâm Quản lý rủi ro phi tín dụng có chức năng tham mưu, đề xuất Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc trong việc quản lý rủi ro phi tín dụng, bao gồm: Rủi ro thị trường, rủi ro tập trung đối với hoạt động giao dịch tự doanh, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro thanh khoản và rủi ro hoạt động; thực hiện đo lường, theo dõi và báo cáo về quản lý rủi ro (QLRR) phi tín dụng. Tham mưu, đề xuất Hội đồng rủi ro trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ về QLRR phi tín dụng theo quy định.
- **Ban Đầu tư:** Ban Đầu tư có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng



Giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, quy chế, quy trình nghiệp vụ về lĩnh vực đầu tư, quản lý hoạt động đầu tư góp vốn, mua cổ phần của Agribank.

- **Ban Truyền thông:** Ban Truyền thông có chức năng tham mưu, giúp Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam trong việc thực hiện công tác tuyên giáo và dân vận. Tham mưu, đề xuất Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, quy chế, quy trình nghiệp vụ về công tác truyền thông và quan hệ công chúng; phát triển thương hiệu và marketing; quản lý và phát triển văn hóa doanh nghiệp, thực hiện công tác truyền thông nội bộ trong toàn hệ thống Agribank. Phối hợp tổ chức tập huấn và đào tạo theo chuyên đề, giải đáp các vướng mắc, các nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Ban.
- **Trung tâm Thanh toán:** Trung tâm Thanh toán Agribank có chức năng tham mưu, đề xuất Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc trong việc tổ chức, quản lý, vận hành hệ thống thanh toán nội bộ, tham gia thanh toán với các tổ chức thanh toán trong nước và quốc tế; Quản lý về nghiệp vụ, vận hành các hệ thống/chương trình thanh toán tại Trụ sở chính.
- **Trung tâm Vốn:** Trung tâm Vốn Agribank có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc về kinh doanh vốn khả dụng và kinh doanh ngoại tệ nhằm đảm bảo khả năng thanh khoản hàng ngày và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- **Trung tâm Dịch vụ thanh toán và Kiềm hời:** Trung tâm Dịch vụ thanh toán và Kiềm hời có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc trong việc ban hành quy định, quy trình về lĩnh vực dịch vụ thanh toán và kiềm hời, chuyển tiền cá nhân ra nước ngoài theo quy định của Agribank, Ngân hàng Nhà nước và pháp luật.
- **Trung tâm lưu trữ:** Trung tâm lưu trữ Agribank có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện cơ chế, quy chế, quy trình nghiệp vụ về lĩnh vực lưu trữ trong hệ thống Agribank.
- **Ban Tiền tệ Kho quỹ:** Ban Tiền tệ - Kho quỹ có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, quy chế, quy trình nghiệp vụ về lĩnh vực tiền tệ, kho quỹ trong hệ thống Agribank.
- **Ban Tài chính Kế toán:** Ban Tài chính Kế toán có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, quy chế, quy trình nghiệp vụ về lĩnh vực tài chính, kế toán trong hệ thống Agribank.
- **Ban Thi đua Khen thưởng:** Ban Thi đua - Khen thưởng có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, quy chế, quy trình nghiệp vụ về lĩnh vực thi đua, khen thưởng trong hệ thống Agribank.
- **Ban Chính sách tín dụng:** Ban Chính sách tín dụng có chức năng tham mưu, đề xuất Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc trong việc ban hành các cơ chế chính sách, quy chế, quy trình nghiệp vụ tín dụng và triển khai các chương trình tín dụng chính sách của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước. Thực hiện xây dựng và quản lý hạn mức cấp tín dụng đối với ngành, lĩnh vực, khách hàng, nhóm khách hàng có liên quan.

Handwritten signatures and stamps:
 - A red stamp on the right edge: "1686", "AN H", "G N", "HAT", "NG T", "IET N", "VH - T".
 - A red stamp at the bottom right: "100", "ÔNG", "CỔ P", "ỨNG", "GRI", "INH".
 - Handwritten signatures in blue ink: "Tam", "han", "Hieu", "Cuong".

- **Trung tâm Chăm sóc, Hỗ trợ khách hàng:** Trung tâm Chăm sóc, hỗ trợ khách hàng có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc trong lĩnh vực chăm sóc, hỗ trợ khách hàng theo quy định của pháp luật và của Agribank. Thực hiện chăm sóc, hỗ trợ khách hàng; giới thiệu, tư vấn sản phẩm dịch vụ; tham gia nghiên cứu khảo sát thị trường; quảng bá các chương trình khuyến mại, marketing của Agribank thông qua các kênh của Trung tâm.
 - **Ban Cổ phần hóa:** Ban Cổ phần hóa có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc trong việc xây dựng kế hoạch, lộ trình và những nội dung công việc cần triển khai thực hiện trong quá trình cổ phần hóa Agribank trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.
 - **Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc trong lĩnh vực quản lý dự án đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật và Agribank.
 - **Ban Quản lý tài sản phức lợi:** Ban Quản lý tài sản phức lợi có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc trong việc xây dựng phương án đầu tư, quản lý, khai thác, sử dụng quỹ phức lợi, các tài sản hình thành từ quỹ phức lợi trước thời điểm cổ phần hóa.
 - **Cơ quan Công đoàn Agribank:** Cơ quan Công đoàn có chức năng chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai và kiểm tra tình hình hoạt động của các Ban, các Công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn Agribank. Dự thảo, chuẩn bị các chương trình công tác 06 tháng, năm; tổ chức và phụ trách các cuộc Họp, Hội nghị, Đại hội, Tập huấn, Hội thảo, Hội thi... của Công đoàn Agribank.
- ❖ **Văn phòng đại diện**
- **Văn phòng Đại diện Khu vực Miền Nam:** Thực hiện các nhiệm vụ theo ủy quyền cho lợi ích của Agribank và bảo vệ các lợi ích đó tại các tỉnh: Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Đồng, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Tây Ninh và TP Hồ Chí Minh.
 - **Văn phòng Đại diện Khu vực Miền Trung:** Thực hiện các nhiệm vụ theo ủy quyền cho lợi ích của Agribank và bảo vệ các lợi ích đó tại các tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum và TP Đà Nẵng.
 - **Văn phòng Đại diện Tây Nam Bộ:** Thực hiện các nhiệm vụ theo ủy quyền cho lợi ích của Agribank và bảo vệ các lợi ích đó tại các tỉnh: Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Trà Vinh, Hậu Giang, An Giang, Sóc Trăng, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau và TP Cần Thơ.
- ❖ **Chi nhánh loại I:** Chi nhánh loại I là Chi nhánh chịu sự quản lý, điều hành trực tiếp của Trụ sở chính Agribank, thực hiện một số lĩnh vực, nghiệp vụ kinh doanh theo quy định của pháp luật, Ngân hàng Nhà nước và Agribank.
- ❖ **Chi nhánh loại II:** Chi nhánh loại II là Chi nhánh chịu sự quản lý, điều hành của Chi nhánh





 74. C
 ẶNG
 HIỆP
 TRIỂN
 HỒN
 AM
 P. HA

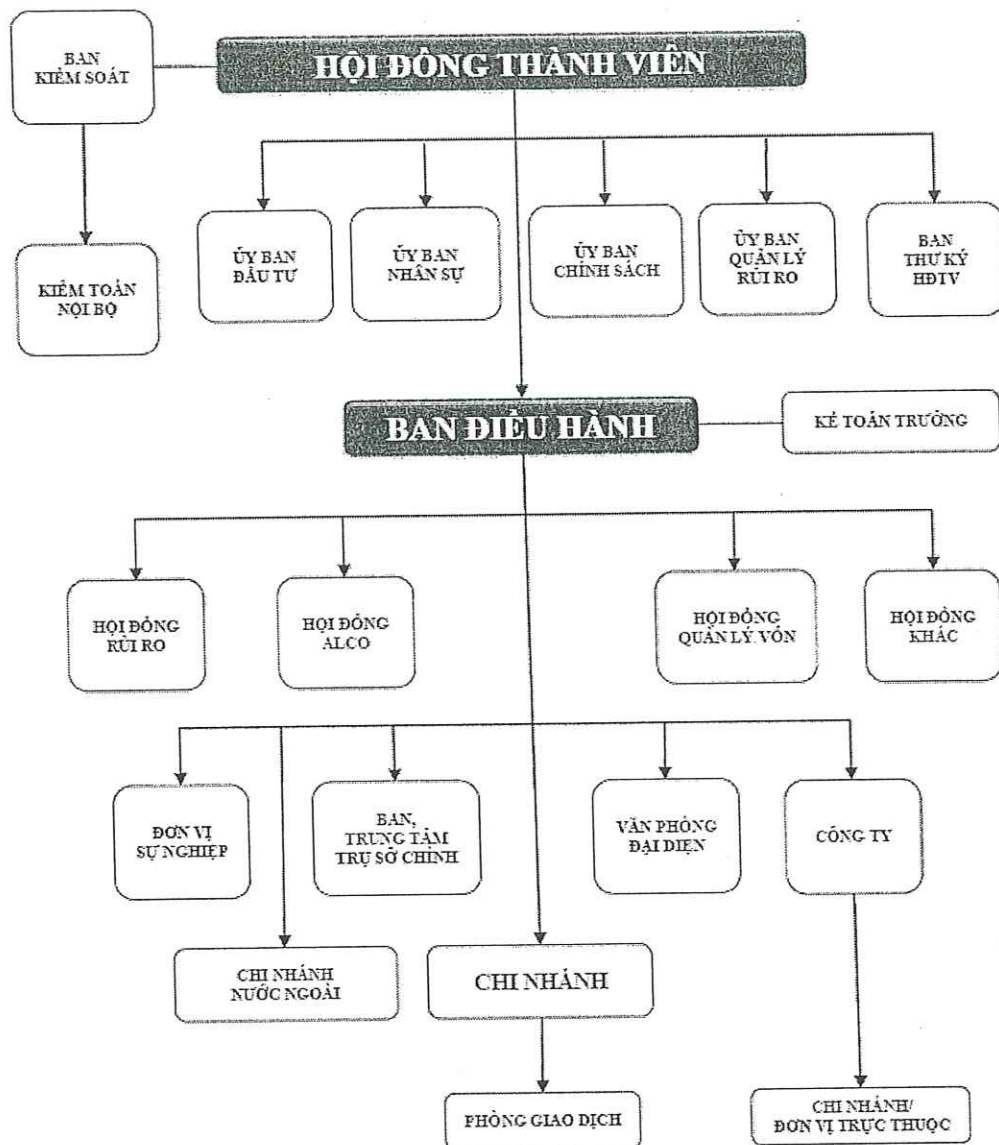
 T
 HÃ
 KH
 SA

T.

loại I trong một số lĩnh vực cụ thể do Hội đồng thành viên quyết định, thực hiện một số lĩnh vực, nghiệp vụ kinh doanh theo quy định của pháp luật, Ngân hàng Nhà nước và Agribank.

- ❖ **Phòng giao dịch:** Phòng giao dịch là đơn vị phụ thuộc, do một Chi nhánh loại I hoặc loại II trực tiếp quản lý, thực hiện một số lĩnh vực, nghiệp vụ kinh doanh theo quy định của pháp luật, Ngân hàng Nhà nước và Agribank.
- ❖ **Công ty con và Chi nhánh ở nước ngoài:** Công ty con và Chi nhánh ở nước ngoài hoạt động theo Điều lệ (Công ty con hoạt động theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty con, chi nhánh nước ngoài hoạt động theo quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh nước ngoài).

3. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức niêm yết



(Nguồn: Agribank)

Handwritten signatures and initials in blue ink.

❖ **Hội đồng thành viên**

- Hội đồng thành viên gồm tất cả người đại diện theo ủy quyền của Chủ sở hữu Agribank (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam), nhân danh Chủ sở hữu Agribank tổ chức thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ sở hữu Agribank theo quy định; là cơ quan quản trị Agribank, có toàn quyền nhân danh Agribank để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Agribank.
- HĐQT bao gồm tất cả các thành viên có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp HĐQT định kỳ, họp HĐQT bất thường hoặc thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.
- HĐQT còn nhiệm vụ xác định, quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh và các chính sách, quy chế hoạt động, cơ cấu tổ chức... của Agribank và các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Agribank.
- Các thành viên HĐQT bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Đức Ân	Chủ tịch HĐQT
Ông Tiết Văn Thành	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Trí	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Việt Mạnh	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Hoàng Đức	Thành viên HĐQT
Ông Hồ Văn Sơn	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Tuyết Dương	Thành viên HĐQT
Bà Đỗ Thị Nhân	Thành viên HĐQT

❖ **Các ủy ban giúp việc của Hội đồng thành viên bao gồm:**

- **Ủy ban Đầu tư:** Ủy ban Đầu tư có chức năng tham mưu, giúp việc theo yêu cầu của Hội đồng thành viên trong hoạt động đầu tư nội ngành; hoạt động đầu tư ra ngoài Agribank.
- **Ủy ban Nhân sự:** Ủy ban Nhân sự có chức năng tham mưu cho Đảng ủy Agribank trong công tác xây dựng Đảng thuộc lĩnh vực công tác tổ chức cơ sở đảng, đảng viên, công tác cán bộ, bảo vệ chính trị nội bộ và lãnh đạo công tác tổ chức cán bộ trong hệ thống Agribank. Tham mưu, trực tiếp giúp cho Hội đồng thành viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thành viên trong lĩnh vực tổ chức, nhân sự, tiền lương và một số công việc khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Agribank.
- **Ủy ban Chính sách:** Ủy ban Chính sách có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng thành viên trong việc xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; tham mưu cho Hội đồng thành viên về hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng công

Handwritten signatures and stamps:
 - A blue stamp on the right edge: "01000 NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM SA DINH"
 - Several handwritten signatures in blue ink at the bottom of the page.

nghe của Agribank phù hợp với định hướng, mục tiêu chiến lược phát triển của ngành ngân hàng và Agribank; xây dựng và ban hành các cơ chế chính sách, quy chế, quy trình nghiệp vụ, quản trị, điều hành nội bộ thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên.

- **Ủy ban Quản lý rủi ro:** Ủy ban Quản lý rủi ro có chức năng tham mưu cho Hội đồng thành viên trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của mình liên quan đến quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Agribank. Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Agribank trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn. Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Agribank để đưa các khuyến nghị, đề xuất đối với Hội đồng thành viên về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động. Tham mưu cho Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên trong việc quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ do Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên giao.
- **Ban Thư ký Hội đồng thành viên:** Ban Thư ký Hội đồng thành viên có chức năng tham mưu, giúp việc cho Đảng ủy, Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy về công tác văn phòng cấp ủy trong Đảng bộ Agribank. Tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Chủ tịch HĐQT giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền, nghĩa vụ của HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Agribank. Theo dõi đôn đốc các cá nhân, đơn vị tại Trụ sở chính thực hiện nhiệm vụ do HĐQT, Chủ tịch HĐQT chỉ đạo. Trực tiếp triển khai các nhiệm vụ cụ thể theo sự phân công của Thường trực Đảng ủy, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên.
- ❖ **Ban Kiểm soát**
 - Ban Kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên.
 - Thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Trọng Dưỡng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Bách Dương	Thành viên
Ông Bùi Hồng Quảng	Thành viên
Ông Hoàng Văn Thắng	Thành viên

- Kiểm toán nội bộ là đơn vị trực thuộc Ban Kiểm soát. Kiểm toán nội bộ thực hiện chức



năng rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; Đánh giá độc lập về tính thích hợp và tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong hệ thống Agribank; Đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm Agribank hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

❖ **Ban Điều hành, Kế toán trưởng**

- Ban điều hành chịu trách nhiệm quản lý, điều hành công việc hàng ngày của Agribank theo Điều lệ của Agribank. Ban Điều hành chịu sự giám sát của HĐQT, Ban Kiểm soát.
- Thành viên Ban Điều hành, Kế toán trưởng bao gồm:

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Tiết Văn Thành	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Toàn Vượng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đức Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tô Đình Tôn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Dự	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phùng Văn Hưng Quang	Kế toán trưởng

❖ **Các hội đồng giúp việc của Ban điều hành**

- **Hội đồng Rủi ro:** Hội đồng Rủi ro có chức năng tham mưu, đề xuất Tổng Giám đốc trong việc giám sát các cá nhân, đơn vị trong việc triển khai thực hiện quản lý rủi ro của Agribank.
- **Hội đồng ALCO:** Hội đồng ALCO có chức năng tham mưu, đề xuất Tổng Giám đốc giám sát các cá nhân, đơn vị trong việc quản lý Tài sản/Nợ phải trả của Agribank.
- **Hội đồng Quản lý vốn:** Hội đồng Quản lý vốn có chức năng tham mưu, đề xuất Tổng Giám đốc giám sát, chỉ đạo các cá nhân, đơn vị trong việc thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn của Agribank.
- **Các Hội đồng khác:** Các Hội đồng khác được thành lập và tổ chức hoạt động theo quyết định của các cấp có thẩm quyền, có chức năng tham mưu, đề xuất trong việc giám sát, điều hành các hoạt động khác của Agribank.

❖ **Đơn vị sự nghiệp:** Như trình bày tại Mục 2 Phần IV.

Trần Văn Thành *Nguyễn Minh Phương* *Nguyễn Hải Long* *Phạm Toàn Vượng* *Phạm Đức Tuấn* *Tô Đình Tôn* *Lê Xuân Trung* *Trần Văn Dự* *Phùng Văn Hưng Quang*

74-C
ANG
HIỆP
RIẾT
ÔN
M
P, HA

S.G
P

- ❖ Hệ thống Ban, Phòng, Trung tâm tại Trụ sở chính: Như trình bày tại Mục 2 Phần IV.
 - ❖ Văn phòng đại diện: Như trình bày tại Mục 2 Phần IV.
 - ❖ Chi nhánh, Phòng giao dịch: Như trình bày tại Mục 2 Phần IV.
 - ❖ Công ty con và Chi nhánh nước ngoài: Như trình bày tại Mục 2 Phần IV.
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông sáng lập

Không có.

4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 31/12/2021

STT	Tên cổ đông	GCNĐKDN/ Mã số giao dịch	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	15/SL	49 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	3.432.839.300	100%

Nguồn: Agribank

4.3. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2021

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ phiếu phổ thông	0	0
1	Cá nhân	0	0
	Trong đó:		
A	Trong nước	0	0
B	Ngoài nước	0	0
2	Tổ chức	0	0
	Trong đó:		
A	Trong nước	3.432.839.300	100
B	Ngoài nước	0	
II	Cổ phiếu ưu đãi	0	0
III	Cổ phiếu quỹ	0	0
	Tổng cộng	3.432.839.300	100

Nguồn: Agribank

Tư

như *thư*

Thư

5. Danh sách những công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

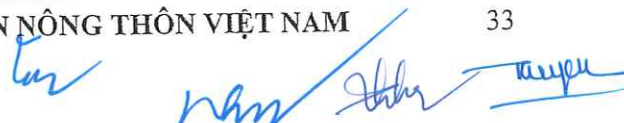
5.1. Công ty mẹ, tổ chức nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Agribank
 Agribank hiện có 01 cơ quan nắm quyền kiểm soát là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cụ thể như sau:

- Tên: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN)
- Địa chỉ: số 49 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Ngân hàng nhà nước Việt Nam tiền thân là Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, được thành lập ngày 06/05/1951 theo sắc lệnh số 15/SL của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngày 26/10/1961, Ngân hàng Quốc gia Việt Nam được đổi tên thành Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Chức năng, nhiệm vụ và hoạt động chính:
 - NHNN là cơ quan ngang bộ của Chính phủ và là Ngân hàng trung ương của Việt Nam, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối; thực hiện chức năng Ngân hàng trung ương về phát hành tiền, ngân hàng của các TCTD và cung ứng dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ.
 - Hoạt động của NHNN là nhằm ổn định giá trị đồng tiền; bảo đảm sự an toàn hoạt động ngân hàng và hệ thống các TCTD; bảo đảm sự an toàn, hiệu quả của hệ thống thanh toán quốc gia; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.
- Vốn điều lệ: Không có, vì NHNN là cơ quan quản lý Nhà nước.
- Tỷ lệ vốn nắm giữ của NHNN tại Agribank (tại thời điểm 31/12/2021) là 100% vốn điều lệ.

5.2. Danh sách công ty con, công ty Agribank nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối tại ngày 31/12/2021

1	Công ty Cho thuê Tài chính I Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ("ALCI")
	<ul style="list-style-type: none"> • Trụ sở chính: 4 Phạm Ngọc Thạch, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội • Ngày thành lập: 14/07/1998 • GCNĐKKD hoặc giấy phép hoạt động: 238/1998/QĐ-NHNN ngày 14 tháng 7 năm 1998 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam • Vốn điều lệ đăng ký/ vốn điều lệ thực góp (tại 31/12/2021): 200 tỷ đồng • Vốn góp của Agibank tại Công ty: 200 tỷ đồng • Tỷ lệ sở hữu của Agribank tại công ty: 100% • HĐKD chính: Cho thuê tài chính
2	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam

	("Công ty Dịch vụ")
	<ul style="list-style-type: none"> • Trụ sở chính: Số 10 Chùa Bộc, Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội • Ngày thành lập: 15/04/2011 • GCNĐKKD hoặc giấy phép hoạt động: 0101452242 ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội • Vốn điều lệ (tại 31/12/2021): 350 tỷ đồng • Vốn góp của Agibank tại Công ty: 350 tỷ đồng • Tỷ lệ sở hữu của Agribank tại công ty: 100% • HĐKD chính: In thương mại, quảng cáo thiết kế thi công các công trình xây dựng cơ bản, đào tạo và cung cấp các dịch vụ ngân quỹ cho Ngân hàng.
3	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Agribank ("Agribank AMC")
	<ul style="list-style-type: none"> • Trụ sở chính: Tầng 5 – Tòa nhà C3 – 194 đường Giải Phóng – P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân – Hà Nội • Ngày thành lập: 25/03/2013 • GCNĐKKD hoặc giấy phép hoạt động: 0106134589 ngày 25 tháng 3 năm 2013 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội • Vốn điều lệ (tại 31/12/2021): 30 tỷ đồng • Vốn góp của Agibank tại Công ty: 30 tỷ đồng • Tỷ lệ sở hữu của Agribank tại công ty: 100% • HĐKD chính: Quản lý và khai thác tài sản, mua bán nợ.
4	CTCP Chứng khoán Agribank ("Agriseco")
	<ul style="list-style-type: none"> • Trụ sở chính: Tầng 5 – Tòa nhà Artex – 172 Ngọc Khánh – P Giảng Võ – Q Ba Đình – Hà Nội. • Ngày thành lập: 04/05/2001 • GCNĐKKD hoặc giấy phép hoạt động: 08/QĐ/GPHĐKD ngày 4 tháng 5 năm 2001 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước • Vốn điều lệ (tại 31/12/2021): 2.120 tỷ đồng • Vốn góp của Agibank tại Công ty: 1.588 tỷ đồng • HĐKD chính: Kinh doanh chứng khoán • Tỷ lệ sở hữu của Agribank tại công ty: 75,21% (theo BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2021), tỷ lệ điều chỉnh sau khi Agriseco bán 800.000 cổ phiếu quỹ là 74,92%)
5	CTCP Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp ("ABIC")
	<ul style="list-style-type: none"> • Trụ sở chính: Tầng 6 – Toà nhà 29T1, Hoàng Đạo Thúy, Trung Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội • Ngày thành lập: 18/10/2006 • GCNĐKKD hoặc giấy phép hoạt động: 38/GP/KDBH ngày ngày 18 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính



- Vốn điều lệ đăng ký/thực góp (tại 31/12/2021): 431,6 tỷ đồng
- Vốn góp của Agibank tại Công ty: 222,3 tỷ đồng
- HĐKD chính: Dịch vụ bảo hiểm, tái bảo hiểm, đầu tư tài chính
- Tỷ lệ sở hữu của Agribank tại công ty: 51,51%

(Nguồn: Agribank)

5.3. Danh sách công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Agribank

Agribank là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là đơn vị đại diện vốn chủ sở hữu tại Agribank.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Ngành nghề kinh doanh chính của Agribank

6.1.1. Chủng loại và chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Sản phẩm dịch vụ cho Khách hàng cá nhân

a) Tiền gửi thanh toán và các dịch vụ tiện ích:

- *Tiền gửi không kỳ hạn (tiền gửi thanh toán)* là sản phẩm tiền gửi mà theo đó khách hàng có thể sử dụng số dư tài khoản để thực hiện các dịch vụ chuyển khoản, thanh toán và sử dụng các dịch vụ tiện ích gia tăng khác của Agribank, bao gồm: dịch vụ thu ngân sách Nhà nước, dịch vụ thanh toán hóa đơn tiền điện, nước, học phí, viễn thông...; dịch vụ nhờ thu tự động, kết nối quản lý tài khoản và thanh toán chứng khoán, chuyển và nhận tiền kiều hối; chuyển nhận tiền nhiều nơi, gửi rút tiền nhiều nơi; chuyển, nhận tiền trong nước và quốc tế cho khách hàng cá nhân không cần tài khoản; chuyển nhận tiền, thanh toán không dùng tiền mặt; thấu chi tài khoản; phát hành thẻ; đăng ký sử dụng dịch vụ khác: Mobile banking, Internet banking,...
- *Tiền gửi linh hoạt* là tiền gửi không kỳ hạn, trong đó khách hàng gửi tiền vào tài khoản và rút tiền một cách linh hoạt dưới nhiều hình thức; áp dụng lãi suất thả nổi bậc thang lũy tiến theo số dư bình quân tháng trên tài khoản tiền gửi linh hoạt, không vượt trần lãi suất huy động của NHNN từng thời kỳ và được niêm yết công khai tại các Điểm giao dịch.

b) Tiết kiệm có kỳ hạn:

- *Tiết kiệm có kỳ hạn:* Là sản phẩm tiết kiệm có kỳ hạn cho khách hàng cá nhân với đa dạng kỳ hạn gửi, kỳ hạn lĩnh lãi (như tiết kiệm có kỳ hạn trả lãi sau toàn bộ, trả lãi sau định kỳ, trả lãi trước toàn bộ, trả lãi trước định kỳ) và các tiện ích kèm theo như: giao dịch tại bất kỳ chi nhánh/phòng giao dịch của Agribank; được chuyển quyền sở hữu khi sổ tiết kiệm chưa đến hạn thanh toán; được bảo hiểm theo quy định của bảo hiểm tiền gửi, bảo mật số dư tiền gửi; được sử dụng số dư để cầm cố vay vốn, chứng minh tài chính, được lựa chọn phương thức thanh toán lãi, được tham gia các chương trình dự thưởng của Agribank, được cung cấp các dịch vụ thu chi tại nhà, dịch vụ tài khoản qua Mobile Banking, Internet Banking...
- *Tiết kiệm có kỳ hạn lãi suất thả nổi:* Là sản phẩm tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn lãi suất được

(Handwritten signatures and stamps)

tự động điều chỉnh phù hợp với lãi suất thị trường và theo quy định của Agribank theo từng thời kỳ. Theo đó khách hàng có thể yên tâm gửi tiền khi có biến động về lãi suất trên thị trường. Các tiện ích khác tương tự với sản phẩm *tiết kiệm có kỳ hạn*.

- *Tiết kiệm gửi góp theo định kỳ*: là hình thức gửi tiền tiết kiệm tích lũy có kỳ hạn với tổng số tiền tích lũy cố định, theo đó khách hàng gửi tiền nhiều định kỳ (theo tháng) một số tiền cố định vào tài khoản tiết kiệm gửi góp dưới nhiều hình thức: trực tiếp tại quầy giao dịch, chuyển khoản từ tài khoản khác, Mobile Banking, Internet Banking, ATM, ủy quyền cho Ngân hàng trích tiền từ tài khoản tiền gửi thanh toán và rút tiền một lần khi đến hạn. Khách hàng có thể sử dụng số dư tài khoản để xác nhận khả năng tài chính và được bảo hiểm theo quy định của Bảo hiểm tiền gửi; Bảo mật số dư và thông tin tài khoản.
- *Tiết kiệm gửi góp không theo định kỳ*: Là hình thức gửi tiền tích lũy, theo đó trong kỳ hạn đăng ký gửi khách hàng có thể chủ động gửi tiền thành nhiều lần không theo định kỳ, với số tiền gửi mỗi lần không cố định, khách hàng rút gốc và lãi một lần khi đến hạn. Các tiện ích khác tương tự với sản phẩm *tiết kiệm gửi góp theo định kỳ*.
- *Các sản phẩm tiền gửi được thiết kế cho từng nhóm đối tượng khách hàng đặc thù*: Ngoài các sản phẩm nêu trên, Agribank còn có các sản phẩm được thiết kế để phù hợp với từng nhóm đối tượng khách hàng như *Tiết kiệm An sinh*, *Tiết kiệm Học đường*, *Tiết kiệm Hưu trí* để giúp khách hàng đạt được các kế hoạch tài chính cụ thể như tích lũy tài chính, đáp ứng nhu cầu học tập, cuộc sống khi về hưu; sản phẩm *Tiết kiệm Tích lũy Kiểu hối hướng* đến khách hàng là các đối tượng đi lao động, học tập và làm việc tại nước ngoài có nhu cầu tích lũy tiền lương chuyển về Việt Nam để gửi tiết kiệm cho chính khách hàng hoặc người thân.

c) Tiết kiệm không kỳ hạn

Tiết kiệm không kỳ hạn là hình thức gửi tiền tiết kiệm mà khách hàng có thể rút tiền theo yêu cầu mà không cần báo trước và bất kỳ ngày làm việc nào của Agribank và gửi thêm tiền không giới hạn số lần gửi tại bất kỳ thời điểm nào dưới nhiều hình thức: trực tiếp tại quầy, chuyển khoản tại quầy, qua Mobile Banking, ATM, Internet Banking, ủy quyền cho Agribank trích tiền từ tài khoản tiền gửi thanh toán. Khách hàng được rút tiền không giới hạn tại bất cứ Đơn vị giao dịch tiết kiệm nào; Sử dụng tài khoản tiết kiệm không kỳ hạn để chuyển khoản thanh toán; Dịch vụ thông tin tài khoản qua Mobile Banking.

d) Tiền gửi có kỳ hạn:

Agribank cung cấp đa dạng kỳ hạn gửi và định kỳ trả lãi: Tiền gửi có kỳ hạn trả lãi sau định kỳ; Tiền gửi có kỳ hạn trả lãi trước toàn bộ; Tiền gửi tức tuyến,...

e) Giấy tờ có giá gồm:

Kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi được Agribank phát hành trong từng thời kỳ với kỳ hạn đa dạng và lãi suất hấp dẫn.

f) Tín dụng khách hàng cá nhân

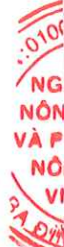




Các sản phẩm cho vay do Agribank cung cấp rất đa dạng, phong phú đặc biệt đối với các khách hàng cá nhân vay vốn tiêu dùng, đời sống và sản xuất kinh doanh cụ thể:

- *Cho vay tiêu dùng*: Là giải pháp tài chính đối với các khách hàng cá nhân có nhu cầu vay vốn để đáp ứng nhu cầu chi tiêu cá nhân, phục vụ nhu cầu đời sống như: Cho vay mua sắm hàng tiêu dùng vật dụng gia đình; cho vay xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mua nhà ở đối với dân cư; cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài; cho vay cầm cố giấy tờ có giá; cho vay mua phương tiện đi lại; cho vay tiêu dùng hạn chế tín dụng đen.
- *Cho vay sản xuất kinh doanh*: là giải pháp tài chính đối với các khách hàng cá nhân phục vụ hoạt động kinh doanh với các nhu cầu đa dạng như: Cho vay vốn ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh, dịch vụ; cho vay lưu vụ đối với hộ nông dân; cho vay theo hạn mức tín dụng; cho vay đầu tư vốn cố định dự án sản xuất kinh doanh; cho vay dưới hình thức thấu chi tài khoản; cho vay bù đắp tài chính; Cho vay theo dự án, chương trình bằng vốn tài trợ nước ngoài; cấp hạn mức tín dụng dự phòng; cho vay mua cổ phiếu phát hành lần đầu; Cho vay qua tổ vay vốn, tổ liên kết, tổ cho vay lưu động; Cho vay theo hạn mức tín dụng quy mô nhỏ; Cho vay phục vụ chính sách phát triển nông nghiệp nông thôn theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/06/2015 của Chính phủ.
- *Chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác*: Agribank mua công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác từ người thụ hưởng trước khi đến hạn thanh toán. Công cụ chuyển nhượng bao gồm Hối phiếu đòi nợ; Hối phiếu nhận nợ; Séc; Các loại công cụ chuyển nhượng khác theo quy định của pháp luật. Các giấy tờ có giá khác bao gồm Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước; Trái phiếu Chính phủ; Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; Trái phiếu Chính quyền địa phương được Ngân hàng Nhà nước cho phép tham gia thị trường mở; Kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu, sổ tiết kiệm do Agribank phát hành theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do tổ chức khác phát hành và được chiết khấu theo quy định của pháp luật hiện hành.
- *Bảo lãnh*: Agribank cung cấp các loại hình bảo lãnh đa dạng như: Bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước, bảo lãnh đối ứng, xác nhận bảo lãnh, bảo lãnh bảo đảm chất lượng sản phẩm, đồng bảo lãnh và các bảo lãnh khác theo yêu cầu của khách hàng.

g) Thẻ

Agribank cung cấp đa dạng các loại thẻ và dịch vụ thẻ cho khách hàng cá nhân, các sản phẩm thẻ hiện nay của Agribank cung cấp cho khách hàng cá nhân bao gồm:

- *Thẻ ghi nợ nội địa*: Là thẻ ghi nợ do Agribank phát hành cho chủ thẻ để thực hiện giao dịch thẻ trong lãnh thổ Việt Nam. Thẻ ghi nợ nội địa có thể thực hiện giao dịch thẻ ngoài lãnh thổ Việt Nam trong trường hợp giao dịch tại Tổ chức thanh toán thẻ nước ngoài kết nối qua NAPAS. Hiện nay, thẻ ghi nợ nội địa của Agribank bao gồm: Thẻ ghi nợ nội địa hạng chuẩn – Success, Thẻ ghi nợ nội địa hạng vàng – Plus success, các loại thẻ liên kết: thẻ liên kết sinh viên, thẻ “Lập nghiệp” (sản phẩm thẻ liên kết giữa Agribank và Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam), thẻ liên kết thương hiệu Co-brand Card.
- *Thẻ ghi nợ quốc tế*: Là thẻ ghi nợ do Agribank phát hành cho chủ thẻ để thực hiện giao dịch thẻ trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam. Thẻ ghi nợ quốc tế của Agribank bao gồm các sản

Handwritten signatures and stamps:






phẩm thẻ: Thẻ ghi nợ quốc tế mang thương hiệu Visa (hạng chuẩn, hạng vàng), thẻ ghi nợ quốc tế mang thương hiệu MasterCard (hạng chuẩn, hạng vàng), thẻ ghi nợ quốc tế mang thương hiệu JCB (hạng vàng).

- *Thẻ tín dụng quốc tế*: Là thẻ cho phép chủ thẻ sử dụng trong phạm vi hạn mức tín dụng do Agribank cấp. Thẻ tín dụng được sử dụng để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam; nạp, rút tiền mặt; không được sử dụng thẻ tín dụng để chuyển khoản (hoặc ghi Có) vào tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước. Thẻ tín dụng quốc tế của Agribank bao gồm các sản phẩm: Thẻ tín dụng quốc tế mang thương hiệu Visa (hạng chuẩn, hạng vàng), thẻ tín dụng quốc tế mang thương hiệu MasterCard (hạng vàng, hạng bạch kim), thẻ tín dụng quốc tế mang thương hiệu JCB (hạng vàng, hạng bạch kim).
- *Thẻ phi vật lý*: là thẻ không hiện hữu bằng hình thức vật chất, tồn tại dưới dạng điện tử và chứa các thông tin trên thẻ cho phép chủ thẻ giao dịch trên môi trường Internet, chương trình ứng dụng trên thiết bị di động; không bao gồm các trường hợp thẻ vật lý có đăng ký chức năng để giao dịch trên môi trường Internet, các chương trình ứng dụng trên thiết bị di động. Hiện nay, Agribank đang triển khai 02 sản phẩm thẻ phi vật lý gồm: Thẻ phi vật lý ghi nợ nội địa hạng vàng và Thẻ phi vật lý ghi nợ quốc tế hạng vàng.
- *Thẻ Lộc Việt*: là sản phẩm thẻ chip nội địa theo chuẩn VCCS được phát triển trên nền tảng công nghệ hiện đại tích hợp 02 ứng dụng thẻ ghi nợ nội địa và thẻ tín dụng nội địa trên cùng một chip.

h) Dịch vụ ngân hàng điện tử:

Dịch vụ ngân hàng điện tử là dịch vụ ngân hàng được thực hiện thông qua các phương tiện điện tử, bao gồm:

- *Dịch vụ Internet Banking*: Là dịch vụ ngân hàng trực tuyến do Agribank cung cấp, cho phép khách hàng thực hiện giao dịch với Agribank thông qua kênh Internet, bao gồm các dịch vụ: Dịch vụ phi tài chính (Tra cứu thông tin tài khoản, lịch sử giao dịch); Dịch vụ tài chính (Chuyển khoản trong hệ thống Agribank, chuyển khoản liên ngân hàng, chuyển khoản theo lô, tiền gửi trực tuyến, ...); Dịch vụ thanh toán (Thanh toán hóa đơn, nộp thuế điện tử, nạp tiền vào ví điện tử, điện thoại, ...)
- *Dịch vụ Mobile Banking*, bao gồm:
 - + *Dịch vụ Agribank E-Mobile Banking*: Là dịch vụ do Agribank cung cấp, cho phép khách hàng thực hiện giao dịch với Agribank thông qua ứng dụng Agribank E-Mobile Banking được cài đặt trên các thiết bị di động có kết nối GPRS/3G/4G/Wifi...
 - + *Dịch vụ SMS Banking*: Là dịch vụ do Agribank cung cấp, cho phép khách hàng thực hiện giao dịch với Agribank thông qua tin nhắn điện thoại di động hoặc thiết bị có chức năng nhắn tin khác.
 - + *Dịch vụ Agribank Bankplus*: Dịch vụ Mobile Banking giữa Agribank và Viettel, cho phép khách hàng sử dụng dịch vụ có thể thực hiện các giao dịch ngân hàng trực tiếp trên



điện thoại di động.

- *Dịch vụ liên kết ví điện tử:* cho phép khách hàng có tài khoản/thẻ ghi nợ nội địa tại Agribank thông qua ứng dụng tích hợp trên Ví điện tử có thể nạp tiền vào tài khoản Ví điện tử từ tài khoản thanh toán/tài khoản liên kết thẻ tại Agribank để thanh toán hàng hóa, dịch vụ trên ứng dụng Ví điện tử hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ trên ứng dụng ví điện tử trực tiếp bằng thẻ ghi nợ nội địa đã liên kết. Ngoài ra khách hàng có thể rút tiền từ tài khoản Ví điện tử về tài khoản thanh toán/tài khoản liên kết thẻ của chính khách hàng tại Agribank.

i) **Dịch vụ thanh toán:** bao gồm dịch vụ chuyển nhận tiền, gửi rút nhiều nơi, thanh toán hóa đơn, thu ngân sách nhà nước, séc, nhờ thu, ... Khách hàng có thể thực hiện các giao dịch thanh toán qua các kênh giao dịch khác nhau của Agribank (tại quầy, Điểm giao dịch lưu động, Mobile banking, Internet banking, ATM, CDM, POS/EDC).

j) **Dịch vụ chuyển tiền ngoại tệ cá nhân và Kiềm hối:** đáp ứng nhu cầu của khách hàng như chuyển học phí, sinh hoạt phí cho học sinh du học, chuyển tiền phục vụ khám, chữa bệnh ở nước ngoài, trợ cấp cho thân nhân ở nước ngoài, ... và mục đích khác theo quy định của pháp luật: dịch vụ nhận và chi trả kiều hối qua Western Union, qua hệ thống SWIFT, chi trả kiều hối với các đối tác song phương tại các thị trường: Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, ...;

k) **Dịch vụ liên kết khác:** Dịch vụ thu hộ tiền bán vé máy bay, Dịch vụ liên kết Ngân hàng – bảo hiểm, liên kết với Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp cung cấp các gói bảo hiểm cho khách hàng Agribank bao gồm các nhóm sản phẩm bảo hiểm như sau: Bảo hiểm con người, Bảo hiểm tài sản và kỹ thuật, Bảo hiểm hàng hóa, Bảo hiểm xe cơ giới, Bảo hiểm cháy nổ, Bảo hiểm tàu, Bảo hiểm trách nhiệm chung, Bảo hiểm nông nghiệp ...

Sản phẩm dịch vụ cho Khách hàng tổ chức


a) Nhóm sản phẩm huy động vốn

- *Tiền gửi không kỳ hạn (tiền gửi thanh toán)* là sản phẩm tiền gửi mà theo đó khách hàng có thể sử dụng số dư tài khoản để thực hiện các dịch vụ chuyển khoản, thanh toán và đăng ký sử dụng các dịch vụ tiện ích gia tăng khác của Agribank.
- *Tiền gửi có kỳ hạn:* Doanh nghiệp có thể chủ động lựa chọn kỳ hạn gửi tiền với đa dạng hình thức lĩnh lãi: trả lãi trước/ sau toàn bộ hoặc theo định kỳ khách hàng đăng ký. Khách hàng có thể sử dụng số dư tài khoản để vay vốn tại Agribank theo quy định từng thời kỳ.
- *Tiền gửi Tích lũy:* Là hình thức gửi tiền có kỳ hạn của khách hàng tổ chức, theo đó khách hàng được gửi thêm tiền vào tài khoản không theo định kỳ (gửi tiền tại bất kỳ thời điểm nào trong thời gian giao dịch của ngân hàng mà không cần theo định kỳ), phù hợp với các doanh nghiệp muốn tích lũy một khoản vốn để thực hiện kế hoạch mua sắm tài sản hoặc đầu tư dự án trong tương lai.
- *Giấy tờ có giá:* bao gồm kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi được Agribank phát hành trong từng thời kỳ với kỳ hạn đa dạng và lãi suất hấp dẫn.

b) Tín dụng khách hàng pháp nhân:



- *Cho vay, bao gồm:*
 - + Cho vay từng lần, cho vay hạn mức tín dụng: Là sản phẩm tín dụng của Agribank đối với khách hàng doanh nghiệp/ hợp tác xã cần vốn cho chi phí sản xuất, kinh doanh.
 - + Cho vay theo dự án đầu tư: Là sản phẩm tín dụng của Agribank đối với khách hàng doanh nghiệp/ hợp tác xã cần vốn phục vụ chi phí đầu tư tài sản cố định như máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ sản xuất kinh doanh, dịch vụ để thực hiện dự án.
 - + Cho vay dự án cơ sở hạ tầng: Là sản phẩm tín dụng của Agribank đối với khách hàng doanh nghiệp/ hợp tác xã cần vốn để thực hiện các dự án hoặc phương án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.
 - + Cho vay hợp vốn: Agribank cùng một hoặc một số tổ chức tín dụng khác thực hiện cho vay đối với một dự án vay vốn hoặc phương án vay vốn của doanh nghiệp.
 - + Cho vay theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP: Là sản phẩm tín dụng của Agribank đối với khách hàng doanh nghiệp/ hợp tác xã có nhu cầu sử dụng vốn vay cho chi phí sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn.
 - + Cho vay các dự án theo chỉ định của Chính phủ: Agribank hỗ trợ chi phí phục vụ sản xuất, kinh doanh thuộc các dự án bằng nguồn vốn chỉ định của Chính phủ cho khách hàng doanh nghiệp có nhu cầu, đáp ứng đủ điều kiện vay vốn của dự án.
 - + Cho vay theo dự án, chương trình bằng vốn tài trợ nước ngoài: Agribank hỗ trợ khách hàng doanh nghiệp chi phí phục vụ tiểu dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc dự án chương trình được tài trợ bằng vốn nước ngoài.
 - + Cho vay ưu đãi xuất khẩu: Agribank hỗ trợ chi phí để thu mua, sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu thông qua sản phẩm tín dụng "cho vay ưu đãi xuất khẩu" đối với khách hàng doanh nghiệp có tín nhiệm, có hợp đồng xuất khẩu, có nguồn thu ngoại tệ, thanh toán qua Agribank và có hợp đồng kỳ hạn bán ngoại tệ cho Agribank.
- *Bảo lãnh:* Agribank cung cấp các loại hình bảo lãnh đa dạng như: Bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước, bảo lãnh đối ứng, xác nhận bảo lãnh, bảo lãnh bảo đảm chất lượng sản phẩm, đồng bảo lãnh và các bảo lãnh khác theo yêu cầu của khách hàng.
- *Bao thanh toán:* Agribank hỗ trợ mua lại các khoản phải thu phát sinh từ mua bán hàng hóa theo thỏa thuận hợp đồng đối với khách hàng doanh nghiệp/ hợp tác xã.
- *Chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá:* Agribank nhận chiết khấu, tái chiết khấu tối đa bằng nhu cầu của khách hàng doanh nghiệp là chủ sở hữu của Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu phát hành theo quy định của Nhà nước (bao gồm Tín phiếu Kho bạc, trái phiếu Kho bạc, trái phiếu công trình TW, trái phiếu đầu tư, trái phiếu ngoại tệ, công trái xây dựng tổ quốc, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá khác do các tổ chức tín dụng, tổ chức khác phát hành, hối phiếu đòi nợ, hối phiếu nhận nợ, séc.



c) **Dịch vụ thanh toán trong nước:** bao gồm chuyển nhận tiền, thanh toán hóa đơn, thu hộ chi hộ, thu ngân sách nhà nước, CMS, quản lý vốn tập chung, số phụ điện tử và thu, chuyển trả kinh phí công đoàn.

d) **Thanh toán và chuyển tiền quốc tế:**

- Agribank hiện đang cung cấp 40 sản phẩm dịch vụ liên quan đến thanh toán, chuyển tiền quốc tế cho khách hàng pháp nhân, với các sản phẩm vượt trội trong lĩnh vực thanh toán xuất nhập khẩu, như: L/C, nhờ thu, bảo lãnh, chiết khấu, UPAS L/C (hình thức L/C trả chậm có điều khoản thanh toán trả ngay) với sự tham gia tài trợ của 17 ngân hàng nước ngoài lớn (Wells Fargo, JP Morgan Chase, Standard Chartered, DBS Singapore, Cobank, ...), tài trợ thanh toán nhập khẩu đối với hàng hóa, nông sản Mỹ theo chương trình GSM – 102 của Bộ Nông nghiệp Mỹ, chương trình ngân hàng Eximbank Mỹ, ... Agribank là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam vận hành SWIFT GPI (Global Payments Innovation) – Sáng kiến đổi mới thanh toán toàn cầu của Tổ chức SWIFT, sử dụng phương thức API với phần mềm SWIFT Microgateway hiện đại nhất.
- Trên cơ sở hợp tác với các định chế tài chính lớn tại Trung Quốc và Lào, Agribank đã và đang cung cấp dịch vụ thanh toán biên giới cho các khách hàng có hoạt động xuất nhập khẩu qua biên giới Việt Nam – Trung Quốc bằng VND và CNY, qua biên giới Việt Nam – Lào bằng VND và LAK;
- Cung cấp các dịch vụ thanh toán quốc tế đến các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước như: dịch vụ tài khoản, thu hộ chi hộ; thông báo, xác nhận L/C cho khách hàng của Agribank.

e) **Mua bán ngoại tệ:**

Bao gồm mua bán ngoại tệ giao ngay, mua bán ngoại tệ kỳ hạn, hoán đổi ngoại tệ.

f) **Thẻ**

- Đơn vị chấp nhận thẻ: Là tổ chức hoặc cá nhân chấp nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ bằng thẻ qua POS và/hoặc các ứng dụng QRCode, SamsungPay, v.v... theo hợp đồng thanh toán thẻ ký kết với Agribank. Trở thành đơn vị chấp nhận thẻ của Agribank mang đến các lợi ích như: Sử dụng phương thức thanh toán hiện đại qua đó thu hút thêm khách hàng, giảm thiểu rủi ro về tiền giả, tiền rách, kiểm đếm, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tham gia các chương trình marketing, khuyến mại, quảng bá thương hiệu do Agribank triển khai, v.v...
- Dịch vụ chi lương qua tài khoản phát hành thẻ: Dịch vụ chi lương của Agribank là dịch vụ tự động chi trả lương cán bộ, nhân viên phát hành thẻ Agribank từ tài khoản của doanh nghiệp mở tại Agribank.
- Thẻ tín dụng quốc tế MasterCard dành cho công ty: Là sản phẩm thẻ do Agribank phát hành cho khách hàng là cá nhân được doanh nghiệp uỷ quyền sử dụng thẻ. Thẻ có thể sử dụng để ứng tiền và được chấp nhận thanh toán trên phạm vi toàn cầu mang lại sự thuận tiện cho khách hàng mọi nơi mọi lúc. Thẻ tín dụng quốc tế Agribank MasterCard dành cho tổ chức



01000
NGÂN
NÔNG
VÀ P
NÔNG
VI
SA Đ

có một hạng thẻ duy nhất: Hạng thẻ Vàng.

g) Dịch vụ ngân hàng điện tử:

- Dịch vụ ngân hàng điện tử là dịch vụ ngân hàng được thực hiện thông qua các phương tiện điện tử, bao gồm:
- *Dịch vụ Internet Banking:* Là dịch vụ ngân hàng trực tuyến do Agribank cung cấp, cho phép khách hàng thực hiện giao dịch thông qua kênh Internet Banking: Tra cứu thông tin tài khoản, liệt kê giao dịch tài khoản, thanh toán hóa đơn, nộp ngân sách Nhà nước, chuyển khoản...
- *Dịch vụ SMS Banking:* Với dịch vụ SMS Banking, khách hàng có thể vẫn tin số dư tài khoản của mình, được tự động thông báo biến động số dư.
- *Dịch vụ Agribank E-Mobile Banking:* Là dịch vụ do Agribank cung cấp, cho phép khách hàng thực hiện giao dịch với Agribank thông qua ứng dụng Agribank E-Mobile Banking được cài đặt trên các thiết bị di động có kết nối GPRS/3G/4G/Wifi...

h) Dịch vụ ngân quỹ và quản lý tiền tệ

Agribank cung cấp các loại hình dịch vụ ngân quỹ và quản lý tiền tệ đa dạng như: Thu đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông; Kiểm đếm, giao nhận tiền mặt với khách hàng; Thu chi tiền mặt lưu động tại địa chỉ của khách hàng; Thu tiền theo túi niêm phong; Dịch vụ bảo quản tài sản; Dịch vụ cho thuê tủ/két an toàn ...

i) Dịch vụ liên kết khác

Dịch vụ thu hộ tiền bán vé máy bay, Dịch vụ liên kết Ngân hàng – Bảo hiểm (Bảo hiểm ô tô; Bảo hiểm tài sản; Bảo hiểm cháy nổ, ...)

6.1.2. Hoạt động huy động vốn

Xác định huy động vốn là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong quản trị điều hành hoạt động kinh doanh, Agribank đã tập trung chỉ đạo, linh hoạt điều hành công tác huy động vốn phù hợp với tình hình thị trường, đảm bảo nguồn vốn cho tăng trưởng tín dụng theo đúng định hướng; triển khai nhiều biện pháp đồng bộ, quyết liệt để huy động nguồn vốn từ dân cư và tổ chức kinh tế; đa dạng hóa sản phẩm huy động vốn, phát huy công tác quản lý vốn huy động tập trung tại Trụ sở chính đối với nguồn tiền gửi lớn của các tổ chức, tập đoàn kinh tế lớn; thường xuyên theo dõi tình hình cân đối vốn và sử dụng vốn của toàn hệ thống, đảm bảo thanh khoản và cân đối đủ vốn để cho vay; Kiểm soát và điều hành tăng trưởng vốn huy động phù hợp tốc độ và cơ cấu tăng trưởng tín dụng; Thực hiện điều chuyển kịp thời vốn thanh toán và vốn tiền mặt trong hệ thống, đáp ứng nhu cầu hoạt động của các chi nhánh Agribank.

Phát huy thế mạnh về mạng lưới, nguồn vốn huy động của Agribank liên tục tăng trưởng ổn định, khẳng định mức độ tín nhiệm lớn của khách hàng đối với uy tín, thương hiệu không ngừng

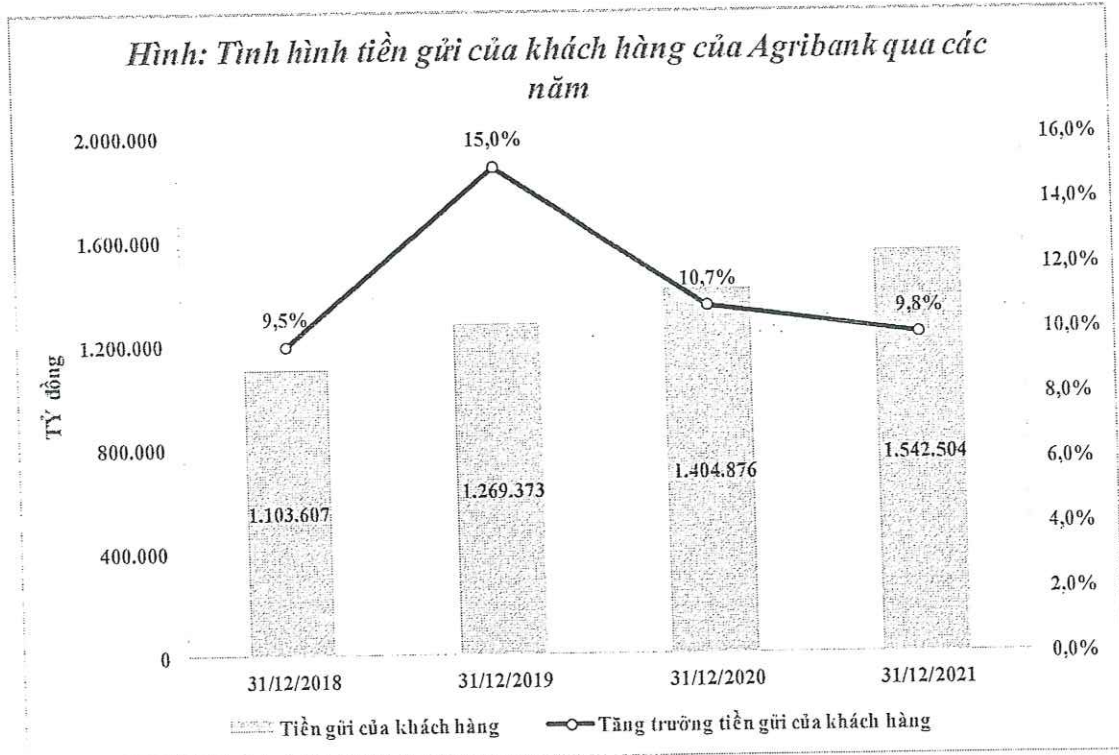


được nâng cao của Agribank. Tính đến thời điểm 31/12/2021, tổng nguồn vốn huy động của Agribank đạt 1.575.930 tỷ đồng, tăng trưởng 8,5% so với cuối năm 2020. Tiền gửi của Khách hàng là kênh huy động vốn chính của Agribank (chiếm khoảng 97% tổng huy động vốn).

Đơn vị tính: tỷ đồng

Tình hình vốn huy động	31/12/2020	31/12/2021	% tăng (giảm) 2020/2021
Vay NHNN	1.048	771	(26,42%)
Tiền gửi của KBNN	3.553	646	(81,82%)
Tiền gửi và vay các TCTD khác	2.363	3.448	45,92%
Tiền gửi của khách hàng	1.404.876	1.542.504	9,80%
Phát hành giấy tờ có giá	40.205	28.561	(28,96%)
Tổng vốn huy động	1.452.045	1.575.930	8,53%
Tăng trưởng huy động	8,2%	8,5%	4,27%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2021)



(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2021)

Đơn vị tính: tỷ đồng

Handwritten signatures and initials in blue ink.

Cơ cấu huy động theo loại tiền	31/12/2020	31/12/2021	% tăng (giảm) 2020/2021
Vay NHNN	1.047	771	(26,36%)
<i>Bằng VND</i>	1.047	771	(26,36%)
<i>Bằng ngoại tệ</i>	-	-	-
Tiền gửi của KBNN	3.553	646	(81,82%)
<i>Bằng VND</i>	3.549	642	(81,91%)
<i>Bằng ngoại tệ</i>	4	4	0,00%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	2.363	3.448	45,92%
<i>Bằng VND</i>	1.505	2.552	69,56%
<i>Bằng ngoại tệ</i>	858	896	4,45%
Tiền gửi của khách hàng	1.404.876	1.542.504	9,80%
<i>Bằng VND</i>	1.393.086	1.530.333	9,85%
<i>Bằng ngoại tệ</i>	11.790	12.172	3,24%
Phát hành giấy tờ có giá	40.205	28.561	(28,96%)
<i>Bằng VND</i>	40.205	28.561	(28,96%)
<i>Bằng ngoại tệ</i>	-	-	-
Vốn huy động	1.452.044	1.575.930	8,53%
<i>Huy động vốn VND</i>	1.439.392	1.562.859	8,58%
<i>Huy động vốn ngoại tệ</i>	12.652	13.072	3,32%

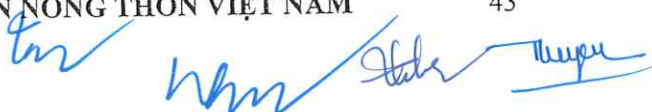
(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2021)

Đồng nội tệ chiếm phần lớn tỷ trọng trong cơ cấu huy động vốn theo loại tiền của Agribank, tại ngày 31/12/2021, giá trị vốn huy động bằng tiền Việt Nam đạt 1.562.859 tỷ đồng chiếm đến 99,17% tổng nguồn vốn. Trong khi đó, tỷ trọng vốn ngoại tệ của Ngân hàng từ năm 2018 đến nay đều không vượt quá 2% và chủ yếu đến từ hoạt động huy động tiền gửi và vay các TCTD khác và tiền gửi của khách hàng.

Với đặc điểm là NHTM chủ lực trên lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và nông dân, nguồn tiền gửi của Agribank đến chủ yếu từ khách hàng cá nhân (chiếm khoảng 80%). Xét về cơ cấu tiền gửi, tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) của Agribank giao động quanh mức 10 – 13%.

Vốn huy động tăng trưởng bền vững, phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng, đáp ứng kịp thời nhu cầu kinh doanh và gắn với đảm bảo khả năng thanh khoản và các tỷ lệ an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Về điều hành lãi suất huy động, Agribank bám sát tình hình kinh tế vĩ mô, diễn biến thị trường để điều hành linh hoạt, đồng bộ công cụ phí, lãi suất phù hợp theo hướng tiết giảm chi phí huy động vốn. Triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của NHNN về trần lãi suất tiền gửi, Agribank đã ban hành các văn bản về lãi suất huy động đối với khách hàng cá nhân, tổ



chức (bao gồm cả tổ chức tín dụng), duy trì lãi suất huy động ở mức thấp và điều chỉnh giảm linh hoạt theo tín hiệu thị trường, góp phần định hướng mặt bằng lãi suất thị trường theo chủ trương của Chính phủ, NHNN.

6.1.3. Hoạt động tín dụng

6.1.3.1. Hoạt động cho vay khách hàng

Với vị trí là Ngân hàng thương mại lớn nhất, đóng vai trò chủ lực trên thị trường tài chính nông thôn, Agribank đã vượt qua nhiều khó khăn để có thể hoàn thành tốt hai nhiệm vụ: vừa phục vụ các chính sách tín dụng nông nghiệp, nông thôn theo chỉ đạo của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước vừa đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn và phát triển.

Luôn xem trọng lợi ích của doanh nghiệp, lấy khách hàng làm trọng tâm trong mục tiêu hướng tới phát triển bền vững, Agribank đã triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm mở rộng tín dụng có hiệu quả, tiên phong triển khai mạnh mẽ các chương trình tín dụng ưu đãi đối với các đối tượng khách hàng pháp nhân và cá nhân. Cho vay nông nghiệp, nông thôn là lĩnh vực có chi phí hoạt động cao, rủi ro lớn do thiên tai, biến đổi khí hậu, thị trường tiêu thụ hàng hóa, lãi suất cho vay thấp theo chính sách ưu đãi lãi suất, phần nào ảnh hưởng đến năng lực tài chính, khả năng tự tăng vốn tự có từ lợi nhuận và thu nhập của người lao động.

Với ưu tiên hàng đầu tiếp tục đẩy mạnh đầu tư tín dụng phát triển nông nghiệp an toàn, hiệu quả và bền vững, Agribank đưa ra nhiều giải pháp hiệu quả như: ban hành đồng bộ chính sách ưu đãi về lãi suất tiền gửi, tiền vay, phí thanh toán, phí dịch vụ và các chính sách khác để khách hàng có thể sử dụng nhiều gói sản phẩm, dịch vụ có tính liên kết; tiếp tục thực hiện các chính sách ưu đãi khách hàng truyền thống, thu hút khách hàng mới, khách hàng tiềm năng.

Trong năm 2020, dịch bệnh Covid – 19 diễn ra phức tạp, ảnh hưởng sâu rộng đến mọi mặt đời sống, Ban lãnh đạo Agribank đã có những quyết sách phù hợp, kịp thời đảm bảo hệ thống Agribank kinh doanh an toàn, các chỉ tiêu chính đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, tỷ trọng cho vay nông nghiệp, nông thôn đạt gần 70% tổng dư nợ, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong thị phần tín dụng “Tam nông” tại Việt Nam. Để nỗ lực tiếp sức cho nền kinh tế, trong năm 2020, Agribank đã ban hành 07 văn bản giảm lãi suất cho vay, bao gồm 03 lần điều chỉnh giảm trần lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam đối với các lĩnh vực ưu tiên, lãi suất giảm từ 6% xuống còn 4,5%/năm, 01 lần điều chỉnh giảm trần lãi suất cho vay trung, dài hạn từ 9,5%/năm xuống 9%/năm và 03 lần điều chỉnh giảm lãi suất cho vay ngắn hạn bằng USD từ tối thiểu 4%/năm xuống tối thiểu 3%, phù hợp với việc FED cắt giảm mạnh lãi suất. Bên cạnh đó, Agribank thực hiện nhiều chương trình ưu đãi lãi suất cho vay như: Giảm lãi suất cho vay đối với các khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19 với mức tối đa từ 1 – 5%/năm; Tín dụng ưu đãi đối với khách hàng lớn quy mô 35.000 tỷ đồng; Chương trình tín dụng ưu đãi đối với khách hàng FDI vay VND quy mô 5.000 tỷ đồng; Chương trình tín dụng ngoại tệ đối với khách hàng FDI quy mô 150 triệu USD; Chương trình ưu đãi đối với khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa, quy mô 30.000 tỷ đồng; Cho vay khuyến khích ứng dụng công nghệ cao, phát triển nông nghiệp sạch

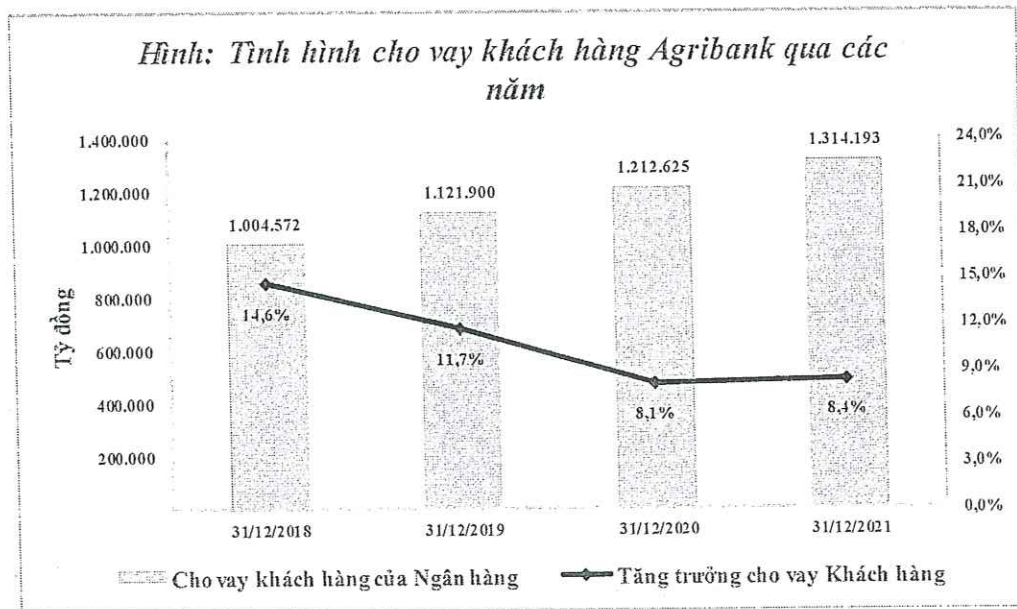


100%
NGÂN
HÀNG
NÔNG
THÔN
VIỆT
NAM

T
ẤM
H
C
N
P

lãi suất thấp hơn từ 0,5 – 1,5%/năm; Cho vay tái canh cà phê tại các tỉnh Tây nguyên, lãi suất thấp hơn lãi suất cho vay thông thường 2 – 2,5%; Chương trình ưu đãi tài trợ Khách hàng xuất nhập khẩu quy mô 15.000 tỷ đồng và 300 triệu USD (*triển khai từ ngày 01/7/2021*). Nhờ áp dụng nhiều giải pháp tích cực, Agribank đã đảm bảo duy trì nợ xấu ở mức thấp 1,77% tổng dư nợ.

Tính đến thời điểm 31/12/2021, tổng dư nợ cho vay khách hàng tăng 8,38% so với thời điểm 31/12/2020, đạt 1.314.195 tỷ đồng, hoàn thành chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng do Ngân hàng Nhà nước và Hội đồng thành viên giao, tiếp tục là một trong những trụ cột cung cấp tín dụng cho nền kinh tế. Chất lượng tín dụng được kiểm soát chặt chẽ, tuân thủ quy định của pháp luật và các giới hạn an toàn theo quy định của NHNN. Cơ cấu tín dụng được điều chỉnh theo hướng tập trung cho vay ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch; kiểm soát chặt chẽ việc cấp tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao như đầu tư, kinh doanh bất động sản, chứng khoán, BOT, BT giao thông, tiêu dùng...



(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2019, 2020 & 2021)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Phân tích dư nợ cho vay KH theo kỳ hạn	31/12/2020		31/12/2021		% tăng (giảm)
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	703.854	58,04%	792.954	60,34%	12,66%
Nợ trung hạn	361.918	29,85%	364.038	27,70%	0,59%
Nợ dài hạn	146.853	12,11%	157.203	11,96%	7,05%
Tổng dư nợ cho vay	1.212.625	100%	1.314.195	100%	8,38%

(Nguồn: BCTC công ty mẹ và BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2021)

Tính đến thời điểm 31/12/2021, tổng dư nợ cho vay khách hàng tăng 8,38% so với thời điểm 31/12/2020, đạt 1.314.195 tỷ đồng. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng tổng dư nợ vay ngắn hạn tăng là do tất cả các chỉ tiêu Nợ ngắn hạn, Nợ trung hạn, Nợ dài hạn năm 2021 đều tăng so với năm 2020. Cụ thể nợ ngắn hạn đạt 792.953 tỷ, tăng 12,66%; nợ trung hạn đạt 364.038 tỷ đồng, tăng 0,59% và nợ dài hạn đạt 157.203, tăng 7,05% so với năm 2020. Số liệu về phân tích dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn trên BCTC riêng lẻ và BCTC hợp nhất là tương tự nhau.

6.1.3.2. Tình hình nợ xấu

Đơn vị tính: tỷ đồng

Phân loại nợ	31/12/2020		12/31/2021		% tăng (giảm)
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.161.020	95,74%	1.261.194	95,97%	8,63%
Nợ cần chú ý	30.078	2,48%	28.446	2,16%	(5,43%)
Nợ dưới tiêu chuẩn	2.745	0,23%	3.141	0,24%	14,44%
Nợ nghi ngờ	2.425	0,20%	3.379	0,26%	39,35%
Nợ có khả năng mất vốn	16.357	1,35%	18.033	1,37%	10,25%
Tổng dư nợ cho vay KH	1.212.625	100%	1.314.194	100%	8,38%
Số dư nợ xấu	21.527	1,78%	24.553	1,87%	14,06%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2021)

Tại thời điểm 31/12/2021, số dư nợ xấu tăng lên mức 24.553 tỷ đồng, tăng 14,06% so với cuối năm 2020, tỷ lệ nợ xấu năm 2021 tăng lên mức 1,87%. Tỷ lệ nợ xấu năm 2021 tăng là do trong bối cảnh dịch bệnh Covid -19 chung trên toàn thế giới, nhiều khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, tỷ lệ nợ xấu của Agribank vẫn duy trì ở mức an toàn theo quy định của pháp luật.

6.1.3.3. Tình hình trích lập dự phòng rủi ro

Tính đến thời điểm 31/12/2021, Agribank đã trích lập 34.583 tỷ đồng dự phòng rủi ro tín dụng, cho nhóm nợ cho vay khách hàng, tăng 41,40% so với thời điểm 31/12/2020.

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	% tăng (giảm)
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	24.458	34.583	41,40%
Dự phòng cụ thể	15.601	24.840	59,22%
Dự phòng chung	8.857	9.743	10,00%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2021)

Agribank chủ động sàng lọc khách hàng để phản ánh chất lượng nợ phù hợp với năng lực tài chính thực tế của khách hàng. Với các biện pháp quản lý các khoản nợ sát sao, đa dạng các ứng xử tín dụng, chất lượng nợ của Agribank luôn được duy trì ở mức cao trong các năm qua.

Việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng chung và dự phòng cụ thể được thực

(Handwritten signatures and stamps)

hiện theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước, trong đó loại trừ giá trị khấu trừ tài sản đảm bảo theo tỷ lệ quy định của NHNN.

Ngày 30/07/2021, NHNN đã ban hành thông tư số 11/2021/TT-NHNN quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư 11). Thông tư 11 thay thế thông tư số 22/2013/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 21/01/2013 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư 02) và thông tư số 09/2014/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 18/03/2014 về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02 (Thông tư 09). Thông tư 11 có hiệu lực kể từ ngày 01/10/2021. Kể từ ngày 01/10/2021, Agribank đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 11.

6.1.3.4. Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)

Agribank luôn bảo đảm và đáp ứng các nguyên tắc về quản trị rủi ro, cũng như tuân thủ các quy định của NHNN về tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động và tỷ lệ an toàn vốn.

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Quy định
Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ (CAR)	10,3%	10,2%	≥ 9%
Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất (CAR)	10,5%	10,5%	≥ 9%

(Nguồn: Agribank)

6.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán

6.1.4.1. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ

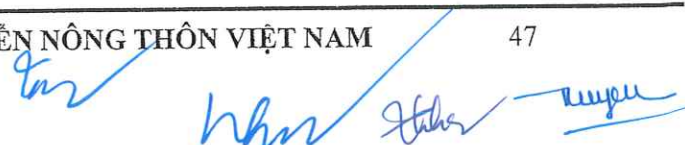
Agribank là ngân hàng thương mại hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh ngoại hối và cung cấp các dịch vụ ngoại hối đa dạng cho khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp. Với lợi thế về mạng lưới, nguồn dự trữ ngoại hối dồi dào và nhân sự giàu kinh nghiệm trong hoạt động kinh doanh ngoại tệ, Agribank không chỉ kịp thời đáp ứng nhu cầu của khách hàng nói chung mà còn hỗ trợ tích cực cho khách hàng doanh nghiệp phòng tránh rủi ro trong hoạt động kinh doanh thông qua việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ ngoại hối đặc thù, phù hợp với thực trạng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Agribank luôn chú trọng đến công tác phát triển khách hàng nhằm khai thác tối đa các kênh khách hàng hiện hữu và tăng trưởng khách hàng mới trên tất cả các phân khúc. Lãi kinh doanh ngoại tệ năm 2020 đạt gần 1.000 tỷ đồng. Đến 31/12/2021, lãi kinh doanh ngoại tệ toàn hệ thống đạt 1.558,5 tỷ VND, tăng hơn 77% so với năm 2020.

6.1.4.2. Hoạt động thanh toán

a) Hoạt động thanh toán trong nước

Năm 2020, Agribank đã tập trung phát triển các sản phẩm dịch vụ trên nền tảng hệ thống công



nghệ thông tin, chủ động áp dụng các giải pháp cách mạng công nghiệp 4.0 để phát triển các sản phẩm dịch vụ mới, mở rộng tiện ích, nâng cao chất lượng dịch vụ E-Banking: Bổ sung thêm nhiều tiện ích dịch vụ trên ứng dụng Agribank E-Mobile Banking (tính năng gọi taxi, quét QR đặt món ăn, đặt dịch vụ du lịch, quét mã QR ngược, thanh toán hóa đơn...); Triển khai thí điểm Agribank E-Banking, hệ thống phần mềm cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử thông qua các thiết bị có kết nối Internet (dịch vụ thanh toán, tài khoản tiền gửi, tín dụng, thanh toán quốc tế, thương mại điện tử, thẻ, dịch vụ phi tài chính và các dịch vụ khác...); Phát triển sản phẩm Tiền gửi trực tuyến trên ứng dụng Agribank E-Mobile Banking đáp ứng nhu cầu gửi tiền trực tuyến, giảm tải giao dịch tại quầy; Cập nhật bổ sung đặc điểm, tiện ích tiền gửi có kỳ hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; Liên kết hợp tác, ký kết thỏa thuận hợp tác với các đối tác, công ty fintech để phát triển dịch vụ ví điện tử, thu hộ, chi hộ... đáp ứng nhu cầu thanh toán không dùng tiền mặt của nền kinh tế; Triển khai phát hành thẻ chip nội địa không tiếp xúc theo chuẩn VCCS, ứng dụng kết nối POS với phần mềm hệ thống kế toán của Đơn vị chấp nhận thẻ; Triển khai thí điểm sản phẩm thẻ liên kết bệnh viện; Triển khai Đề án phát triển dịch vụ thẻ tại thị trường nông nghiệp, nông thôn. Xác định hướng phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ trên nền tảng công nghệ thông tin, Agribank tập trung phát triển mạnh dịch vụ ngân hàng điện tử, dịch vụ ứng dụng giải pháp công nghệ 4.0, triển khai các công việc ban đầu để phát triển ngân hàng số, thực hiện chuyển đổi số. Dịch vụ ngân hàng điện tử có sự tăng trưởng mạnh mẽ cả về số lượng tiện ích và chất lượng dịch vụ. Tỷ trọng thu dịch vụ trong tổng thu ngày càng tăng, tạo nguồn thu đáng kể cho Agribank. Đây là nhóm dịch vụ sẽ là kênh phân phối khách hàng ưa thích sử dụng. Năm 2020, thu phí tăng gấp 3,6 lần so với năm 2016, tổng số khách hàng sử dụng dịch vụ đạt 12,17 triệu khách hàng (chiếm 78,2% khách hàng có tài khoản thanh toán tại Agribank). Việc mở rộng kết nối thanh toán trực tuyến là xu thế tất yếu nhằm tăng cường bán chéo sản phẩm dịch vụ, tạo hệ sinh thái giao dịch cho khách hàng. Agribank hiện đã và đang triển khai dịch vụ kết nối thanh toán trực tuyến với một loạt Ví điện tử/Trung gian thanh toán, như: OnePay, Moca, Momo, VinID, VNPT Pay, ZaloPay... Trong năm 2021, Agribank đã triển khai chức năng chuyển tiền ngoại tệ liên ngân hàng, thanh toán bù trừ điện tử tự động giá trị thấp (ACH).

b) Hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại

Đến ngày 31/12/2021, với 171 chi nhánh loại I, 30 chi nhánh loại II trong nước và 01 chi nhánh nước ngoài tại Campuchia được phép thực hiện thanh toán quốc tế trực tiếp, Agribank hiện đang cung cấp 40 sản phẩm thanh toán quốc tế tới 167 quốc gia (tăng 7 quốc gia so với năm 2020). Một số sản phẩm có tính năng vượt trội so với ngân hàng khác như: dịch vụ chuyển tiền đa tệ, chuyển tiền Campuchia - Việt Nam qua kênh chuyển tiền nội bộ, UPAS L/C... Trong nhiều năm qua, Agribank liên tục nhận được các giải thưởng về “Tỷ lệ điện đạt chuẩn cao” được Ngân hàng Bank of New York Mellon (Mỹ) và ngân hàng Citibank (Mỹ) trao tặng, “Chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc” do Wells Fargo (Mỹ) trao tặng với tỷ lệ điện chuẩn đạt 100%, Giải “Chất lượng thanh toán xuất sắc và tỷ lệ điện thanh toán chuẩn (MT103)” do J.P



Morgan Chase (Mỹ) trao tặng. Ngoài ra, để hỗ trợ khách hàng, Agribank tích cực khai thác các chương trình tài trợ thương mại, và các sản phẩm dịch vụ khác từ các ngân hàng đại lý của Agribank.

c) Hoạt động thanh toán biên giới

Thanh toán biên giới là một trong những thế mạnh của Agribank và Agribank cũng là ngân hàng đầu tiên triển khai nghiệp vụ này. Hiện nay, Agribank đang triển khai hoạt động này với thị trường Trung Quốc và Lào. Tính đến năm 2020, Agribank có 07 chi nhánh đầu mối trực tiếp thanh toán biên giới với Trung Quốc và 01 chi nhánh đầu mối trực tiếp thanh toán biên giới với Lào. Hoạt động thanh toán biên giới của Agribank được thực hiện qua Hệ thống thanh toán biên giới qua Internet Banking (CBPS) là hệ thống thanh toán, chuyển tiền quốc tế hoàn chỉnh do Agribank xây dựng và giữ bản quyền trên nền tảng công nghệ Internet tiên tiến, áp dụng các giải pháp bảo mật cao cấp của Agribank. Hệ thống này đã được Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ công nghệ thông tin Việt Nam (VINASA) trao giải thưởng Sao Khuê 2017.

Việc triển khai thanh toán biên giới qua CBPS đã giúp Agribank nâng cao chất lượng và mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ cho khách hàng, đáp ứng chủ trương thanh toán không dùng tiền mặt, đồng thời góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy quan hệ hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu tại biên giới.

Năm 2021, hoạt động thanh toán biên giới vẫn duy trì, tiếp tục tăng trưởng mạnh, doanh số thanh toán xuất nhập khẩu tăng 58% và thu phí thanh toán biên giới tăng 4,6% so với năm 2020. Agribank quản lý chặt chẽ các hoạt động, thực hiện cấp hạn mức các tài khoản thanh toán biên giới, triển khai thành công thanh toán biên giới Việt Nam - Trung Quốc qua hệ thống Internet Banking, đánh dấu bước phát triển một bậc trong tự động hóa giao dịch chuyển tiền thanh toán biên giới của Agribank. Agribank chỉ đạo các đơn vị chủ động theo dõi, nắm bắt tình hình, quản lý tốt hoạt động thanh toán biên giới nhằm hạn chế rủi ro trong hoạt động thanh toán biên giới.

6.1.4.3. Dịch vụ kiều hối

Để tăng doanh thu từ dịch vụ kiều hối, năm 2020 Agribank đã ký sửa đổi bổ sung Hợp đồng với Western Union, trong đó đã bỏ điều khoản độc quyền. Từ đó tạo cơ sở cho Agribank mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác là Công ty chuyển tiền ở những thị trường tiềm năng như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan.

6.1.5. Hoạt động đầu tư

6.1.5.1. Hoạt động đầu tư chứng khoán

Bên cạnh hoạt động tín dụng và nguồn vốn, Agribank cũng chú trọng đến phát triển và đa dạng hóa các sản phẩm đầu tư hiện đại. Danh mục đầu tư giấy tờ có giá liên tục được điều chỉnh theo hướng tăng khả năng sinh lời nhưng vẫn đảm bảo dự trữ thanh khoản cho toàn hệ thống. Tính đến 31/12/2021, quy mô đầu tư chứng khoán của Agribank đạt 62.459 tỷ đồng, giảm khoảng 37,8% so với cuối năm 2020. Trong đó, Trái Phiếu chính phủ chiếm tỷ trọng khoảng 93,14%



trong tổng danh mục đầu tư giấy tờ có giá của Agribank.

Bảng: Danh mục đầu tư của Agribank

Danh mục đầu tư	31/12/2020	31/12/2021	% tăng (giảm) 2020/2021
Chứng khoán kinh doanh	-	-	-
<i>Chứng khoán vốn</i>	-	-	-
Chứng khoán sẵn sàng để bán	96.652	58.404	(39,57%)
<i>Chứng khoán nợ</i>	96.097	58.217	(39,42%)
CK nợ chính phủ	83.048	55.241	(33,48%)
CK nợ do các TCTD khác phát hành	12.649	2.575	(79,64%)
CK nợ do các TCKT trong nước phát hành	400	400	0,00%
<i>Chứng khoán vốn</i>	555	187	(66,31%)
CK vốn do các TCTD khác phát hành	2	-	-
CK vốn do các TCKT trong nước phát hành	553	187	(66,18%)
Chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.759	4.759	0,00%
Trái phiếu đặc biệt do Công ty Quản lý và Khai thác tài sản Việt Nam ("VAMC") phát hành	-	-	-
<i>TP Chính phủ</i>	3.590	3.590	0,00%
<i>TP của DATC</i>	170	170	0,00%
CK nợ do các TCKT trong nước phát hành	999	999	0,00%
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	995	704	(29,25%)
<i>Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</i>	393	102	(74,05%)
<i>Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</i>	602	602	0,00%
Tổng cộng	100.416	62.459	(37,80%)

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2021)

6.1.5.2. Hoạt động góp vốn, đầu tư dài hạn

Trong những năm gần đây, ngành ngân hàng đã đẩy mạnh thoái vốn dần các khoản đầu tư góp vốn, không chỉ thoái vốn khỏi các TCTD khác, các ngân hàng cũng đã thoái vốn khỏi các khoản đầu tư ngoài ngành. Hiện nay, Agribank không còn nắm giữ trên 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết của một TCTD nào khác.

Đến thời điểm 31/12/2021, giá trị các khoản đầu tư vào công ty con của Agribank là 2.231,5 tỷ đồng; giá trị các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn khác là 26,8 tỷ đồng. Tổng giá trị dự phòng

giảm giá đầu tư dài hạn tính đến thời điểm 31/12/2021 là 467 tỷ đồng. Số liệu chi tiết như sau:

	31/12/2020		31/12/2021		% tăng (giảm) 2020/2021
	Tỷ lệ năm giữ (%)	Giá gốc Triệu VND	Tỷ lệ năm giữ (%)	Giá gốc Triệu VND	
❖ Đầu tư vào công ty con					
Công ty Cho thuê Tài chính I Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	100	172.087	100	172.087	-
Công ty Cho thuê Tài chính II Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (*)	100	294.416	100	294.416	-
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam	100	288.249	100	288.249	-
Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank	100	30.000	100	30.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank	75,21	1.250.916	75,21	1.250.916	-
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam	52,93	195.840	51,51	195.840	-
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con		(482.426)		(466.503)	(3,30%)
Tổng cộng		1.749.082		1.765.005	0,91%
❖ Góp vốn, đầu tư dài hạn khác					
Quý Bảo Lãnh Tín dụng Yên Bái	8,39	1.800	7,23	1.800	-
Công ty Cổ phần Chuyển mạch Tài chính Quốc gia Việt Nam	8,00	25.000	8,00	25.000	-
Tổng cộng		26.800		26.800	-
❖ Dự phòng giảm giá góp vốn, đầu tư dài hạn					
Số đầu năm		567.345		490.632	(13,52%)
Hoàn nhập dự phòng trong năm		(76.713)		(15.923)	(79,24%)
Sử dụng dự phòng trong năm				8.206	-
Số cuối năm		490.632		466.503	(4,92%)

(Nguồn: Agribank)

6.1.6. Hoạt động hợp tác quốc tế, ngân hàng đại lý và các dự án quốc tế

6.1.6.1. Hoạt động hợp tác quốc tế và ngân hàng đại lý

Agribank luôn duy trì và phát triển mạng lưới ngân hàng đại lý đa dạng, an toàn; tích cực trao đổi, làm việc với các đối tác, thắt chặt quan hệ, tìm kiếm cơ hội và nâng cao hiệu quả trong các lĩnh vực hợp tác; đánh giá và so sánh trong việc lựa chọn tối ưu các định chế tài chính cung cấp



sản phẩm dịch vụ như Upas L/C, tài trợ thương mại...

Đến 31/12/2021, số lượng Ngân hàng đại lý của Agribank là 645 ngân hàng tại 79 quốc gia và vùng lãnh thổ. Agribank đang triển khai nhiều thỏa thuận, biên bản ghi nhớ về hợp tác toàn diện, tài trợ thương mại, sản phẩm dịch vụ, đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật và chia sẻ phí với các định chế tài chính trong nước và đối tác nước ngoài. Trong năm 2021, Agribank đã ký kết 7 thỏa thuận hợp tác với các định chế tài chính trong các lĩnh vực hợp tác chuyển tiền kiều hối, tài trợ thương mại và dịch vụ ngân hàng đại lý, cung cấp dịch vụ thu hộ chi hộ, hợp đồng khung về khoản vay thương mại.... Không dừng lại ở hợp tác song phương, Agribank còn là thành viên tích cực của các hiệp hội quốc tế như Hiệp hội Các tổ chức tín dụng nông nghiệp và Nông thôn Châu Á - Thái Bình Dương (APRACA), Hiệp hội Các tổ chức Tín dụng Nông nghiệp Quốc tế (CICA), Hiệp hội Ngân hàng Tiết kiệm và bán lẻ Thế giới (WSBI) và Hiệp Hội Ngân hàng Châu Á (ABA). Tuy bị ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, các hoạt động của các Hiệp hội vẫn diễn ra và được các thành viên, trong đó có Agribank, tích cực hưởng ứng. Agribank đã tạo ấn tượng khi trình bày tham luận về kinh nghiệm cho vay chuỗi giá trị nông nghiệp tại Hội thảo trực tuyến của APRACA về “Tài trợ chuỗi giá trị nông nghiệp: Chuyển đổi mô hình cung cấp dịch vụ tài chính”; Chia sẻ của Agribank trên website của APRACA về phòng, chống Covid-19 tại Việt Nam cũng được nhiều tổ chức thành viên quan tâm. Agribank được xếp hạng cao nhất trong các ngân hàng thương mại tại Việt Nam và tiếp tục nhận được nhiều giải thưởng quốc tế, góp phần nâng cao uy tín, thương hiệu của Agribank Tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody’s đánh giá Agribank đã có những tiến bộ đáng ghi nhận đối với hoạt động xử lý tài sản tồn đọng trong những năm gần đây, góp phần cải thiện ổn định chất lượng tài sản, hoạt động huy động vốn và thanh khoản ở mức tốt. Các kết quả xếp hạng tiền gửi và nhà phát hành của Agribank hiện ở mức Ba3, bằng với mức xếp hạng quốc gia của Việt Nam.

Cũng trong năm 2021, thương hiệu Agribank đã xuất sắc đứng thứ hạng 173 và cũng là xếp hạng cao nhất trong số 9 ngân hàng thương mại hàng đầu của Việt Nam trong bảng xếp hạng 500 Thương hiệu Ngân hàng giá trị lớn nhất toàn cầu (Brand Finance Banking 500) năm 2021 do công ty tư vấn đánh giá thương hiệu hàng đầu thế giới Brand Finance công bố. Để đạt được vị trí này, Agribank đã vượt qua nhiều thương hiệu khác và được lựa chọn và đánh giá, xếp hạng dựa trên các tiêu chí về thị phần, tốc độ tăng trưởng về quy mô tài sản, năng lực tài chính, hiệu quả hoạt động cũng như uy tín thương hiệu. Theo công bố mới nhất của Tạp chí quốc tế uy tín The Asian Banker, Agribank đạt được thứ hạng 138 trên tổng số 500 ngân hàng hàng đầu khu vực Châu Á Thái Bình Dương về quy mô tài sản. Thứ hạng của Agribank cũng là thứ hạng cao nhất trong số những ngân hàng Việt Nam được tạp chí The Asian Banker xếp hạng trong năm 2021. Ngoài ra, tạp chí The Asian Banker đã nâng xếp hạng về chất lượng hoạt động của Agribank lên 96 bậc so với công bố vào năm 2020 để ghi nhận những thành quả vượt bậc của Agribank trong năm vừa qua.

6.1.6.2. Dự án quốc tế

Agribank luôn là đối tác được tín nhiệm của các nhà tài trợ quốc tế trong việc triển khai các dự

Handwritten signatures and initials in blue ink.

100%
VGA
ÔNG
À PH
NÔNG
VIỆ
ĐỊN

án tín dụng, phục vụ các dự án ODA, đồng thời được Chính phủ và các Bộ, Ngành tin tưởng, giao thực hiện nhiều dự án lớn. Hiện Agribank đang triển khai 25 Dự án tín dụng quốc tế với tổng giá trị hơn 11.500 tỷ đồng. Tổng nguồn vốn Dự án đến 31/12/2021 đạt 5.667,3 tỷ đồng, tổng dư nợ cho vay từ nguồn vốn Dự án đạt 4.959,4 tỷ đồng. Trong năm 2021, Agribank thực hiện rút vốn các Dự án tín dụng quốc tế 1.073,6 tỷ đồng, đạt kế hoạch đặt ra, hỗ trợ các Chi nhánh sử dụng được nguồn vốn trung, dài hạn ổn định. Hiện nay, Agribank đang thực hiện vai trò ngân hàng phục vụ cho 36 Dự án với tổng giá trị 1.581,3 triệu USD. Lũy kế đến nay, Agribank đã được các nhà tài trợ, các Bộ, Ngành tin tưởng giao phục vụ 169 dự án với tổng số vốn tương đương 8,5 tỷ USD. Vốn từ các dự án giúp Agribank tăng thu phí dịch vụ, có thêm nguồn ngoại tệ ổn định với lãi suất hợp lý để đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền nông nghiệp nước nhà và nâng cao đời sống người dân.

6.2. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

6.2.1. Các chính sách quản lý rủi ro đang áp dụng

Những khó khăn trong năm 2021 ảnh hưởng sâu sắc đến lĩnh vực quản lý rủi ro. Trong tình hình đó, việc phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro vừa phải đảm bảo phản ánh đúng chất lượng tín dụng vừa phải góp phần hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước. Công tác thu hồi nợ sau xử lý cũng gặp thêm nhiều khó khăn do yêu cầu giãn cách xã hội. Tuy nhiên toàn hệ thống đã nỗ lực phấn đấu thực hiện tốt công tác quản lý rủi ro, đóng góp vào thành công chung của Agribank

Agribank đã ban hành, chỉnh sửa bổ sung kịp thời một số quy chế, quy trình nghiệp vụ đảm bảo tuân thủ hệ thống chính sách của Ngân hàng Nhà nước cũng như đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Để kiểm soát nợ xấu, Agribank đã quyết liệt triển khai nhiều giải pháp: (i) Xây dựng, triển khai phương án xử lý nợ xấu năm 2021 và giao kế hoạch xử lý nợ xấu đến từng chi nhánh; (ii) Định kỳ hàng tháng, gửi Trung tâm Thông tin Tín dụng Quốc gia Việt Nam danh sách khách hàng vay được Agribank cơ cấu giữ nguyên nhóm nợ do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 để loại trừ, không chuyển nhóm nợ cao hơn theo các tổ chức tín dụng khác; (iii) Thực hiện trích lập dự phòng rủi ro đảm bảo trích đúng, trích đủ theo kế hoạch của Ngân hàng Nhà nước và theo quy định; giao kế hoạch trích lập dự phòng rủi ro để các chi nhánh chủ động về tài chính, tăng cường trách nhiệm quản lý nợ, nâng cao chất lượng tín dụng; (iv) Giám sát chặt chẽ việc chấm điểm, xếp hạng khách hàng của các chi nhánh; rà soát tình hình phân loại nợ, diễn biến nhóm nợ của khách hàng (v) Thường xuyên giám sát các khoản nợ tiềm ẩn rủi ro, nợ có nguy cơ chuyển thành nợ xấu, thông báo danh sách để chi nhánh thực hiện biện pháp đôn đốc xử lý, thu hồi; (vi) Linh hoạt áp dụng các giải pháp xử lý theo Nghị quyết của Hội đồng thành viên về cơ cấu nợ, miễn giảm lãi, xử lý tài sản đảm bảo, bán nợ, khởi kiện...; (vii) Giám sát và chỉ đạo chi nhánh triển khai quyết liệt các giải pháp xử lý, thu hồi nợ theo phương án, lộ trình xử lý đối với từng khoản nợ; (viii) Giao kế hoạch thu hồi nợ sau xử lý; chỉ đạo chi nhánh thường xuyên phân tích, đánh giá thực trạng khách hàng, xây dựng phương án xử lý phù hợp, hiệu quả.

Song song với việc kiểm soát tốt rủi ro tín dụng, Agribank đã ban hành Quy định Khung quản lý rủi ro trong hệ thống Agribank đối với các rủi ro trọng yếu bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị



5617
N H
NG
AT T
G TH
T NA
7 - T

S.G
T.C

trường, rủi ro tập trung, rủi ro hoạt động, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường được Agribank quản lý cả trong điều kiện hoạt động kinh doanh bình thường và điều kiện biến động mạnh về lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá cổ phiếu, giá hàng hóa. Ngay khi có dấu hiệu vượt quá giới hạn rủi ro, các công cụ xử lý rủi ro thị trường sẽ được vận dụng. Cơ chế giám sát và xử lý kịp thời giúp Agribank hạn chế tối đa và khắc phục nhanh chóng các vi phạm phát sinh.

Đối với rủi ro hoạt động, Agribank xác định quản lý rủi ro hoạt động là trách nhiệm của mọi đơn vị, cá nhân trong hệ thống Agribank. Để phòng ngừa rủi ro hoạt động, Agribank kiện toàn và nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát và kiểm toán nội bộ.

Công tác quản lý rủi ro thanh khoản của Agribank đạt kết quả tốt khi nguồn vốn tăng trưởng ổn định, nguồn vốn huy động từ dân cư chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn. Agribank duy trì liên tục đầy đủ tài sản có tính thanh khoản cao để đáp ứng nhu cầu thanh khoản trong mọi điều kiện. Agribank thực hiện quản lý khả năng thanh khoản toàn hệ thống thông qua hệ thống các chỉ tiêu thanh khoản như: Tỷ lệ dự trữ thanh khoản; Tỷ lệ khả năng chi trả 30 ngày đối với VND, USD; Tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn; Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu CP, trái phiếu được CP bảo lãnh; Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi (LDR) đảm bảo luôn tuân thủ quy định của NHNN. Trong năm 2021, Agribank luôn tuân thủ đầy đủ quy định của NHNN về các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn thanh khoản.

Để hạn chế rủi ro tập trung, Agribank đã ban hành quy định về quản lý rủi ro tập trung tín dụng, xây dựng hạn mức rủi ro tập trung tín dụng theo khách hàng, theo sản phẩm, ngành/lĩnh vực kinh tế; các tiêu chí nhận diện người có liên quan, quản lý nhóm khách hàng có liên quan.

Quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng của Agribank bao gồm đo lường rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, đo lường tác động của thay đổi lãi suất, công cụ phòng ngừa rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng; thiết lập các giới hạn về lãi suất huy động, cho vay, điều chỉnh cân đối nguồn vốn và sử dụng vốn để giảm chênh lệch thời hạn giữa tài sản có và tài sản nợ của Agribank; thông qua dự báo diễn biến lãi suất trên thị trường để đưa ra các quyết định điều hành lãi suất hiệu quả.

6.2.2. *Đánh giá tình hình thực hiện, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế*

Ngay từ những tháng đầu năm 2020, khi đại dịch Covid-19 bắt đầu bùng phát tại Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước đã chỉ đạo các TCTD tăng trưởng tín dụng có hiệu quả, tập trung vào các lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực ưu tiên; kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong tiếp cận tín dụng ngân hàng, tạo điều kiện thuận lợi trong vay vốn tín dụng ngân hàng cho doanh nghiệp và người dân. Đặc biệt, để tiếp tục hỗ trợ khách hàng khắc phục khó khăn do ảnh hưởng của dịch, NHNN đã ban hành Thông tư 03/2021/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung Thông tư 01/2020/TT-NHNN quy định về tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19. Theo đó, những quy định



4-C
NG
HIỆP
RIỂN
ÔN
M
HÀ

tại Thông tư 03 đã hỗ trợ được nhiều khách hàng (doanh nghiệp) hơn trong việc cơ cấu lại dòng tiền, phục hồi sản xuất - kinh doanh cũng như giảm áp lực trích lập của các NHTM, từ đó NHTM có điều kiện đồng hành cùng doanh nghiệp khắc phục các khó khăn do tác động của dịch Covid-19, theo đó, các TCTD sẽ đưa ra phương án hỗ trợ khách hàng cụ thể, kịp thời hơn.

Là Ngân hàng Thương mại Nhà nước hàng đầu Việt Nam, Agribank luôn phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu trong việc thực thi nghiêm túc, hiệu quả chính sách tiền tệ quốc gia và các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về tiền tệ, ngân hàng, nhất là chính sách tín dụng, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay. Theo đó, năm 2020, Agribank đã cắt giảm tối đa các loại chi phí, điều chỉnh giảm tiền lương và cắt giảm lợi nhuận 3-4 nghìn tỷ đồng để tập trung nguồn lực tài chính chia sẻ khó khăn, hỗ trợ người dân, khách hàng hộ sản xuất và doanh nghiệp. Chỉ tính riêng trong năm 2020, Agribank đã tiên phong 7 lần giảm lãi suất cho vay trong đó có 4 lần giảm lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên; 9 lần giảm phí dịch vụ; đồng thời triển khai các chương trình tín dụng với lãi suất cho vay thấp hơn từ 0,5%- 2,5% so với trước khi có dịch bệnh Covid-19 để đáp ứng nhu cầu của từng nhóm đối tượng khách hàng. Tính từ đầu năm 2020 đến nay, thực hiện cơ cấu lại, miễn giảm lãi, phí cho 12.500 khách hàng với dư nợ 30.109 tỷ đồng, cho vay mới hơn 203.000 tỷ đồng cho trên 50.000 khách hàng.

Đối với đối tượng là khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, khách hàng lớn, khách hàng cá nhân và doanh nghiệp FDI, Agribank đã dành 300.000 tỷ đồng để triển khai nhiều chương trình tín dụng ưu đãi, lãi suất thấp hơn từ 2% - 2,5% so với lãi suất cho vay thông thường, cụ thể như: Tăng gấp đôi hạn mức chương trình hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 với quy mô 100.000 tỷ đồng, mức lãi suất, phí hỗ trợ tối đa 2,5%/năm; Cho vay ưu đãi đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa quy mô 30.000 tỷ đồng, hỗ trợ mức phí tối đa 2%; Cho vay ưu đãi đối với khách hàng xuất nhập khẩu quy mô 15.000 tỷ đồng và 300 triệu USD; Cho vay khách hàng lớn quy mô 15.000 tỷ đồng; Cho vay tiêu dùng lãi suất ưu đãi đối với khách hàng cá nhân khu vực đô thị quy mô 20.000 tỷ đồng, hỗ trợ lãi suất cho vay 2% - 2,5%/năm. Bằng việc đồng loạt tung ra các chương trình tín dụng ưu đãi dành cho khách hàng, doanh nghiệp, Agribank thể hiện quyết tâm luôn sẵn sàng, chủ động nguồn vốn để nhiều đối tượng khách hàng, doanh nghiệp... vẫn được tiếp cận và vay vốn từ Agribank nhanh chóng, kịp thời để phục hồi và sản xuất, kinh doanh hiệu quả.

Bên cạnh đó, kể từ tháng 5/2021, Agribank đã triển khai chính sách miễn giảm phí chuyển tiền thanh toán trong nước đối với tất cả khách hàng có tài khoản thanh toán tại Agribank, nhằm thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong bối cảnh dịch bệnh Covid phức tạp như hiện nay và hỗ trợ khách hàng vượt qua khó khăn trong đại dịch. Agribank hiện nay là một Ngân hàng thương mại đảm trách khoảng 1/3 lượng tiền mặt trong lưu thông của cả nước, do vậy chi phí để vận hành tiền mặt cũng như số lượng lao động để phục vụ các giao dịch về lưu thông tiền mặt chiếm một chi phí tương đối lớn với Agribank. Vì vậy, việc phát triển thanh toán không dùng tiền mặt vừa để hỗ trợ khách hàng vừa để thực hiện các chủ trương, định hướng của Chính phủ, của Ngân hàng Nhà nước, nhưng mặt quan trọng nữa, đó cũng là một chủ trương chiến

tan *Wm* *thk* *tuyn*

lược của Agribank nhằm tiết giảm chi phí.

Mới đây, Agribank tiếp tục giảm lãi suất cho vay đối với khách hàng cá nhân và tổ chức vay vốn bằng VNĐ tại Agribank, cụ thể, đối với khoản vay tại thời điểm 15/07/2021, Agribank giảm tiếp 10% so với lãi suất cho vay đang áp dụng đối với dư nợ cho vay ngắn hạn có lãi suất từ 5%/năm trở lên và dư nợ cho vay trung, dài hạn có lãi suất từ 7%/năm trở lên (Không áp dụng đối với các khoản cho vay đã được ưu đãi lãi suất, miễn giảm lãi). Ước tính, với việc tiếp tục giảm lãi suất lần này, Agribank dành khoảng 5.500 tỷ đồng để hỗ trợ khách hàng.

6.3. Thị trường hoạt động

6.3.1. Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện

Ngân hàng có Trụ sở chính đặt tại Số 2 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tổng số điểm mạng lưới của Ngân hàng tại 31 tháng 12 năm 2021 là ba (03) văn phòng đại diện, ba (03) đơn vị sự nghiệp, một trăm bảy mươi một (171) chi nhánh loại I, bảy trăm sáu mươi tám (768) chi nhánh loại II, một (01) chi nhánh tại Campuchia và một nghìn hai trăm tám mươi sáu (1.286) phòng giao dịch.

6.3.2. Mạng lưới khách hàng và các dịch vụ cho khách hàng

6.3.2.1. Mạng lưới khách hàng

- Khách hàng doanh nghiệp lớn: gồm 33.080 khách hàng, chiếm 5,2% tổng số khách hàng doanh nghiệp. Phân theo các khu vực hoạt động: Khu vực miền núi cao, biên giới là 2.912 khách hàng (chiếm 8,8%); Khu vực Trung Du Bắc Bộ là 3.588 khách hàng (chiếm 10,8%); Khu vực thành phố Hà Nội là 4.195 khách hàng (chiếm 12,7%); Khu vực Đồng Bằng Sông Hồng là: 4.392 khách hàng (chiếm 13,3%); Khu 4 cũ là 4.175 khách hàng (chiếm 12,6%); Khu vực Duyên Hải Miền Trung là 2.819 khách hàng (chiếm 8,5%); Khu vực Tây Nguyên là 1.680 khách hàng (chiếm 5,1%); Khu vực thành phố Hồ Chí Minh là 4.857 khách hàng (chiếm 14,7%); Khu vực Đông Nam Bộ là 1.632 khách hàng (chiếm 4,9%); Khu vực Tây Nam Bộ là 2.808 khách hàng (chiếm 8,5%); Khu vực nước ngoài là 25 khách hàng.
- Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ: gồm 597.929 khách hàng, chiếm 94,6% tổng số khách hàng doanh nghiệp. Phân theo các khu vực hoạt động: Khu vực miền núi cao biên giới là 39.417 khách hàng (chiếm 6,6%); Khu vực Trung Du Bắc Bộ là 45.084 khách hàng (chiếm 7,5%); Khu vực thành phố Hà Nội là 102.714 khách hàng (chiếm 17,2%); Khu vực Đồng Bằng Sông Hồng là: 66.166 khách hàng (chiếm 11,1%); Khu 4 cũ là 69.072 khách hàng (chiếm 11,6%); Khu vực Duyên Hải Miền Trung là 64.364 khách hàng (chiếm 10,8%); Khu vực Tây Nguyên là 34.861 khách hàng (chiếm 5,8%); Khu vực thành phố Hồ Chí Minh là 72.716 khách hàng (chiếm 12,2%); Khu vực Đông Nam Bộ là 38.726 khách hàng (chiếm 6,5%); Khu vực Tây Nam Bộ là 64.670 khách hàng (chiếm 11%); Khu vực nước ngoài là 139 khách hàng.
- Khách hàng doanh nghiệp FDI: gồm 1.128 khách hàng, chiếm 0,2% tổng số khách hàng doanh nghiệp. Phân theo các khu vực hoạt động: Khu vực miền núi cao biên giới là 7 khách

- hàng (chiếm 0,6%); Khu vực Trung Du Bắc Bộ là 69 khách hàng (chiếm 6,1%); Khu vực thành phố Hà Nội là 93 khách hàng (chiếm 8,3%); Khu vực Đồng Bằng Sông Hồng là: 116 khách hàng (chiếm 10,3%); Khu 4 cũ là 44 khách hàng (chiếm 3,9%); Khu vực Duyên Hải Miền Trung là 65 khách hàng (chiếm 5,8%); Khu vực Tây Nguyên là 20 khách hàng (chiếm 1,8%); Khu vực thành phố Hồ Chí Minh là 139 khách hàng (chiếm 12,3%); Khu vực Đông Nam Bộ là 527 khách hàng (chiếm 46,7%); Khu vực Tây Nam Bộ là 48 khách hàng (chiếm 4,3%).
- Agribank thiết lập quan hệ đại lý với 647 ngân hàng tại 79 quốc gia và vùng lãnh thổ trong đó có 578 ngân hàng nước ngoài (bao gồm 327 ngân hàng bản địa và 251 chi nhánh ngân hàng nước ngoài) và 69 ngân hàng trong nước (bao gồm 02 ngân hàng chính sách, 35 NHTM, 9 ngân hàng 100% vốn nước ngoài, 02 ngân hàng liên doanh và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam)
 - Khách hàng là định chế tài chính (ĐCTC) của Agribank bao gồm
 - + 04 khách hàng ĐCTC là tổ chức đa phương, gồm Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Ngân hàng Đầu tư Châu Âu (EIB), Ngân hàng Thế giới (WB) và IFAD (Quỹ phát triển nông nghiệp Quốc tế).
 - + Quan hệ tài khoản Nostro với 36 ĐCTC trong đó có 02 ĐCTC trong nước và 34 ĐCTC nước ngoài.
 - + Quan hệ tài khoản Vostro với 16 ĐCTC trong đó có 04 ĐCTC trong nước và 12 ĐCTC nước ngoài.
 - Khách hàng cá nhân (KHCHN): quy mô khách hàng cá nhân đạt trên 19 triệu khách hàng, tăng 5,3% so với đầu năm 2021; tốc độ tăng trưởng quy mô KHCHN bình quân hàng năm đạt trên 11%/năm. Số lượng khách hàng cá nhân tập trung chủ yếu tại khu vực nông nghiệp nông thôn (chiếm tỷ trọng khoảng 80%). Một số khu vực có khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng lớn như: Khu vực đồng bằng sông Hồng (14,5%), khu vực khu 4 cũ (13,4%), khu vực Tây nam bộ (13,9%).

6.3.2.2. Sản phẩm và dịch vụ cho Khách hàng

Sản phẩm dịch vụ cho Khách hàng cá nhân

- Tiền gửi thanh toán và các dịch vụ tiện ích
- Tiết kiệm có kỳ hạn
- Tiết kiệm không kỳ hạn
- Tiền gửi có kỳ hạn
- Giấy tờ có giá gồm
- Tín dụng khách hàng cá nhân
- Thẻ

- Dịch vụ ngân hàng điện tử
- Dịch vụ thanh toán
- Dịch vụ chuyển tiền ngoại tệ cá nhân và Kiều hối
- Dịch vụ liên kết khác

Sản phẩm dịch vụ cho Khách hàng tổ chức

- Nhóm sản phẩm huy động vốn
- Tín dụng khách hàng pháp nhân
- Dịch vụ thanh toán trong nước
- Thanh toán và chuyển tiền quốc tế
- Mua bán ngoại tệ
- Thẻ
- Dịch vụ ngân hàng điện tử
- Dịch vụ ngân quỹ và quản lý tiền tệ
- Dịch vụ liên kết khác

(Chi tiết sản phẩm và dịch vụ của Agribank được trình bày tại Mục 6.1.1 Phần IV)

6.3.3. Thị phần và khả năng cạnh tranh

Chỉ tiêu	Tổng tài sản (31/12/2020)	Dư nợ cho vay (31/12/2021)	Tiền gửi của khách hàng (31/12/2021)
Agribank	1.568.127	1.281.865	1.542.504
Toàn hệ thống NHTM	14.019.553	10.703.779	10.945.849
Thị phần của Agribank	11,2%	11,98%	14,09%

(Nguồn: NHNN & BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2020 của Agribank)

Agribank hiện nay là NHTM có thị phần lớn nhất nếu xét trên chỉ tiêu tổng tài sản (chiếm khoảng 11,2%) và Tiền gửi của khách hàng (chiếm khoảng 14%) và có thị phần lớn thứ 2 nếu xét trên chỉ tiêu dư nợ cho vay (chiếm khoảng 11,98%).

6.4. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

Để thực hiện các mục tiêu chiến lược đề ra, Agribank đã và đang triển khai nhiều dự án nhằm phát triển hoạt động kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động phù hợp với các quy định hiện hành của NHNN và xu thế của các NHTM trong nước và trên thế giới, cụ thể Agribank đang thực hiện Phương án triển khai tuân thủ yêu cầu về vốn theo quy định tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN và các dự án liên quan đến quản trị kinh doanh, công nghệ thông tin, quản trị rủi ro...

Một số dự án/chương trình lớn tiêu biểu đang được Agribank nghiên cứu triển khai bao gồm:

74-C
 NG
 HIỆP
 RIỂN
 ION
 .M
 P. HA

S.
 Y
 N
 OÁ
 VK
 H

Lĩnh vực	Dự án/Chương trình	Đánh giá ảnh hưởng của các dự án tới hoạt động kinh doanh của Agribank
	Kho dữ liệu doanh nghiệp và công cụ phân tích thông minh (Enterprise Data Warehouse and Business Intelligent)	<p>Hệ thống Kho dữ liệu doanh nghiệp và công cụ phân tích thông minh (EDW&BI) phục vụ phân tích khách hàng, sản phẩm và lợi nhuận.</p> <p>Đáp ứng các yêu cầu luật định, quản trị rủi ro, quản trị kinh doanh và các yêu cầu phát triển kinh doanh.</p> <p>Cung cấp các báo cáo phân tích nâng cao cho lãnh đạo.</p>
	Triển khai Thông thư 14	Dự án hỗ trợ Agribank chủ động quản lý rủi ro, đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn và đảm bảo tuân thủ các yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước
	E-Banking	Triển khai dự án E-Banking đáp ứng yêu cầu phát triển các kênh phân phối mới, đặc biệt là các kênh qua Internet/Mobile và hướng tới kết nối thương mại điện tử. Đáp ứng mục tiêu về kinh doanh dịch vụ, đa dạng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, tiên tiến; phát triển mở rộng các kênh phân phối sản phẩm dịch vụ tới khách hàng, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.
	Quản lý sự kiện và bảo mật thông tin.	Áp dụng đồng bộ kiến trúc an ninh tổng thể, quản lý an toàn thông tin và các sự kiện trong tất cả các hệ thống công nghệ thông tin của ngân hàng nhằm lấp đầy các lỗ hổng bảo mật, quản lý liên mạch của tất cả hoạt động bảo mật trên tất cả các thiết bị, máy chủ, mạng và các cấu phần công nghệ khác. Đáp ứng nhiệm vụ xây dựng quy trình quản lý thông tin hiệu quả, tuân thủ quy định của NHNN và chính sách của Agribank nhằm giảm thiểu rủi ro, đảm bảo an toàn hoạt động.
	Tăng cường cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin	Tăng cường cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, mạng truyền thông, hoàn thiện hệ thống trung tâm dữ liệu, trung tâm dự phòng thảm họa để đáp ứng yêu cầu xử lý, tăng trưởng giao dịch, đáp ứng yêu cầu trung tâm dữ liệu theo tiêu chuẩn của NHNN và thông lệ thực hành quốc tế, đảm bảo an toàn của hệ thống trong giai đoạn tới. Đáp ứng mục tiêu về đầu tư, hiện đại hóa công nghệ, nhiệm vụ về xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng tài chính hiện đại nhằm hỗ trợ cho các hoạt động kinh doanh và quản lý.
	Cơ cấu tổ chức công nghệ thông tin hướng dịch vụ	Giúp cải thiện năng lực quản trị công nghệ thông tin, áp dụng đồng bộ một khung quản trị, giám sát và quản trị tập trung. Hỗ trợ thực hiện các mục tiêu về hoàn thiện, chuẩn hóa mô hình quản trị điều hành, xây dựng quy trình quản lý thông tin hiệu quả, tuân thủ quy định của NHNN và chính sách của Agribank nhằm giảm thiểu rủi ro.
Quản trị kinh	Quản lý tài sản Nợ - Có	Hỗ trợ việc mua, bán vốn giữa Trụ sở chính

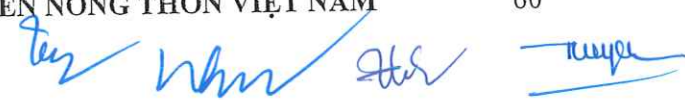
Lĩnh vực	Dự án/Chương trình	Đánh giá ảnh hưởng của các dự án tới hoạt động kinh doanh của Agribank
doanh	với chức năng Điều chuyển vốn nội bộ (Asset and Liability Management System and Fund Transfer)	Agribank và các chi nhánh, quản lý việc điều chỉnh vốn nội bộ hoặc quản lý tài sản Nợ/Có.
Quản lý rủi ro	Triển khai giải pháp quản lý rủi ro toàn doanh nghiệp.	Hiện đại hóa công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu cho việc triển khai quản lý rủi ro theo quy định của NHNN, của Agribank và thông lệ quốc tế.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Agribank trong 02 năm gần nhất và quý gần nhất
7.1.1. Kết quả hoạt động kinh doanh
Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/giảm
Tổng tài sản	1.568.127	1.695.933	8,15%
Vốn chủ sở hữu	73.084	76.087	4,11%
Thu nhập lãi thuần	43.661	47.041	7,74%
Tổng thu nhập hoạt động	58.052	62.106	6,98%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	31.935	37.305	16,82%
Lợi nhuận trước thuế	13.203	15.258	15,56%
Lợi nhuận sau thuế	10.517	12.261	16,59%
<i>Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ</i>			
Lợi ích của cổ đông thiểu số	162	229	41,34%
Lợi nhuận thuần trong năm	10.355	12.032	16,20%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2021)
Kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ
Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/giảm
Tổng tài sản	1.566.967	1.694.232	8,12%
Vốn chủ sở hữu	71.417	73.843	3,40%
Thu nhập lãi thuần	43.348	46.713	7,76%



Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/giảm
Tổng thu nhập hoạt động	56.972	60.742	6,62%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	31.709	36.562	15,31%
Lợi nhuận trước thuế	12.966	14.502	11,85%
Lợi nhuận sau thuế	10.383	11.611	11,83%

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2021)

Theo BCTC hợp nhất, tổng tài sản năm 2021 tăng trưởng khoảng 8,15% so với năm 2020, đạt 1.695.933 tỷ đồng. Mặc dù chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid -19, lợi nhuận sau thuế năm 2021 của Agribank tiếp tục tăng đạt 12.261 tỷ đồng, tăng 1.744 tỷ đồng tương đương 16,59% so với năm 2020.

7.1.2. Các chỉ tiêu khác

a) Cơ cấu Thu nhập lãi và các khoản tương tự Thu nhập lãi và các khoản tương tự hợp nhất

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		% tăng (giảm) 2021/2020
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Thu nhập lãi tiền gửi	1.821	1,62%	2.019	1,84%	10,84%
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	103.456	92,14%	103.587	94,37%	0,13%
Thu nhập lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	6.674	5,94%	3.837	3,50%	(42,51%)
Thu nhập lãi cho thuê tài chính	7	0,01%	1	0,001%	(86,60%)
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	326	0,29%	319	0,29%	(2,24%)
Thu khác từ hoạt động tín dụng	1	0,001%	2	0,002%	140,67%
Tổng thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	112.286	100%	109.765	100%	(2,24%)

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2021)

Thu nhập lãi và các khoản tương tự riêng lẻ

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		% tăng (giảm) 2021/2020
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Thu nhập lãi tiền gửi	1.789	1,60%	1.947	1,78%	8,83%
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	103.377	92,19%	103.468	94,43%	0,09%

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		% tăng (giảm) 2021/2020
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Thu nhập lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	6.636	5,92%	3.837	3,50%	(42,18%)
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	326	0,29%	319	0,29%	(2,15%)
Thu khác từ hoạt động tín dụng	1	0,001%	2	0,002%	100%
Tổng thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	112.129	100%	109.573	100%	(2,28%)

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2021)

b) Cơ cấu Tổng thu nhập hoạt động Tổng thu nhập hoạt động hợp nhất

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		% tăng (giảm) 2021/2020
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Thu nhập lãi thuần	43.661	75,21%	47.041	75,74%	7,74%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	5.177	8,92%	5.105	8,22%	(1,40%)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	940	1,62%	1.515	2,44%	61,21%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(10)	(0,02%)	(124)	(0,20%)	-
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	141	0,24%	310	0,50%	119,31%
Lãi thuần từ hoạt động khác	8.107	13,97%	8.258	13,30%	1,86%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	36	0,06%	0,78	0,001%	(97,83%)
Tổng cộng	58.052	100%	62.106	100%	6,98%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2021)

Tổng thu nhập hoạt động riêng lẻ

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		% tăng (giảm) 2021/2020
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Thu nhập lãi thuần	43.348	76,09%	46.713	76,90%	7,76%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	4.387	7,70%	4.312	7,10%	-1,71%

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		% tăng (giảm) 2021/2020
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	940	1,65%	1.515	2,49%	61,22%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	114	0,200%	63	0,10%	-44,76%
Lãi thuần từ hoạt động khác	8.108	14,23%	8.091	13,32%	-0,20%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	75	0,13%	48	0,08%	-36,40%
Tổng cộng	56.972	100%	60.742	100%	6,62%

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2021)

**c) Cơ cấu Chi phí hoạt động
Chi phí hoạt động hợp nhất**

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		% tăng (giảm) 2021/2020
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Chi phí nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	183	0,70%	187	0,75%	2,24%
Chi phí cho nhân viên	14.036	53,74%	14.111	56,90%	0,53%
Chi về tài sản	3.605	13,80%	3.555	14,33%	(1,39%)
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	4.757	18,21%	4.233	17,07%	(11,01%)
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	1.641	6,28%	1.753	7,07%	6,81%
Trích lập dự phòng (không bao gồm chi phí dự phòng rủi ro tín dụng nội và ngoại bảng, chi phí dự phòng rủi ro chứng khoán)	1.103	4,22%	16	0,06%	(98,55%)
Chi phí hoạt động khác	792	3,03%	946	3,81%	19,40%
Tổng cộng	26.117	100%	24.801	100%	(5,04%)

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2021)

Chi phí hoạt động riêng lẻ

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		% tăng (giảm) 2021/2020
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Chi phí nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	147	0,58%	169	0,70%	14,97%

Handwritten signatures and stamps:

Chi tiêu	Năm 2020		Năm 2021		% tăng (giảm) 2021/2020
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Chi phí cho nhân viên	13.611	53,88%	13.762	56,91%	1,11%
Chi về tài sản	3.577	14,16%	3.603	14,90%	0,73%
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	4.516	17,88%	3.924	16,23%	(13,11%)
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	1.641	6,50%	1.814	7,50%	10,54%
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá khoản góp vốn, đầu tư mua cổ phần	(77)	(0,30%)	(16)	(0,07%)	(79,22%)
Chi phí dự phòng (không bao gồm chi phí dự phòng rủi ro tín dụng nội và ngoại bảng; chi phí dự phòng rủi ro chứng khoán)	965	3,82%	28	0,12%	(97,10%)
Chi phí hoạt động khác	883	3,50%	896	3,71%	1,47%
Tổng cộng	25.262	100%	24.180	100%	(4,29%)

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2021)

d) Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu

Báo cáo thay đổi Vốn chủ sở hữu hợp nhất

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chi tiêu	Năm 2020		Năm 2021		% tăng (giảm) 2021/2020
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Vốn của TCTD	31.153	42,63%	34.771	45,70%	11,61%
- Vốn điều lệ	30.710	42,02%	34.328	45,12%	11,78%
- Vốn khác	443	0,61%	442	0,58%	(0,06%)
Quỹ của TCTD	22.524	30,82%	31.087	40,86%	38,02%
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	223	0,31%	223	0,29%	0,00%
Lợi nhuận chưa phân phối	18.210	24,92%	8.839	11,62%	(51,46%)
Lợi ích của cổ đông thiểu số	975	1,33%	1.167	1,53%	19,66%
Tổng cộng	73.084	100%	76.087	100%	4,11%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2021)

Báo cáo thay đổi Vốn chủ sở hữu riêng lẻ

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 201		% tăng (giảm) 2021/2020
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Vốn của TCTD	30.915	43,29%	34.534	46,77%	11,70%
- Vốn điều lệ	30.710	43,00%	34.328	46,49%	11,78%
- Vốn khác	205	0,29%	205	0,28%	0,00%
Quỹ của TCTD	22.160	31,03%	30.659	41,52%	38,36%
Lợi nhuận lũy kế	18.342	25,68%	8.650	11,71%	(52,84%)
Tổng cộng	71.417	100%	73.843	100%	3,40%

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2021)

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

Năm 2021, kinh tế Việt Nam được dự báo vẫn tiềm ẩn nhiều thách thức, rủi ro ảnh hưởng của đại dịch bệnh Covid-19 cũng như căng thẳng thương mại, chính trị giữa các nền kinh tế lớn trên thế giới có thể gây tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng nói chung và Agribank nói riêng.

Từ đầu năm 2021 đến nay, dịch bệnh Covid-19 đã bùng phát trở lại lần thứ 4, lan rộng trên khắp các tỉnh thành của cả nước. Khác với đợt bùng phát trước, lần này các biến chủng virus khác nhau, có tốc độ lây lan nhanh và khó kiểm soát hơn, với tâm dịch là các tỉnh, thành phố lớn như Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh và các vùng kinh tế và khu công nghiệp trọng điểm. Điều này đã và đang gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhiều hoạt động kinh tế - xã hội của Việt Nam, ngành ngân hàng nói chung, cũng như hoạt động kinh doanh của Agribank nói riêng. Các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực và ngành nghề chịu tác động lớn bởi dịch bệnh liên tục gặp khó khăn, bị gián đoạn và đứt chuỗi cung ứng khiến cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đình trệ và khó có thể bảo đảm khả năng thanh toán và trả nợ đầy đủ và đúng hạn các khoản vay cho Ngân hàng. Điều này có thể làm phát sinh, tiềm ẩn nhiều rủi ro và gia tăng nợ xấu cho Ngân hàng.

Trong năm 2021, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02/04/2021 và Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07/09/2021 v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/03/2020 của Ngân hàng Nhà nước quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

Theo đó, Agribank đã và đang tích cực đồng hành và hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh Covid-19 theo chỉ đạo tại Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 29/06/2021 của Chính phủ, Công văn số 248/NHNN-PLVN ngày 16/07/2021 và Công văn số 5902/NHNN-TD

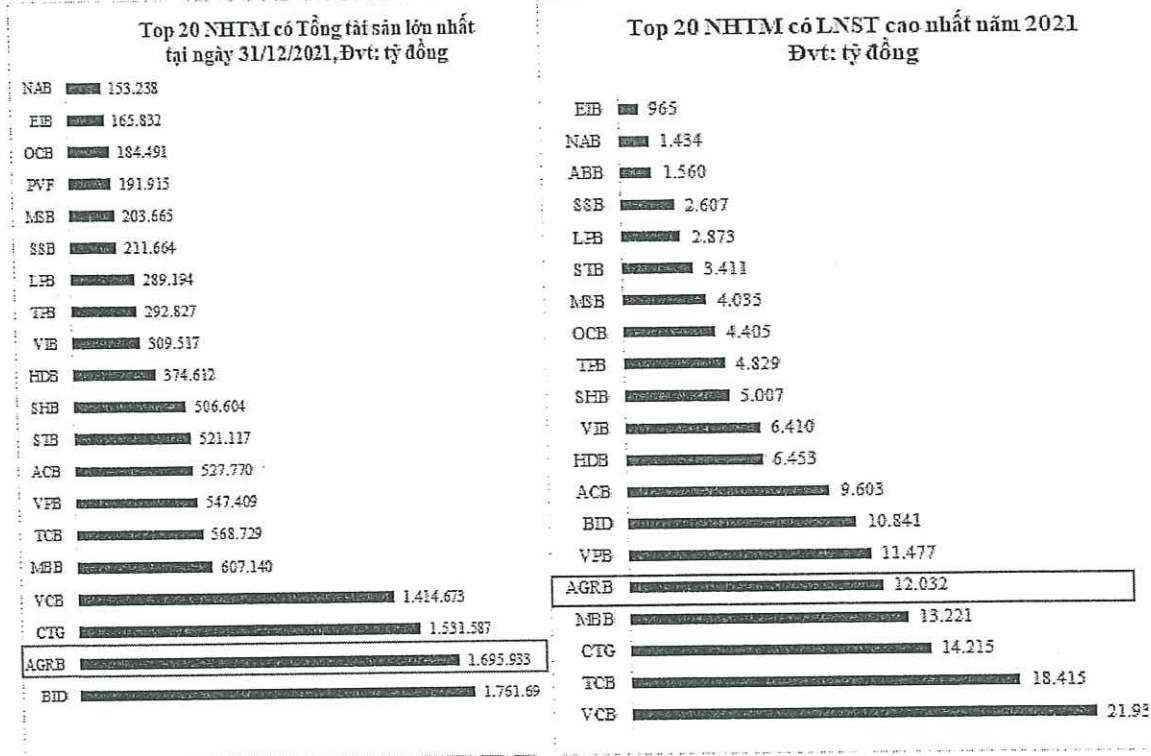
của Ngân hàng Nhà nước ngày 16/08/2021; kịp thời có các biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ phù hợp, thiết thực như ưu đãi lãi suất, cơ cấu thời gian trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ... giúp khách hàng, doanh nghiệp ổn định hoạt động, sớm vượt qua khó khăn. Tuy nhiên, để thực hiện điều này, Agribank sẽ phải triển khai các biện pháp, chính sách giảm lãi suất cho khách hàng; gia hạn và kéo dài thời gian thu hồi, xử lý nợ; chủ động trích lập dự phòng bổ sung các khoản vay. Các chính sách hỗ trợ giảm lãi, phí của Agribank tiếp tục được áp dụng trong Quý 4/2021, theo đó tác động của các chính sách hỗ trợ Covid-19 đến lợi nhuận cả năm 2021 sẽ ở mức cao hơn nhiều so với dự kiến ban đầu và so với năm 2020. Điều này đồng nghĩa với việc thu nhập và lợi nhuận của Ngân hàng có thể bị ảnh hưởng và thu hẹp đáng kể.

8. Vị thế của Tổ chức niêm yết so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

❖ Vị thế Tổ chức niêm yết trong ngành

Xét về quy mô, Agribank là ngân hàng có tổng tài sản đứng thứ 2 trong số các NHTM tại Việt Nam. Tính đến 31/12/2021, tổng tài sản hợp nhất của Agribank đạt 1.695.933 tỷ đồng.

Xét về kết quả kinh doanh, với lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 12.032 tỷ đồng, Agribank đứng vị trí thứ 5 trong ngành ngân hàng.



(Nguồn: FiinPro)

❖ Triển vọng phát triển của ngành

Tính đến thời điểm 31/12/2021, tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 13,53%. Bất chấp tác động của đại dịch, lợi nhuận của ngành ngân hàng vẫn tăng trưởng cao, có hơn chục ngân hàng ghi nhận lợi nhuận nghìn tỷ, chất lượng tài sản, tỷ lệ nợ xấu vẫn được kiểm soát tốt.

Handwritten signatures and marks at the bottom of the page.

Những số liệu này cũng cho thấy, gần như ngành ngân hàng đã bước vào nền tăng trưởng mới với các yếu tố hỗ trợ như là lãi suất huy động ở mức thấp, trong khi lãi suất cho vay giảm chưa tương ứng, thêm vào đó nhiều ngân hàng còn huy động được lượng lớn trái phiếu kỳ hạn dài với lãi suất thấp, giúp cho biên lãi ròng của ngân hàng được cải thiện.

Bên cạnh đó, xu hướng tài chính phi tín dụng tiếp tục gia tăng là một điểm nhấn nổi bật của lĩnh vực này trong bức tranh năm 2022. Trong bối cảnh dịch bệnh, năm 2022, nhóm ngân hàng tiếp tục tăng mạnh quy mô và tỷ trọng thu nhập phí dịch vụ, thu nhập ngoài lãi như bảo lãnh khách hàng, bảo lãnh thư tín dụng (LC), thanh toán không dùng tiền mặt, liên kết với công ty bảo hiểm để bán chéo sản phẩm (Bancassurance), chứng khoán v.v. Điều này giúp các ngân hàng thương mại (NHTM) phát triển toàn diện hơn, không còn lệ thuộc vào chỉ tiêu tín dụng, đồng thời giảm thiểu rủi ro và cải thiện cơ cấu nguồn thu theo hướng bền vững.

❖ So sánh một số chỉ tiêu tài chính của Agribank với các ngân hàng trong cùng ngành (thời điểm 31/12/2021)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

	Agribank	BIDV	VietinBank	MBBank	Techcombank	Vietcombank
Vốn điều lệ	34.328	50.585	48.058	37.783	35.109	37.089
Vốn chủ sở hữu	76.087	86.329	93.650	62.486	93.041	109.117
Tổng tài sản	1.695.933	1.761.696	1.531.587	607.140	568.729	1.414.673
Tiền gửi của khách hàng	1.542.504	1.380.398	1.161.848	384.692	314.753	1.135.324
Cho vay khách hàng	1.281.865	1.325.529	1.104.873	354.797	343.606	934.774
Thu nhập lãi thuần	47.041	46.823	41.788	26.200	26.699	42.400
Tổng thu nhập hoạt động	62.106	62.494	53.157	36.934	37.076	56.724
Lợi nhuận sau thuế	12.261	10.841	14.215	13.221	18.415	21.939

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2021 của các NHTM)

❖ Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Agribank với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Nền kinh tế toàn cầu được dự báo giảm trong năm 2022, cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine đã tạo ra một cuộc khủng hoảng nhân đạo lớn ảnh hưởng đến hàng triệu người và một cú sốc kinh tế nghiêm trọng về thời gian và mức độ bất ổn. Mức độ tác động kinh tế do cuộc xung đột gây ra rất khó định lượng, phụ thuộc một phần vào thời gian xảy ra cuộc chiến và các phản ứng chính sách, nhưng chắc chắn xung đột sẽ tạo ra một lực cản lớn đối với tăng trưởng toàn cầu trong ngắn hạn và tạo áp lực lạm phát hơn. Bên cạnh đó, biến chủng Omicron cũng là một trở ngại đối với nền kinh tế toàn cầu trong năm 2022, kiến đốc tộ tăng trưởng chậm lại làm thụt lùi quá trình phục hồi kinh tế.

Mục tiêu và nhiệm vụ tổng quát của ngành ngân hàng trong năm 2022 là kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế, điều hành chính sách tiền tệ chủ



động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác, nâng cao khả năng thích ứng với diễn biến kinh tế, tiền tệ trong nước và quốc tế; Quán triệt phương châm mở rộng tín dụng đi đôi với bảo đảm an toàn hiệu quả, tập trung vốn cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh và kiểm soát tín dụng vào lĩnh vực rủi ro; Triển khai có hiệu quả tái cơ cấu gắn với xử lý nợ xấu của các Tổ chức tín dụng, xử lý có hiệu quả ngân hàng yếu kém; Thúc đẩy chuyển đổi số ngày càng đa dạng và nâng cao khả năng tiếp cận các tiện ích thương mại cho doanh nghiệp và người dân góp phần thực hiện hóa chủ trương phát triển kinh tế số, xã hội số. Các tổ chức tín dụng rà soát cắt giảm chi phí hoạt động để dành nguồn lực trích lập dự phòng rủi ro và tiếp tục giảm thêm lãi suất cho vay, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19.

Thực hiện tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, NHNN, Agribank đã nhanh chóng vào cuộc thực hiện hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 bao gồm cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi, phí, cho vay mới... Đồng thời, Agribank cũng tích cực tung ra nhiều sản phẩm tín dụng tiêu dùng đa dạng với ưu đãi hấp dẫn, thủ tục cho vay đơn giản, linh hoạt để phần nào kích thích tăng trưởng kinh tế và góp phần đẩy lùi “tín dụng đen” vẫn đang tiềm tàng trong mùa dịch. Từ ngày 17/05/2021, Agribank miễn phí chuyển tiền trong nước đối với khách hàng cá nhân và tổ chức có tài khoản thanh toán tại Agribank, cụ thể: Miễn phí chuyển tiền trong hệ thống Agribank trên tất cả các kênh thanh toán: tại quầy, ATM, Agribank E-Mobile Banking, SMS Banking, Bankplus, Internet Banking; Miễn phí chuyển tiền ra ngoài hệ thống Agribank trên các kênh ngân hàng điện tử: ATM, Agribank E-Mobile Banking, Internet Banking đối với khách hàng cá nhân. Như vậy chính sách phát triển của Agribank được đánh giá là phù hợp với xu hướng phát triển chung của ngành, chính sách Nhà nước và xu thế chung của thế giới.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng lao động

Bảng: Tình hình lao động của Agribank tính đến 31/12/2021

Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ
Trình độ Đại học và trên Đại học	35.914	94,4%
Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	1.103	2,9%
Trình độ Sơ cấp	1.028	2,7%
Lao động phổ thông	0	0%
Tổng số	38.045	100%

(Nguồn: Agribank)

(Handwritten signatures and stamps)

9.2. Các chính sách đối với người lao động

9.2.1. Chế độ, điều kiện làm việc

- Agribank thực hiện theo quy định tại Nội quy Lao động trong hệ thống Agribank số 600/QĐ-HĐTV-TCTL ngày 19/08/2015: Thời giờ làm việc bình thường không quá 08 giờ trong 01 ngày và 48 giờ trong 01 tuần. Người sử dụng lao động hoặc người sử dụng lao động theo ủy quyền (sau đây gọi chung là người sử dụng lao động) có thể quy định làm việc theo giờ hoặc ngày hoặc tuần; trường hợp theo tuần thì thời giờ làm việc bình thường không quá 10 giờ trong 01 ngày nhưng không quá 48 giờ trong 01 tuần. Căn cứ yêu cầu hoạt động kinh doanh, người sử dụng lao động có thể rút ngắn thời giờ làm việc nhưng không thấp hơn 08 giờ trong 01 ngày, 40 giờ trong 01 tuần.
- Việc thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương: Agribank thực hiện theo quy định tại Nội quy Lao động và quy định pháp luật hiện hành.
- Agribank bố trí nơi làm việc với đầy đủ các trang thiết bị hiện đại, thuê lao động dịch vụ phục vụ bếp ăn, vệ sinh nơi làm việc, địa điểm làm việc, đảm bảo môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động, từ đó nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả hoạt động kinh doanh.
- Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,... đối với người lao động Agribank luôn thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật.

9.2.2. Chính sách phúc lợi

Áp dụng theo chức danh và tính chất, vị trí công việc, Agribank thực hiện chi trả lương cho người lao động đầy đủ theo Quy chế lương trên cơ sở các quy định pháp luật hiện hành; thực hiện chi thưởng, lương năng suất dựa trên mức độ đóng góp của từng đơn vị trực thuộc đối với kết quả kinh doanh chung của toàn ngành.

Ngoài ra, Agribank cũng có những chính sách về tiền thưởng cho các ngày lễ trong năm và các chế độ phúc lợi khác như: Du lịch, nghỉ mát, khám sức khỏe định kỳ, hiếu hỉ,...; các chương trình hỗ trợ người lao động (hỗ trợ người thân là thương bệnh binh...), tổ chức thăm hỏi động viên người lao động hoặc người thân nhân người lao động ốm đau, bệnh tật, tử tuất,...;

9.2.3. Chính sách đào tạo

Hàng năm, Agribank xây dựng kế hoạch đào tạo, tổ chức thực hiện triển khai khóa học, đánh giá và báo cáo kết quả đào tạo tập trung toàn hệ thống. Các hình thức đào tạo Agribank triển khai bao gồm: Đào tạo tập trung tại cơ sở đào tạo; đào tạo thông qua Hội nghị tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ và đào tạo tại chỗ do các Chi nhánh chủ động tự tổ chức trong nội bộ chi nhánh. Nội dung các chương trình đào tạo của Agribank luôn gắn với thực tiễn hoạt động, quy định pháp luật từng giai đoạn phát triển như: Các chương trình Quản trị ngân hàng; Chương trình đào tạo IPCAS; Chương trình đào tạo cho cán bộ mới tuyển dụng; Chương trình quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng... cùng nhiều chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp

(Handwritten signatures and initials)

vụ cơ bản đến chuyên sâu cho hầu hết các cán bộ trong hệ thống như: Nghiệp vụ Thanh toán quốc tế; Thẩm định dự án đầu tư; Ngân hàng cơ bản; Kiểm tra, Kiểm soát nội bộ; Kỹ năng sư phạm; Kỹ năng quản lý và lãnh đạo; Bồi dưỡng kiến thức pháp luật trong hoạt động ngân hàng;...

Ngoài ra, các đơn vị trực thuộc Agribank cũng chủ động phối hợp thực hiện các chương trình tập huấn phát sinh (ngoài kế hoạch đào tạo); tổ chức tự đào tạo nội bộ theo nhu cầu...

10. Chính sách cổ tức

Do là ngân hàng có 100% vốn của Nhà nước nên chính sách lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Agribank được quyết định bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Chỉ tiêu chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
1. Quy mô vốn		
- Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	30.710	34.328
- Tổng tài sản có (Tỷ đồng)	1.568.127	1.695.933
- Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) (riêng lẻ)	10,3%	10,2%
2. Kết quả hoạt động kinh doanh		
- Huy động tiền gửi khách hàng (Tỷ đồng)	1.404.876	1.542.504
- Dự nợ cho vay khách hàng (Tỷ đồng) (Tổng dự nợ cho vay nền kinh tế)	1.212.625	1.314.193
- Doanh số thu nợ khách hàng (Tỷ đồng)	1.528.794	1.683.630
- Nợ quá hạn (Tỷ đồng)	51.605	52.999
- Nợ xấu (Nợ khó đòi) (Tỷ đồng)	21.527	24.553
- Hệ số sử dụng vốn (Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung và dài hạn)	27,4%	25,74%
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	0%	0%
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dự nợ (Dự nợ cho vay khách hàng)	4,26%	4,03%
- Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dự nợ (Dự nợ cho vay khách hàng)	1,78%	1,87%
3. Khả năng thanh toán		
- Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	15,2%	15,6%
- Tỷ lệ dự nợ cho vay/Tổng tiền gửi (LDR)	83,3%	82,99%

(Nguồn: Agribank)

11.2. Chỉ tiêu khác
a) Tình hình công nợ

Agribank thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản công nợ phải thu, phải trả và bảo đảm tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Chi tiết tình hình công nợ phải thu và phải trả như sau:

Công nợ các khoản phải thu hợp nhất

<i>Đơn vị: Tỷ đồng</i>	31/12/2020	31/12/2021
Các khoản phải thu	11.081	8.223
Các khoản lãi, phí phải thu	12.015	9.531
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	7	2
Tài sản Có khác	2.989	2.794
Các khoản dự phòng rủi ro khác	(1.773)	(1.743)
Tổng cộng	24.319	18.807

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2021)

Công nợ các khoản phải thu riêng lẻ

<i>Đơn vị: Tỷ đồng</i>	31/12/2020	31/12/2021
Các khoản phải thu	10.681	7.768
Các khoản lãi, phí phải thu	11.960	9.460
Tài sản có khác	2.424	2.190
Các khoản dự phòng rủi ro khác	(1.299)	(1.281)
Tổng cộng	23.766	18.137

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2021)

Công nợ các khoản phải trả hợp nhất

<i>Đơn vị: Tỷ đồng</i>	31/12/2020	31/12/2021
Các khoản lãi, phí phải trả	25.751	24.882
Tài sản thuế TNDN hoãn lại phải trả	23	13.244
Các khoản phải trả và công nợ khác	10.953	13.231
Tổng cộng	36.727	38.127

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2021)

Công nợ các khoản phải trả riêng lẻ

<i>Đơn vị: Tỷ đồng</i>	31/12/2020	31/12/2021
Các khoản lãi, phí phải trả	25.794	24.866

<i>Đơn vị: Tỷ đồng</i>	31/12/2020	31/12/2021
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0,69	1
Các khoản phải trả và công nợ khác	8.757	11.042
Tổng cộng	34.552	35.909

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2021)

b) Trái phiếu chưa đáo hạn

Tính đến hết ngày 31/12/2021, tổng dư nợ trái phiếu do Agribank đã phát hành nhưng chưa đáo hạn là 28.553.877 triệu đồng theo mệnh giá, bao gồm cả trái phiếu phát hành riêng lẻ và công chúng.

Toàn bộ trái phiếu đã phát hành của Agribank đều là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 theo quy định của NHNN (được gọi là trái phiếu tăng vốn).

Thông tin chi tiết về các trái phiếu chưa đáo hạn của Agribank như sau:

STT	Tên Trái Phiếu	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Mệnh giá	Giá trị mệnh giá (triệu đồng)	Đặc điểm, loại Trái Phiếu
I	Trái Phiếu phát hành ra công chúng				15.346.677	
1	Năm 2018	25/12/2018	10 năm	1.000.000	3.961.937	Trái Phiếu tăng vốn
2	Năm 2019	24/09/2019	07 năm	1.000.000	4.997.673	Trái Phiếu tăng vốn
3	Năm 2020	24/12/2020	07 năm	1.000.000	4.617.921	Trái Phiếu tăng vốn
	Năm 2021	31/12/2021	07 năm	1.000.000	1.769.146	Trái Phiếu tăng vốn
II	Trái Phiếu phát hành riêng lẻ				13.207.200	
1	Năm 2015	02/12/2015	10 năm	1.000.000.000	4.350.000	Trái Phiếu tăng vốn
2	Năm 2020	24/09/2020	07 năm	1.000.000.000	2.000.000	Trái Phiếu tăng vốn
		30/10/2020	07 năm	500.000.000	76.500	Trái Phiếu tăng vốn
		30/10/2020	07 năm	1.000.000.000	387.000	Trái Phiếu tăng vốn
		15/12/2020	07 năm	500.000.000	117.000	Trái Phiếu tăng vốn
		15/12/2020	07 năm	1.000.000.000	630.000	Trái Phiếu tăng vốn

Handwritten signatures and stamps in blue ink.

STT	Tên Trái Phiếu	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Mệnh giá	Giá trị mệnh giá (triệu đồng)	Đặc điểm, loại Trái Phiếu
3	Năm 2021	04/08/2021	07 năm	500.000.000	300.000	Trái Phiếu tăng vốn
		04/08/2021	07 năm	1.000.000.000	1.489.000	Trái Phiếu tăng vốn
		30/08/2021	10 năm	100.000.000	1.200.000	Trái Phiếu tăng vốn
		28/10/2021	07 năm	100.000.000	1.000.000	Trái Phiếu tăng vốn
		30/11/2021	07 năm	100.000.000	1.057.700	Trái Phiếu tăng vốn
		22/12/2021	07 năm	100.000.000	600.000	Trái Phiếu tăng vốn

Đối với Trái Phiếu chưa đáo hạn nói trên, Agribank đã và đang thực hiện theo đúng các cam kết và nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư và điều kiện phát hành Trái Phiếu; bảo đảm thanh toán đầy đủ, chính xác và đúng hạn với tiền gốc, lãi Trái Phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới Trái Phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện của Trái Phiếu; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác, phù hợp với quy định của pháp luật.

c) Các khoản phải nộp theo luật định

Các khoản thuế và nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước theo quy định pháp luật hiện hành đã được Agribank thực hiện kê khai và thanh toán cho các cơ quan thuế đầy đủ và đúng hạn, bảo đảm tuân thủ và phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	01/01/2020	Số phát sinh trong năm	Số đã nộp trong năm	Biến động khác	31/12/2021 (Phải thu)/Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	63	568	(585)	11	57
Thuế thu nhập doanh nghiệp	187	2.891	(3.101)	(2)	(26)
Các loại thuế khác	85	903	(900)	-	88
Tổng	336	4.362	(4.587)	9	120

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2021)

d) Trích lập các quỹ

Agribank tuân thủ và thực hiện việc trích lập các quỹ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng. Các quỹ dự trữ được Agribank sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng. Tình hình trích lập các quỹ trong 02 năm gần nhất của Agribank:

	Lợi nhuận chưa phân phối (năm 2020)	Lợi nhuận chưa phân phối (năm 2021)
Số dư đầu năm	16.932	18.342
Lợi nhuận thuần trong năm	10.383	11.611
Điều chỉnh quỹ trong năm	-	-
Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	(2.416)	(8.500)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.833)	(6.140)
Trích quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	(2)	(4)
Điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước	-	84
Tạm ứng chuyển lợi nhuận về Ngân sách Nhà nước ("NSNN") trong năm	-	(3.482)
Quyết toán khoản tạm chuyển lợi nhuận về Ngân sách Nhà nước năm trước	(3.721)	(3.310)
Ngân sách Nhà nước năm trước	-	-
Xử lý tổn thất liên quan đến hoạt động thẻ	-	-
Giảm khác	(1)	-
Tăng khác	-	49
Số dư cuối năm (31/12/2021)	18.342	8.650

e) Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

- Năm 2022, kinh tế Việt Nam được dự báo vẫn tiềm ẩn nhiều thách thức, rủi ro do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 cũng như căng thẳng thương mại, chính trị giữa các nền kinh tế lớn trên thế giới, cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine có thể gây tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của ngành ngân hàng nói chung và Agribank nói riêng.
- Ngày 02/04/2021, NHNN đã ban hành Thông tư số 03/2021/TT-NHNN v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13/03/2020 của Thống đốc NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 (Thông tư 03 có hiệu lực từ ngày 17/05/2021). Theo đó, Agribank đã và đang tích cực đồng hành cùng khách hàng, kịp thời có các biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ phù hợp, thiết thực như ưu đãi lãi suất, cơ cấu thời gian trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ...giúp khách

hàng, doanh nghiệp ổn định hoạt động, sớm vượt qua khó khăn. Tuy nhiên, để thực hiện điều này, Agribank sẽ phải triển khai các biện pháp, chính sách giảm lãi suất cho khách hàng; gia hạn và kéo dài thời gian thu hồi, xử lý nợ; chủ động trích lập dự phòng bổ sung cho các khoản vay. Điều này đồng nghĩa với việc thu nhập và lợi nhuận của Ngân hàng có thể bị ảnh hưởng và thu hẹp đáng kể.

- Bước sang năm 2022, hệ thống ngân hàng sẽ tiếp tục có những thuận lợi và khó khăn nhất định. Khi nền kinh tế phục hồi trở lại, nhu cầu về tín dụng cũng sẽ gia tăng theo, cùng với tiến trình chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ sẽ giúp các ngân hàng đa dạng hoá sản phẩm, dịch vụ trên các kênh số. Tuy nhiên, dự báo giai đoạn 2020-2025, mức độ cạnh tranh trong Ngành sẽ tăng lên bởi nhiều ngân hàng đang có sự thay đổi về chiến lược cạnh tranh và phát triển, tăng nguồn lực đầu tư. Nhất là chuyển đổi số, ngân hàng số, hệ sinh thái là những mục tiêu đang được nhiều ngân hàng theo đuổi kỳ vọng mang lại kết quả kinh doanh khởi sắc hơn trong năm 2022. Vì vậy, toàn hệ thống Agribank để thích ứng an toàn, hiệu quả trong tình hình mới càng cần nêu cao tinh thần trách nhiệm, nỗ lực cống hiến, đồng lòng, quyết tâm đoàn kết, đổi mới, sáng tạo, hăng hái thi đua, phấn đấu hoàn thành xuất sắc kế hoạch, nhiệm vụ kinh doanh năm 2022.

12. Hội đồng thành viên, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng thành viên

Họ và tên	Chức vụ
• Ông Phạm Đức Ân	Chủ tịch Hội đồng thành viên
• Ông Tiết Văn Thành	Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc
• Ông Nguyễn Minh Trí	Thành viên Hội đồng thành viên
• Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên Hội đồng thành viên
• Ông Nguyễn Việt Mạnh	Thành viên Hội đồng thành viên
• Ông Phạm Hoàng Đức	Thành viên Hội đồng thành viên
• Ông Hồ Văn Sơn	Thành viên Hội đồng thành viên
• Bà Nguyễn Tuyết Dương	Thành viên Hội đồng thành viên
• Bà Đỗ Thị Nhân	Thành viên Hội đồng thành viên

➤ Chủ tịch Hội đồng thành viên

Họ và tên: **Phạm Đức Ân**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 01/02/1970

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 040070000255, Ngày cấp: 25/04/2021, Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Nghệ An

Địa chỉ thường trú: Căn hộ số 0307 Chung cư Mandarin Garden, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1994 – 2000	Cán bộ Pháp chế Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam
Từ 2000 – 2001	Phó Trưởng phòng Pháp chế Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam
Từ 2001 – 2004	Phó Trưởng phòng phụ trách phòng Pháp chế Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam
Từ 2004 – 2006	Trưởng phòng Pháp chế Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam
Từ 2006 – 2009	Giám đốc Ban Pháp chế Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam
Từ 2009 – 2011	Giám đốc Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam Chi nhánh tỉnh Hưng Yên
Từ 2011 – 2014	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam
Từ 2014 - 2017	Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên Agribank
Từ 8/2017 - 12/2018	Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư Agribank
Từ 1/2019 - 4/2020	Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Từ 05/2020 - nay	Chủ tịch Hội đồng thành viên Agribank, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương
Từ 7/2020 - nay	Đại biểu Quốc hội khóa XV
Từ 3/2021 – nay	- Chủ tịch Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam nhiệm kỳ VII - Thành viên Hội đồng Hiệp hội ngân hàng Quốc gia Asean
Từ 9/2021 - nay	Thành viên Hội đồng Quản trị Hiệp hội Ngân hàng Châu Á nhiệm kỳ 2021-2023

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Chủ tịch Hội đồng thành viên Agribank

Thành viên Hội đồng Quản trị Hiệp hội Ngân hàng Châu Á, Thành viên Hội đồng Hiệp hội ngân hàng Asean, Chủ tịch Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam nhiệm kỳ VII, Đại biểu Quốc hội khóa XV, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương

Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Các khoản nợ đối với Agribank: Không
 Lợi ích liên quan đối với Agribank: Không
 Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

➤ **Thành viên Hội đồng thành viên**

Họ và tên: **Tiết Văn Thành**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 26/3/1962

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 091062000072, Ngày cấp: 16/7/2018, Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Kiên Giang

Địa chỉ thường trú: Nhà 36, Đường số 5, Khu phố 2, P. Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1979 - 1985	Cán bộ Tín dụng Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Huyện Hà Tiên, Tỉnh Kiên Giang
Từ 1985 - 1991	Phó Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Huyện Hà Tiên, Tỉnh Kiên Giang
Từ 1991- 2000	Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Tỉnh Kiên Giang
Từ 2000 - 2011	Giám đốc Agribank Chi nhánh Tỉnh Kiên Giang
Từ 2011 - 2012	Trưởng Văn phòng đại diện Agribank khu vực miền Nam
Từ 2012 - 2014	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Văn phòng đại diện Agribank khu vực miền Nam
Từ 2014 - 2015	Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Quyền Tổng Giám đốc Agribank
Từ 2015 - 2017	Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc Agribank
Từ 2017 - 2018	Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Quản lý tài sản Nợ - Tài sản Có Agribank
Từ 11/2018 - 12/2018	Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc Agribank

Tiết Văn Thành *Nguyễn Văn Thành* *Nguyễn Văn Thành* *Nguyễn Văn Thành*

Từ 01/2019 - 02/2020	Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư Agribank
Từ 02/2020 - nay	Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

➤ **Thành viên Hội đồng thành viên**

Họ và tên: Nguyễn Minh Trí

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 16/12/1963

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 023741515, Ngày cấp: 01/4/2013, Nơi cấp: Công an TP. Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: 15C số 343 Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1985 – 1988	Cán bộ Tín dụng Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thị xã Vĩnh Long, Tỉnh Cửu Long
Từ 1988 – 1992	Cán bộ Tín dụng Agribank Chi nhánh Tỉnh Cửu Long
Từ 1992 – 1994	Phó Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch Agribank Chi nhánh Tỉnh Trà Vinh
Từ 1995 – 1998	Kinh tế viên Văn phòng Đại diện Agribank khu vực miền Nam
Từ 1998 - 2001	Trưởng phòng Công ty cho thuê tài chính II Agribank (ALCII)
Từ 2001 - 2002	Phó Giám đốc ALC II kiêm Giám đốc ALC II tại Đà Nẵng



74-C
ANG
HIỆ
TRIE
ON
M
P.H

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 2002 - 2003	Phó Giám đốc ALC II
Từ 2003 - 2010	Giám đốc Công ty Vàng bạc đá quý TP. Hồ Chí Minh, Agribank
Từ 2010 - 2012	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Công ty Vàng bạc đá quý TP HCM và Chủ tịch Hội đồng Quản trị ALC II
Từ 2012 - 2019	Thành viên Hội đồng thành viên Agribank
Từ 06/2019 - 06/2019	Thành viên Hội đồng thành viên, kiêm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư Agribank
Từ 06/2019 - 07/2019	Thành viên Hội đồng thành viên, kiêm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư Agribank, phụ trách Văn Phòng Đại diện Agribank Khu vực Miền Nam.
Từ 7/2019 - 02/2020	Thành viên Hội đồng thành viên, kiêm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư, Trưởng Văn Phòng Đại diện Khu vực Agribank Miền Nam
Từ 02/2020 – 05/2020	Thành viên Hội đồng thành viên, kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư, Trưởng Văn Phòng Đại diện Agribank Khu vực Miền Nam
Từ 05/2020 - nay	Thành viên Hội đồng thành viên, kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Quản lý rủi ro, Trưởng Văn Phòng Đại diện Agribank Khu vực Miền Nam

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên Hội đồng thành viên, kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Quản lý rủi ro, Trưởng Văn Phòng Đại diện Agribank Khu vực Miền Nam

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

➤ **Thành viên Hội đồng thành viên**

Họ và tên: **Nguyễn Văn Minh**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 25/8/1962

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 025062000291, Ngày cấp: 08/8/2018, Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam



Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Phú Thọ

Địa chỉ thường trú: Số 2B - 6B TT Thành Công, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1986 – 1988	Bộ đội Cục Kinh tế quân khu I
Từ 1988 – 1991	Cán bộ Kế hoạch Agribank Chi nhánh Hạ Hòa, Vĩnh Phú (sau là Phú Thọ)
Từ 1991 – 1992	Cán bộ Tín dụng Agribank Chi nhánh Tỉnh Vĩnh Phú
Từ 1992 – 1993	Phó Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh Thanh Hòa, Vĩnh Phú
Từ 1993 – 1995	Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh Thanh Hòa, Vĩnh Phú
Từ 1996 – 1999	Giám đốc Agribank Chi nhánh Huyện Hạ Hòa, Vĩnh Phú (nay là tỉnh Phú Thọ)
Từ 1999 – 2001	Trưởng phòng kinh doanh Sở giao dịch Agribank
Từ 2001 – 2006	Phó Giám đốc Sở giao dịch Agribank
Từ 2006 – 2007	Trưởng Ban trụ bị Trung tâm quản lý khiếu nại; Phó Ban trụ bị thành lập Công ty Cổ phần Bảo hiểm Agribank
Từ 2007 – 2010	Ủy viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Agribank (ABIC)
Từ 2010 - 2014	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc ABIC
Từ 2014 - 2014	Thành viên Hội đồng thành viên Agribank kiêm Chủ tịch Hội đồng Quản trị ABIC
Từ 2014 - 2015	Thành viên Hội đồng thành viên Agribank
Từ 2015 - 2017	Thành viên Hội đồng thành viên Agribank kiêm Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Chứng khoán Agribank
Từ 06/2017 - 08/2017	Thành viên Hội đồng thành viên Agribank
Từ 08/2017 - nay	Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Chính sách Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:

Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Chính sách Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức

Không

khác:

Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Các khoản nợ đối với Agribank: Không
 Lợi ích liên quan đối với Agribank: Không
 Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

➤ **Thành viên Hội đồng thành viên**

Họ và tên: **Phạm Hoàng Đức**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 02/11/1961

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001061021157, Ngày cấp: 16/04/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Số 11 Hàng Bè, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kế toán quốc tế, Thạc sĩ Khoa học chính sách

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1983 – 1986	Chiến sỹ phòng Hậu cần Sư đoàn 345
Từ 1986 – 1997	Giáo viên Trung tâm Đào tạo và Nghiên cứu khoa học Ngân hàng
Từ 1997 – 1998	Chuyên viên Kế toán Vụ Kế toán tài chính Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Từ 1998 – 1999	Phó Trưởng phòng Kế toán Vụ Kế toán tài chính Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Từ 1999 – 2000	Trưởng phòng Kế toán Vụ Kế toán tài chính Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Từ 2000 – 2005	Phó Vụ trưởng Vụ Kế toán tài chính Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Từ 2005 - 2014	Vụ Trưởng Vụ Kế toán tài chính (nay là vụ Tài chính - Kế toán) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Từ 06/2014 - 12/2018	Thành viên Hội đồng thành viên Agribank
Từ 01/2019 - 05/2019	Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư Agribank
Từ 06/2019 - 10/2019	Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Nhân sự Agribank



Thời gian	Quá trình công tác
Từ 11/2019 - 04/2020	Thành viên phụ trách Hội đồng thành viên kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Nhân sự Agribank
Từ 05/2020 - nay	Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Nhân sự Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Nhân sự Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

➤ **Thành viên Hội đồng thành viên**

Họ và tên: **Nguyễn Việt Mạnh**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 15/02/1962

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: C2524414, Ngày cấp: 12/12/2016, Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: 98 Vọng Hà, P. Chương Dương, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1984 – 1987	Cán bộ Tín dụng Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng
Từ 1987 – 1992	Cán bộ Tín dụng Ngân hàng Công thương Đống Đa, Hà Nội
Từ 1993 – 1997	Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Kế toán Ngân hàng Công thương Đống Đa, Hà Nội
Từ 1997 – 1999	Phó Giám đốc Ngân hàng Công thương Đống Đa, Hà Nội
Từ 1999 - 1999	Giám đốc Ngân hàng Công thương Đống Đa, Hà Nội

Tu *Mạnh* *HL* *Thuy*

4-C
NG
HIỆP
RIỂN
ÔN
M
HÀ

T
N
IC
N

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1999 - 2003	Giám đốc Ngân hàng Công thương Ba Đình, Hà Nội
Từ 2003 - 2012	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Công thương Việt Nam
Từ 2012 - 2014	Vụ Trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Từ 2014 - 2015	Thành viên Hội đồng thành viên Agribank
Từ 2015 - 2017	Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Chính sách Agribank
Từ 08/2017 - 05/2020	Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Quản lý rủi ro Agribank
Từ 05/2020 - nay	Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

➤ **Thành viên Hội đồng thành viên**

Họ và tên: **Hồ Văn Sơn**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 15/10/1962

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 013231560, Ngày cấp: 25/7/2013, Nơi cấp: Công an TP. Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú: Nhà 18 T2 Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân, TP Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:



Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1980 – 1983	Cán bộ Tín dụng Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Tỉnh Lai Châu
Từ 1984 – 1990	Cán bộ Ngân hàng Nông nghiệp Chi nhánh Huyện Phong Thổ, Tỉnh Lai Châu
Từ 1990 – 1992	Trưởng phòng Kinh doanh Agribank Chi nhánh Huyện Phong Thổ, Tỉnh Lai Châu
Từ 1992 – 1994	Cán bộ phòng Kinh doanh Agribank Chi nhánh Huyện Phong Thổ, Tỉnh Lai Châu
Từ 1994 – 1995	Trưởng phòng Kinh doanh Agribank Chi nhánh Huyện Phong Thổ, Tỉnh Lai Châu
Từ 1995 – 1997	Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Huyện Phong Thổ, Tỉnh Lai Châu
Từ 1998 – 2002	Giám đốc Agribank Chi nhánh Huyện Phong Thổ, Tỉnh Lai Châu
Từ 2002 – 2003	Giám đốc Agribank Chi nhánh Huyện Tam Đường, Tỉnh Lai Châu
Từ 2003 – 2004	Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Tỉnh Lai Châu
Từ 2004 – 2006	Giám đốc Agribank Chi nhánh Lai Châu
Từ 2006 – 2007	Trưởng ban Kiểm tra kiểm toán nội bộ Agribank
Từ 2007 - 2016	Giám đốc Agribank Chi nhánh Láng Hạ
Từ 07/2016 - 08/2017	Thành viên Hội đồng thành viên Agribank
Từ 08/2017 - nay	Thành viên Hội đồng thành viên Agribank kiêm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

➤ **Thành viên Hội đồng thành viên**

Họ và tên: **Nguyễn Tuyết Dương**

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 25/12/1968

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001168002410, Ngày cấp: 10/3/2015, Nơi cấp: Cục CS ĐKQL

Tư *Như* *Hà* *Tuyết*

cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Số nhà 58 ngõ 97 phố Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, TP Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật, Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1995 – 1997	Chuyên viên tập sự Vụ Pháp chế Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Từ 1997 – 2003	Chuyên viên Vụ Pháp chế Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Từ 2003 – 2005	Phó Trưởng phòng Vụ Pháp chế Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Từ 2005 – 2008	Trưởng phòng Vụ Pháp chế Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Từ 02/2008 – 12/2018	Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Từ 01/2019 - nay	Thành viên Hội đồng thành viên Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên Hội đồng thành viên Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

➤ **Thành viên Hội đồng thành viên**

Họ và tên: **Đỗ Thị Nhàn**

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 05/12/1966

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 034166000018, Ngày cấp: 24/02/2014, Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

Địa chỉ thường trú: Số 24 ngõ 30 Lương Đình Của, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế tài chính Ngân hàng

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1987 - 1988	Cán bộ ngân hàng huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
Từ 1988 - 1990	Cán bộ Ngân hàng Nhà nước tỉnh Thái Bình
Từ 1990 - 1993	Cán bộ Kho bạc Nhà nước tỉnh Thái Bình
Từ 1993 - 1997	Phó phòng Kho bạc Nhà nước tỉnh Thái Bình
Từ 1997 - 2002	Cán bộ thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Từ 2002 - 2007	Phó phòng Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Từ 2007 - 2009	Trưởng phòng Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Từ 2009 - 2011	Phó Vụ trưởng Vụ I Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Từ 12/2011 - 6/2019	Vụ trưởng Vụ I Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Từ 7/2019 - 4/2020	Cục trưởng Cục II Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Từ 05/2020 - nay	Thành viên Hội đồng thành viên Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:	Thành viên Hội đồng thành viên Agribank
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Agribank:	Không
Lợi ích liên quan đối với Agribank:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank:	Không

12.2. Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
• Ông Trần Trọng Dưỡng	Trưởng Ban Kiểm soát
• Ông Nguyễn Bách Dương	Thành viên Ban Kiểm soát
• Ông Bùi Hồng Quảng	Thành viên Ban Kiểm soát
• Ông Hoàng Văn Thắng	Thành viên Ban Kiểm soát



➤ **Trưởng Ban Kiểm soát**

Họ và tên: **Trần Trọng Dương**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 10/11/1964

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 037064006839, Ngày cấp: 10/5/2021, Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Ninh Bình

Địa chỉ thường trú: Số nhà 16 Châu Thị Hóa, Phường 4, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1985 - 1987	Cán bộ Kế hoạch Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước huyện U Minh, Tỉnh Minh Hải
Từ 1988 - 1990	Phó Trưởng phòng Kế hoạch Agribank Chi nhánh Huyện U Minh, Tỉnh Minh Hải
Từ 1990 - 1992	Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Agribank Chi nhánh Huyện U Minh, Tỉnh Minh Hải
Từ 1993 - 1995	Trưởng phòng Kinh doanh Agribank Chi nhánh Khu vực Bình Minh, Huyện U Minh, Tỉnh Minh Hải
Từ 1996 - 1996	Trưởng phòng Tín dụng Ngân hàng phục vụ người nghèo Thị xã Cà Mau, Tỉnh Minh Hải
Từ 1997 - 1997	Phó Trưởng phòng Kinh doanh Agribank Chi nhánh Tỉnh Bạc Liêu
Từ 1997 - 2001	Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Agribank Chi nhánh Tỉnh Bạc Liêu
Từ 2001 - 2008	Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Tỉnh Bạc Liêu
Từ 2008 - 2011	Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Hùng Vương, Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 2011 - 2012	Phó Giám đốc Phụ trách Agribank Chi nhánh Bình Chánh
Từ 2012 - 2015	Giám đốc Agribank Chi nhánh Bình Chánh
Từ 10/2015 - 08/2017	Giám đốc Agribank Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 08/2017 - nay	Trưởng Ban Kiểm soát Agribank

(Handwritten signatures and stamps)

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Trưởng Ban Kiểm soát Agribank
 Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Các khoản nợ đối với Agribank: Không
 Lợi ích liên quan đối với Agribank: Không
 Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

➤ **Thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên: **Nguyễn Bách Dương**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 26/04/1962

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 030062013535, Ngày cấp: 28/6/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hải Dương

Địa chỉ thường trú: A12 TT Hải Quan, số 194 đường Giải Phóng, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1986 - 1988	Cán bộ Tín dụng Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Tỉnh Hải Hưng
Từ 1988 - 1989	Cán bộ Tín dụng Agribank Chi nhánh Tỉnh Hải Hưng
Từ 1989 - 1992	Cán bộ Tổ chức Agribank Chi nhánh Tỉnh Hải Hưng
Từ 1992 - 1996	Chánh Văn phòng Agribank Chi nhánh Tỉnh Hải Hưng
Từ 1997 - 1999	Trưởng phòng Kế hoạch Agribank Chi nhánh Tỉnh Hải Dương
Từ 1999 - 2001	Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Tỉnh Hải Dương
Từ 2001 - 2005	Trưởng ban Quản lý Tài sản Agribank
Từ 2006 - 2008	Phó Giám đốc Công ty vàng bạc đá quý Agribank
Từ 2008 - 2010	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cho thuê tài chính I Agribank
Từ 2010 - 2014	Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cho thuê tài chính I Agribank

Từ 2014 - 2016	Thành viên Ban Kiểm soát Agribank
Từ 10/2016 - 08/2017	Thành viên phụ trách điều hành Ban Kiểm soát Agribank
Từ 08/2017 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên Ban Kiểm soát Agribank
 Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Các khoản nợ đối với Agribank: Không
 Lợi ích liên quan đối với Agribank: Không
 Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

➤ **Thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên: **Bùi Hồng Quảng**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 31/08/1970

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 017070000097, Ngày cấp: 18/3/2019, Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hòa Bình

Địa chỉ thường trú: Số 4, ngõ 111, Cù Chính Lan, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1994 - 2001	Cán bộ phòng Kế toán Ban Hạch toán kinh doanh Trung tâm Điều hành Agribank
Từ 2001 - 2003	Phó Trưởng phòng Kế toán Ngân quỹ Agribank Chi nhánh Bắc Hà Nội
Từ 2003 - 2007	Giám đốc Agribank Chi nhánh Kim Mã thuộc Agribank Chi nhánh Bắc Hà Nội
Từ 2007 - 2014	Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Bắc Hà Nội
Từ 05/2014 - 09/2014	Trưởng Kiểm toán nội bộ thuộc Ban Kiểm soát Agribank
Từ 10/2014 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát Agribank

617
 V HÀ
 NGH
 AT TI
 S TH
 T NAI
 1. TP
 AN
 K
 HA

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên Ban Kiểm soát Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

➤ **Thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên: **Hoàng Văn Thắng**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 04/7/1966

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 038066001130, Ngày cấp: 10/7/2021, Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: Tổ 45B Hoàng Văn Thụ, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1990 - 1991	Cán bộ Phòng đại diện Bim Sơn, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Tỉnh Thanh Hóa
Từ 1992 - 1993	Cán bộ phòng Kế toán Ngân hàng Công thương Chi nhánh Bim Sơn, Tỉnh Thanh hóa
Từ 1993 - 1997	Cán bộ phòng Kế toán Ngân hàng Công thương Chi nhánh Tỉnh Thanh Hóa
Từ 1997 - 1999	Cán bộ phòng Giám sát và phân tích, Vụ Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Từ 1999 - 2006	Thanh tra viên, phòng Giám sát và phân tích Vụ Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Từ 2006 - 2008	Thanh tra viên chính, phòng Giám sát và phân tích Vụ Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam



Thời gian	Quá trình công tác
Từ 2008 - 2009	Phó Trưởng phòng Giám sát và phân tích, Vụ Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Từ 2009 - 2012	Trưởng phòng Tổng hợp và thu thập, xử lý thông tin Vụ Giám sát Ngân hàng, Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Từ 12/2012 - 09/2014	Phó Vụ trưởng Vụ Giám sát Ngân hàng, Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Từ 10/2014 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:	Thành viên Ban Kiểm soát Agribank
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Agribank:	Không
Lợi ích liên quan đối với Agribank:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank:	Không

12.3. Ban Điều hành

Họ và tên	Chức vụ
• Ông Tiết Văn Thành	Tổng Giám đốc
• Bà Nguyễn Thị Phương	Phó Tổng Giám đốc
• Ông Nguyễn Minh Phương	Phó Tổng Giám đốc
• Ông Nguyễn Hải Long	Phó Tổng Giám đốc
• Ông Phạm Đức Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
• Ông Tô Đình Tôn	Phó Tổng Giám đốc
• Ông Phạm Toàn Vượng	Phó Tổng Giám đốc
• Ông Lê Xuân Trung	Phó Tổng Giám đốc
• Ông Trần Văn Dự	Phó Tổng Giám đốc

➤ Tổng Giám đốc

Đã trình bày tại Mục 12.1 phần IV.

➤ Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Nguyễn Thị Phương**

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 29/3/1968

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001168015074, Ngày cấp: 27/12/2018, Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hải Dương

Địa chỉ thường trú: 12A G6 – Khu đô thị mới Nam Thăng Long, Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1992 - 1992	Nhân viên tập sự tại phòng Quan hệ quốc tế Agribank
Từ 1992 - 1994	Nhân viên phòng Kinh doanh đối ngoại Agribank
Từ 1994 – 1999	Nhân viên Sở kinh doanh hối đoái Agribank
Từ 1999 – 2001	Phó Trưởng phòng Thanh toán quốc tế Sở giao dịch Agribank
Từ 2001 – 2002	Trưởng phòng Thanh toán quốc tế Sở giao dịch Agribank
Từ 2002 – 2004	Phó Ban Quan hệ quốc tế Agribank
Từ 2004 – 2006	Trưởng Ban Quan hệ quốc tế Agribank
Từ 2006 - 2011	Phó Giám đốc Sở giao dịch Agribank
Từ 2011 - 2014	Giám đốc Sở giao dịch Agribank
Từ 06/2014 – 07/2020	Phó Tổng Giám đốc Agribank
Từ 07/2020 – 05/2021	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Trưởng ban Truyền Thông
Từ 05/2021 - Nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng khối Truyền thông và phát triển thương hiệu Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng khối Truyền thông và phát triển thương hiệu Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Không

(Handwritten signatures and stamps)

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

➤ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Nguyễn Minh Phương**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 20/11/1968

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 025068000023, Ngày cấp: 20/6/2014, Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Phú Thọ

Địa chỉ thường trú: Số nhà 5A, lô số 4 Nhà vườn, Khu đô thị mới Yên Hòa, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1988 – 1996	Nhân viên Kế toán Agribank Chi nhánh Tỉnh Vĩnh Phú
Từ 1997 – 1998	Nhân viên Kế toán Agribank Chi nhánh Tỉnh Phú Thọ
Từ 1998 – 2001	Chuyên viên Ban Hạch toán kinh doanh Agribank
Từ 2001 – 2002	Phó Trưởng phòng Tổng hợp Trung tâm thanh toán Agribank
Từ 2002 – 2003	Trưởng phòng Tổng hợp Trung tâm thanh toán Agribank
Từ 2003 - 2003	Phó Giám đốc Trung tâm Thẻ Agribank
Từ 2003 - 2004	Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Thẻ Agribank
Từ 2004 - 2014	Giám đốc Trung tâm Thẻ Agribank
Từ 10/2014 – 10/2018	Phó Tổng Giám đốc Agribank
Từ 01/2015 - nay	Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS)
Từ 11/2018 - nay	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Thành viên Hội đồng quản trị ALCI

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên Hội đồng quản trị ALCI,

(Handwritten signatures and stamps)

Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS)

Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Các khoản nợ đối với Agribank: Không
 Lợi ích liên quan đối với Agribank: Không
 Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

➤ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Nguyễn Hải Long**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 02/6/1974

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 011983397, Ngày cấp: 04/11/2010, Nơi cấp: C.A TP. Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Thái Bình

Địa chỉ thường trú: Số 278 Tổ 81, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1997 – 2000	Nhân viên phòng Kế hoạch kinh doanh Sở giao dịch I Agribank (nay là Agribank Chi nhánh Thăng Long)
Từ 2000 – 2002	Phó phòng Kế hoạch kinh doanh Sở giao dịch I Agribank
Từ 2002 – 2003	Phó phòng phụ trách phòng Thanh toán quốc tế Sở giao dịch I Agribank
Từ 2003 – 2005	Trưởng phòng Thanh toán quốc tế Agribank Chi nhánh Thăng Long
Từ 2005 – 2006	Phó Trưởng Ban Quan hệ quốc tế Agribank
Từ 2006 – 2007	Phó Trưởng Ban Tín dụng Agribank
Từ 2007 - 2008	Phó Trưởng Ban Quan hệ quốc tế Agribank
Từ 2008 - 2013	Trưởng ban Quản lý dự án ủy thác đầu tư Agribank
Từ 2013 - 2014	Trưởng ban Định chế tài chính Agribank
Từ 10/2014 – 05/2020	Phó Tổng Giám đốc Agribank
Từ 06/2020 - Nay	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Chủ tịch Hội đồng thành viên

(Handwritten signatures and stamps)

Thời gian	Quá trình công tác
	Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:	Phó Tổng Giám đốc Agribank
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Agribank
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Agribank:	Không
Lợi ích liên quan đối với Agribank:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank:	Không

➤ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Phạm Toàn Vượng**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 16/5/1976

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 036076006776, Ngày cấp: 07/3/2019, Nơi cấp: Cục CS QLHCVTTXH.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Nam Định

Địa chỉ thường trú: R6 Royal City, 72 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính Tín dụng

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1999 - 2000	Chuyên viên Ban Quan hệ quốc tế Agribank
Từ 2000 - 2002	Chuyên viên Ban Thư ký pháp chế Agribank
Từ 2002 - 2004	Chuyên viên Phòng Kinh doanh Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank
Từ 2004 - 2005	Tổ phó phụ trách Tổ kiểm tra, kiểm toán nội bộ Agribank Chi nhánh Quảng An
Từ 2005 - 2006	Phó phòng phụ trách phòng Nguồn vốn và Kế hoạch tổng hợp Agribank Chi nhánh Quảng An
Từ 2006 - 2007	Trưởng phòng Nguồn vốn và Kế hoạch tổng hợp Agribank Chi

	nhánh Quảng An
Từ 2007 - 2008	Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh Hồng Hà
Từ 2008 - 2012	Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Mỹ Đình
Từ 2013 - 2015	Giám đốc Agribank Chi nhánh Mỹ Đình
Từ 06/2015 - 05/2021	Phó Tổng Giám đốc Agribank
Từ 01/2017 - nay	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam
Từ 05/2021 - nay	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Trưởng Khối Kiểm tra và giám sát tuân thủ

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Trưởng Khối Kiểm tra và giám sát tuân thủ

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

➤ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Phạm Đức Tuấn**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 25/7/1969

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 036069000002, Ngày cấp: 12/10/2012, Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Nam Định

Địa chỉ thường trú: Số nhà 15, Ngõ 178, Quan Nhân, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1992 – 1994	Cán bộ phòng Quan hệ quốc tế Agribank

1006
NGÂN
HÀNG
NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN
VIỆT NAM

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1994 – 1999	Cán bộ Sở kinh doanh hối đoái Agribank
Từ 1999 – 2004	Trưởng phòng SWIFT Sở giao dịch hối đoái (Sở giao dịch) Agribank
Từ 2004 - 2005	Trưởng phòng SWIFT Sở Quản lý kinh doanh vốn và ngoại tệ Agribank
Từ 2005 – 2007	Trưởng phòng Ủy ban Quản lý Tài sản Có – Tài sản Nợ Agribank
Từ 2007 - 2007	Cán bộ phòng Nghiên cứu phát triển sản phẩm dịch vụ Agribank.
Từ 2007 – 2008	Phó Trưởng phòng Nghiên cứu phát triển sản phẩm dịch vụ Agribank
Từ 2008 – 2009	Phó Trưởng phòng phụ trách phòng Nghiên cứu phát triển sản phẩm dịch vụ Agribank
Từ 2009 – 2013	Trưởng phòng, Trưởng ban Nghiên cứu phát triển sản phẩm dịch vụ Agribank
Từ 2013 – 2015	Trưởng ban Kế hoạch nguồn vốn Agribank
Từ 2015 - 2015	Trưởng ban Định chế tài chính Agribank
Từ 2015 - 2016	Trưởng ban Tổ chức Lao động và Tiền lương kiêm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Nhân sự Agribank
Từ 2016 - 2017	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng ban Tổ chức Lao động và Tiền lương kiêm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Nhân sự Agribank
Từ 03/2017 – 05/2020	Phó Tổng Giám đốc Agribank
Từ 12/2019 – nay	Phó Chủ tịch Hiệp hội Thị trường Trái Phiếu Việt Nam (VBMA)
Từ 06/2020 - nay	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt nam (ABIC)

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:	Phó Tổng Giám đốc Agribank
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (ABIC) Phó Chủ tịch Hiệp hội Thị trường Trái Phiếu Việt Nam (VBMA)
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Agribank:	Không
Lợi ích liên quan đối với Agribank:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank:	Không

➤ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Tô Đình Tôn**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 17/8/1963

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 034063000037, Ngày cấp: 19/3/2014, Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Thái Bình

Địa chỉ thường trú: 175 Tổ 53 Phường Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1987 – 1996	Cán bộ Trường Cao cấp nghiệp vụ Ngân hàng (nay là Học viện Ngân hàng)
Từ 1996 – 1998	Cán bộ Xây dựng cơ bản Agribank
Từ 1998 – 1999	Phó Trưởng phòng Xây dựng cơ bản thuộc ban Quản trị Agribank
Từ 1999 – 2001	Trưởng phòng Xây dựng cơ bản thuộc Ban Quản trị Agribank
Từ 2001- 2005	Phó Trưởng ban Xây dựng cơ bản Agribank
Từ 2005 - 07/2016	Trưởng ban Xây dựng cơ bản (nay là Ban Quản lý đầu tư nội ngành)
Từ 07/2016 - 11/2020	Phó Tổng Giám đốc Agribank
Từ 11/2020 – Nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng ban Quản lý Tài sản phúc lợi Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng ban Quản lý Tài sản phúc lợi Agribank
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Agribank:	Không
Lợi ích liên quan đối với Agribank:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank:	Không

➤ **Phó Tổng Giám đốc**

Tôn Đình Tôn *Nguyễn Văn Minh* *Đinh Văn Hùng* *Nguyễn Văn Tuấn*

1-C.T.
NG
IẾP
TIẾN
ON
HÀ N

1/2
Y
Đ
Đ
Đ
Đ
Đ

Họ và tên: **Lê Xuân Trung**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 09/12/1970

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001070001885, Ngày cấp: 27/8/2015, Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Lô 5 Nhà vườn, Khu đô thị mới Yên Hòa, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1994 - 1994	Cán bộ phòng Tín dụng Quốc doanh Trung tâm Điều hành Agribank
Từ 1994 - 1996	Cán bộ phòng Dự án lớn, Khối Tín dụng Trung tâm Điều hành Agribank
Từ 1996 - 1998	Cán bộ phòng Tín dụng Nông nghiệp Khối Tín dụng Trung tâm Điều hành Agribank
Từ 1998 - 2001	Cán bộ Tín dụng Doanh nghiệp Agribank
Từ 2001 - 2007	Cán bộ ban Tín dụng Agribank
Từ 2007 - 2009	Phó Chánh văn phòng Trụ sở chính Agribank
Từ 2009 - 2012	Phó Trưởng ban Thư ký Hội đồng Quản trị (nay là ban Thư ký Hội đồng thành viên) Agribank
Từ 2012 - 2014	Phó Trưởng ban Tín dụng doanh nghiệp (sau là ban Khách hàng doanh nghiệp) Agribank
Từ 2014 - 2014	Quyền Trưởng ban Khách hàng doanh nghiệp Agribank
Từ 2014 - 2015	Trưởng ban Khách hàng doanh nghiệp Agribank
Từ 2016 - 2017	Trưởng ban Khách hàng lớn Agribank
Từ 2017 - 2018	Phó Tổng Giám đốc Agribank

Tên *Như* *Hà* *Tung*

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 04/2018 - 06/2021	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Chủ tịch Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank
Từ 106/2021 - Nay	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank, kiêm Giám đốc Agribank Chi nhánh Tây Hồ

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Giám đốc Agribank Chi nhánh Tây Hồ

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và khai thác tài sản Agribank

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

➤ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Trần Văn Dự**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 01/11/1964

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001064012222, Ngày cấp: 03/10/2017, Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: 218 Đường Chiến Thắng, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1985 - 1992	Cán bộ Tín dụng Agribank Chi nhánh Mỹ Đức, Hà Tây
Từ 1992 - 1994	Cán bộ Kế hoạch Agribank Chi nhánh Hà Tây
Từ 1994 - 1994	Phó Trưởng phòng Kế hoạch Agribank Chi nhánh Hà Tây

01006
NGÂN
NÔNG
TÀI PH
NÔNG
VIỆ
T Đ

Từ 1994 - 1998	Trưởng phòng Điện toán Agribank Chi nhánh Hà Tây
Từ 1998 - 2003	Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Hà Tây
Từ 2003 - 2004	Phó Giám đốc phụ trách Agribank Chi nhánh Hà Tây
Từ 02/2004 - 08/2017	Giám đốc Agribank Chi nhánh Hà Tây
Từ 08/2017 - nay	Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Phó Tổng Giám đốc Agribank
 Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Các khoản nợ đối với Agribank: Không
 Lợi ích liên quan đối với Agribank: Không
 Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

12.3.1. Kế toán trưởng

Họ và tên: **Phùng Văn Hưng Quang**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 12/02/1965

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 026065003963, Ngày cấp: 10/5/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Vĩnh Phúc

Địa chỉ thường trú: P303-C10 Nam Thành Công, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1988 - 1992	Nhân viên Agribank Chi nhánh Đoàn Hùng, Tỉnh Vĩnh Phú
Từ 1992 - 1993	Nhân viên phòng Kế toán thanh toán Agribank Chi nhánh Tỉnh Vĩnh Phú
Từ 1993 - 1996	Phó Trưởng phòng Kế toán thanh toán Agribank Chi nhánh Tỉnh Vĩnh Phú



861
 N H
 NG
 IAT T
 G TH
 T NA
 H: 1



Từ 1997 - 2000	Trưởng phòng Kế toán Ngân quỹ Agribank Chi nhánh Tỉnh Vĩnh Phúc
Từ 2001 - 2002	Trưởng phòng Kế toán Sở giao dịch Agribank
Từ 2002 - 2005	Phó ban Tài chính Kế toán Agribank
Từ 2005 - 2007	Phó ban Tín dụng doanh nghiệp Nhỏ và vừa Agribank
Từ 2007 - 2009	Trưởng ban Quản lý dự án cổ phần hóa Agribank
Từ 2009 - 2014	Trưởng ban Thống kê và dự báo kinh tế Agribank
Từ 2014 - 2014	Trưởng ban Tài chính kế toán và ngân quỹ Agribank
Từ 10/2014 - 04/2021	Kế toán trưởng kiêm Trưởng ban Tài chính kế toán Agribank
Từ 04/2021 - Nay	Kế toán trưởng Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:	Kế toán trưởng Agribank
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Agribank:	Không
Lợi ích liên quan đối với Agribank:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank:	Không

13. Tài sản

13.1. Tài sản cố định hữu hình tại thời điểm 31/12/2021

Chỉ tiêu hợp nhất:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	9.991	5.148	51,53%
Máy móc, thiết bị	3.453	699	20,24%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.807	1.054	37,55%
Thiết bị dụng cụ quản lý	4.483	879	19,61%
Tài sản hữu hình khác	636	368	57,86%
Tổng cộng	21.370	8.147	38,12%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2021)

(Handwritten signatures and stamps)

Chỉ tiêu riêng lẻ:
Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	9.897	5.100	51,53%
Máy móc, thiết bị	3.276	665	20,30%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.689	1.010	37,56%
Thiết bị dụng cụ quản lý	4.459	875	19,62%
Tài sản hữu hình khác	631	367	58,16%
Tổng cộng	20.952	8.018	38,27%

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2021)
13.2. Tài sản cố định thuê tài chính tại thời điểm 31/12/2021
Chỉ tiêu hợp nhất:
Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Phương tiện vận tải	23	1	4,35%
Máy móc thiết bị	-	-	-
Tổng cộng	23	1	4,35%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2021)
Chỉ tiêu riêng lẻ:
Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Phương tiện vận tải	23	1	4,35%
Máy móc thiết bị	-	-	-
Tổng cộng	23	1	4,35%

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2021)
13.3. Tài sản cố định vô hình tại thời điểm 31/12/2021
Chỉ tiêu hợp nhất:
Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Quyền sử dụng đất	2.396	2.155	89,94%
Phần mềm máy vi tính	1.374	175	12,74%
Tài sản vô hình khác	62	54	87,10%
Tổng cộng	3.831	2.384	62,23%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2021)

Chỉ tiêu riêng lẻ:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Quyền sử dụng đất	2.077	1.882	90,61%
Phần mềm máy vi tính	1.324	149	11,25%
Tài sản vô hình khác	62	54	87,10%
Tổng cộng	3.463	2.085	60,21%

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2021)

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm 2022

14.1. Các chỉ tiêu kế hoạch

Chỉ tiêu	Năm 2022		% tăng/giảm so với 2021	Năm 2023
	Kế hoạch	Số liệu dự kiến		
Tổng tài sản	Tăng từ 6% - 8%, phù hợp với tăng trưởng vốn huy động	1.795.886 tỷ đồng – 1.829.771 tỷ đồng	6% - 8%	Tại thời điểm lập Bản cáo bạch này, Agribank chưa xây dựng kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận cho năm 2023
Vốn chủ sở hữu	73.843 tỷ đồng	73.843 tỷ đồng	-	
Vốn huy động thị trường I (không bao gồm KBNN)	Tăng 8% - 11%, có điều chỉnh phù hợp với tốc độ tăng trưởng dư nợ	1.704.289 tỷ đồng – 1.751.630 tỷ đồng	8% - 11%	
Dư nợ cho vay nền kinh tế	Tăng 8% - 10%, phù hợp với kế hoạch được NHNN phê duyệt	1.419.331 tỷ đồng – 1.445.615 tỷ đồng	8% - 10%	
Tỷ lệ nợ xấu nội bảng	Theo Thông tư 11/2021/TT-NHNN dưới 2%; Tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn dưới 2%	-	-	
Thu dịch vụ	Tăng từ 10% - 15%;	4.743 tỷ đồng – 4.959 tỷ đồng	10% - 15%	
Trích lập DPRR	Theo quy định	-	-	
Tổng thu nhập	Tối thiểu 127.500 tỷ đồng	127.500 tỷ đồng	172,94%	
Lợi nhuận trước thuế	Tăng tối thiểu 12% so với năm 2021 và được điều chỉnh theo phê duyệt của NHNN	1.740 tỷ đồng	12%	
Các tỷ lệ an toàn hoạt động	Thực hiện theo quy định của NHNN	-	-	

Nguồn: Nghị quyết Hội đồng thành viên Agribank số 01/NQ-HDTV ngày 17/01/2022 về chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2022.

14.2. Các giải pháp chủ yếu

- a) Tập trung các giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng, kiểm soát nợ xấu; gắn tăng trưởng tín dụng phù hợp với khả năng quản lý; tiếp tục chủ trương tăng tỷ trọng cho vay khách hàng doanh nghiệp, chủ động trong công tác tìm kiếm, tiếp cận và sàng lọc khách hàng hiệu quả; tập trung mở rộng nền khách hàng bán lẻ tại địa bàn các thành phố lớn gắn với phát triển sản phẩm dịch vụ.
- b) Phát triển đa dạng các sản phẩm dịch vụ hiện đại, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ trên nền tảng công nghệ số theo hướng lấy khách hàng làm trung tâm gắn với mục tiêu ngân hàng số, ngân hàng bán lẻ; có chính sách phí cạnh tranh nhằm thu hút khách hàng.
- c) Cơ cấu lại danh mục nguồn vốn, điều hành linh hoạt đảm bảo tăng trưởng huy động vốn phù hợp với tăng trưởng tín dụng; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo an toàn thanh khoản và các tỷ lệ an toàn theo quy định.
- d) Tập trung nguồn lực nâng cấp, mở rộng, hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu quản trị, điều hành và cung ứng dịch vụ ngân hàng tự động theo hướng số hóa, đa kênh, nâng cao chất lượng dịch vụ. Trong đó, ưu tiên xây dựng và triển khai các giải pháp nhằm nâng cao năng lực xử lý của hệ thống ngân hàng lõi (Corebanking) và các phần mềm gắn với công tác quản trị, điều hành.
- e) Tiếp tục triển khai tích cực các giải pháp nâng cao năng lực tài chính.
- f) Tập trung công tác cơ cấu lại, đổi mới, hoàn thiện mô hình tổ chức, mạng lưới và hoạt động hướng tới khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả trong công việc quản trị rủi ro của Agribank; tiếp tục cơ cấu lại các công ty con và các khoản đầu tư vào doanh nghiệp khác theo hướng an toàn, hiệu quả.
- g) Đổi mới cơ chế tiền lương, công tác quản lý và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo khả năng cạnh tranh trong điều kiện cách mạng công nghiệp 4.0.
- h) Nâng cao chất lượng, hiệu quả, hiệu lực trong công tác kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ và xử lý nghiêm các vi phạm.
- i) Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản về cơ chế, quy trình nghiệp vụ đảm bảo sự đồng bộ, tuân thủ các quy định của pháp luật, NHNN, đồng thời nâng cao tính chủ động trong hoạt động kinh doanh của các đơn vị nhưng vẫn đảm bảo kiểm soát được rủi ro.
- j) Hoàn tất công tác chuẩn bị, sẵn sàng triển khai khi có quyết định cổ phần hóa Agribank.
- k) Khẩn trương tổng kết; đánh giá kết quả của Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu và các đề án, chiến lược triển khai trong giai đoạn 2016 – 2020; đúc rút các bài học kinh nghiệm và chủ động xây dựng phương án cho giai đoạn 2021 – 2025.
- l) Xây dựng chiến lược, giải pháp phát triển, nâng cao thương hiệu Agribank là ngân hàng thương mại gắn liền với phục vụ tam nông, với hình ảnh hiện đại, năng động, đổi mới,



chuyên nghiệp, tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ hàng đầu. Tăng cường truyền thông, chú trọng truyền thông nội bộ gắn với phát triển văn hóa doanh nghiệp, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao của tập thể người lao động đối với việc triển khai các chủ trương, định hướng lớn của Agribank.

m) Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh đến 31/03/2022:

- Tổng tài sản: 1.744.105 tỷ đồng, tăng 2,94% so với thời điểm 31/12/2021.
- Tổng thu nhập: 13.095 tỷ đồng, đạt 10,27% so với kế hoạch đề ra.
- Lợi nhuận trước thuế: 7.840 tỷ đồng, đạt 48,08% so với kế hoạch đề ra.

Với kết quả kinh doanh đạt được tại Quý I/2022, Agribank tin tưởng sẽ hoàn thành được kế hoạch đặt ra trong năm 2022 và giữ được tốc độ tăng trưởng và phát triển ổn định trong thời gian tới.

14.3. Kế hoạch đầu tư, dự án đã được Hội đồng thành viên thông qua

Trung tâm Công nghệ thông tin đã được Hội đồng thành viên thông qua dự án Công nghệ thông tin, danh mục năm 2021 và thời gian thực hiện cụ thể như sau:

STT	Tên dự án	Thời gian triển khai dự kiến	Thời gian phê duyệt dự án
1	Bổ sung máy chủ cho các hệ thống thanh toán điện tử	11 tháng kể từ ngày phê duyệt dự án	Đang xây dựng dự án
2	Trang bị máy chủ cho các ứng dụng phân vùng DMZ	11 tháng kể từ ngày phê duyệt dự án	11/11/2021
3	Cung cấp giải pháp bảo mật cho giao diện lập trình ứng dụng (API)	13 tháng kể từ ngày phê duyệt dự án	Đang xây dựng dự án
4	Triển khai hóa đơn điện tử trong hệ thống Agribank	12 tháng kể từ ngày phê duyệt dự án	Đang xây dựng dự án
5	Tăng cường năng lực xử lý giao dịch tài chính cho hệ thống phần mềm Corebanking của Agribank	14 tháng kể từ ngày phê duyệt dự án	12/01/2022

14.4. Kế hoạch tăng vốn điều lệ

Hiện tại Agribank chưa có kế hoạch tăng vốn điều lệ trong năm 2022.

15. Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của Agribank được dựa trên cơ sở các dự báo về kinh tế vĩ mô, ngành ngân hàng nói chung và các dự báo về rủi ro tiềm ẩn, cũng như thực trạng và triển vọng kinh doanh của Agribank nói riêng. Trên cơ sở các kết quả tích cực đã đạt được, hoạt động kinh doanh có lãi trong nhiều năm qua, cũng như tình hình tài chính khả quan hiện nay của Agribank, Tổ Chức Tư Vấn nhận thấy khả năng đạt được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận



năm 2022 của Agribank là có tính khả thi, nếu không gặp phải những rủi ro bất khả kháng và phát sinh các biến động lớn có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh tế vĩ mô, chu kỳ tăng trưởng và hoạt động kinh doanh của ngành ngân hàng.

Agribank dự kiến sử dụng nguồn thu được từ phát hành Trái Phiếu Công Chúng, nguồn vốn tích lũy của Agribank, nguồn vốn huy động khác, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và tiềm lực tài chính của Agribank sau khi trừ đi các khoản phải nộp cho các cơ quan thuế, nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, các khoản thanh toán đến hạn và chi phí hoạt động của Agribank, bảo đảm đủ để thanh toán lãi và gốc của Trái Phiếu đăng ký chào bán.

Trên cơ sở những thông tin đã thu thập được và sau khi nghiên cứu, phân tích, đánh giá một cách cẩn trọng và hợp lý về thực trạng hoạt động kinh doanh của Agribank – một Ngân hàng có vị thế và uy tín hàng đầu tại Việt Nam, Tổ Chức Tư Vấn cho rằng các chiến lược kinh doanh, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và khả năng thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu của Agribank có thể thực hiện được và có tính khả thi, ngoại trừ trường hợp xuất hiện những biến động bất lợi, bất thường và bất khả kháng làm ảnh hưởng tới kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ của một tổ chức tư vấn tài chính doanh nghiệp, căn cứ vào các thông tin chúng tôi đã thu thập và cách tính toán trên lý thuyết về lĩnh vực tài chính. Những nhận xét đánh giá của chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán, cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo của Ngân hàng. Do vậy, các đánh giá và nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào Trái Phiếu của Agribank.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết
Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Ngoài các tranh chấp kiện tụng thông thường liên quan tới hoạt động ngân hàng, theo sự đánh giá và tin tưởng tốt nhất của Agribank thì không phát sinh vụ việc tranh chấp, kiện tụng nào có ảnh hưởng đáng kể đến giá hay khả năng thanh toán trái phiếu của Agribank.

V. TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT

1. Mã trái phiếu

Mã trái phiếu là: VBA121033

2. Loại trái phiếu

Là trái phiếu không chuyển đổi, không được đảm bảo bằng tài sản, không kèm chứng quyền, thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 theo các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Số lượng trái phiếu phát hành

Số lượng trái phiếu phát hành là: 1.769.146 trái phiếu (*Một triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn một trăm bốn mươi sáu trái phiếu*)

4. Tổng giá trị theo mệnh giá

Tổng giá trị theo mệnh giá là: 1.769.146.000.000 đồng (*Một nghìn bảy trăm sáu mươi chín tỷ một trăm bốn mươi sáu triệu đồng*)

5. Ngày phát hành

Ngày phát hành là: 31/12/2021 (“Ngày Phát Hành”)

6. Ngày đáo hạn

Ngày đáo hạn là: 31/12/2028 (“Ngày Đáo Hạn”)

7. Thời hạn trái phiếu

Thời hạn trái phiếu là: 07 (bảy) năm kể từ Ngày Phát Hành

8. Mệnh giá

Mệnh giá trái phiếu là: 1.000.000 VNĐ/Trái phiếu (*Một triệu đồng/Trái phiếu*)

9. Mục đích phát hành trái phiếu

- Tăng vốn cấp 2 để đáp ứng các tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động của Agribank theo quy định của NHNN;
- Tăng trưởng thêm nguồn vốn dài hạn đáp ứng nhu cầu cho vay nền kinh tế nói chung theo kế hoạch kinh doanh được duyệt, cụ thể là cho vay đối với các lĩnh vực năng lượng; nông nghiệp nông thôn, thủy hải sản; công nghiệp, chế biến, chế tạo.

10. Nguồn thanh toán trái phiếu

Nguồn vốn để trả nợ gốc, lãi Trái Phiếu Công Chứng từ các nguồn sau:

- Nguồn thu nợ từ các khoản cho vay từ nguồn vốn thu được từ phát hành Trái Phiếu Công Chứng;

Handwritten signatures and stamps in blue ink at the bottom right of the page.

- Nguồn vốn tích lũy của Agribank;
- Nguồn vốn huy động khác;
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và tiềm lực tài chính của Agribank.

11. Tổng số trái phiếu niêm yết

Tổng số trái phiếu niêm yết là: **1.769.146 trái phiếu**, tương đương 100% tổng số lượng Trái Phiếu đã phát hành.

12. Lãi suất

Lãi suất của Trái Phiếu phát hành ra công chúng năm 2021 của Agribank (“Lãi Suất”) là lãi suất thả nổi được xác định theo công thức sau:

$$\text{Lãi Suất} = \text{Lãi Suất Tham Chiếu} + \text{Biên độ}$$

Trong đó:

- “**Biên độ**” được xác định cụ thể như sau:
 - Mức cộng biên độ hàng năm cho 05 năm đầu tiên là 1,0%/năm;
 - Mức cộng biên độ năm thứ 06 và năm thứ 07 mỗi năm là 1,2%/năm.
- “**Lãi Suất Tham Chiếu**”: dùng để xác định lãi suất cho mỗi Kỳ Tính Lãi là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (mỗi ngân hàng này được gọi là “**Ngân Hàng Tham Chiếu**”) tại Ngày Xác Định Lãi Suất.
- “**Ngày Xác Định Lãi Suất**”: là Ngày làm việc thứ 07 (bảy) trước Ngày Bắt Đầu Tính Lãi của mỗi Kỳ Tính Lãi.

13. Kỳ trả lãi

Tiền lãi trái phiếu được trả sau, định kỳ 06 tháng/lần vào “**Ngày Thanh Toán**” là mỗi ngày tròn 06 (sáu) tháng kể từ Ngày Phát Hành, riêng tiền lãi cho Kỳ Thanh Toán Lãi đợt 02 (hai) năm thứ 07 (bảy) của Trái Phiếu sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái Phiếu vào Ngày Đáo Hạn. Nếu Trái Phiếu được Agribank mua lại vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại thì Ngày Thanh Toán Lãi cuối cùng của Trái Phiếu và tiền lãi của kỳ đó sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại.

14. Mua lại trái phiếu

Agribank có quyền mua lại 100% khối lượng Trái phiếu đã phát hành, giá mua lại bằng mệnh giá trái phiếu tại thời điểm tròn hai (02) năm sau ngày phát hành. Agribank sẽ thông báo đến nhà đầu tư về việc thực hiện quyền mua lại tối thiểu 15 (mười lăm) ngày trước Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại.

15. Các đặc điểm pháp lý khác của trái phiếu

- Là trái phiếu mà trong mọi trường hợp, nhà đầu tư chỉ được thanh toán sau khi Agribank đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ có đảm bảo và không có đảm bảo khác.
- Không được đảm bảo bằng tài sản của Agribank.
- Agribank được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ.

16. Số lượng trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Tổng số lượng Trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Tổ Chức Niêm Yết là 0 Trái phiếu.

17. Xếp hạng tín nhiệm

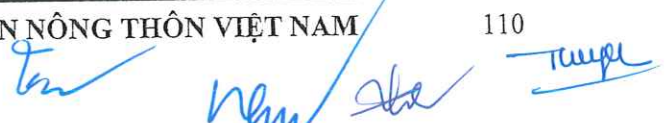
Không có

Agribank và Trái phiếu Agribank đăng ký chào bán ra công chúng đợt này không thuộc trường hợp phải thực hiện xếp hạng tín nhiệm theo quy định của pháp luật hiện hành (tại Khoản 2, Điều 19 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán), vì lý do sau:

- Tổng giá trị trái phiếu theo mệnh giá mà Agribank đã huy động trong 12 tháng gần nhất (từ 01/01/2021 đến 31/12/2021) là 7.415,846 triệu đồng mặc dù tỷ lệ này lớn hơn 500.000 triệu đồng, nhưng giá trị này so với Vốn chủ sở hữu của Agribank (theo BCTC hợp nhất bán niên đã soát xét của năm 2021) chỉ chiếm 9,75% Vốn chủ sở hữu, thấp hơn tỷ lệ theo quy định là 50%.
- Tổng dư nợ trái phiếu theo mệnh giá tính đến thời điểm đăng ký chào bán (tính đến 31/12/2021) là 28.553,877 triệu đồng, chiếm 37,53% Vốn chủ sở hữu của Agribank theo BCTC hợp nhất bán niên được soát xét của năm 2021, thấp hơn tỷ lệ theo quy định là 100%.

Mặt khác, theo quy định tại Khoản 3, Điều 310 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 19 Nghị định 155 này chỉ được áp dụng sau 02 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực (tức là sau năm 2022).

Như vậy, theo các quy định nói trên, Agribank và trái phiếu đăng ký chào bán của Agribank không thuộc trường hợp phải thực hiện xếp hạng tín dụng.



18. Phương pháp tính giá

Giá của Trái Phiếu là giá trị hiện tại của những dòng tiền trong tương lai dự tính thu được từ Trái Phiếu, được chiết khấu về thời điểm hiện tại với tỷ lệ lợi tức yêu cầu thích hợp của mỗi Nhà Đầu tư.

Công thức tổng quát tính giá Trái Phiếu trả lãi định kỳ như sau:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Trong đó: PV: là Giá của Trái Phiếu

FV: là mệnh giá (gốc) của Trái Phiếu

CF_i: là lãi của Trái phiếu nhận kỳ trả lãi thứ i

n: là số kỳ trả lãi còn lại của Trái Phiếu

k: là mức sinh lời kỳ vọng đối với lợi suất Trái Phiếu

Việc xác định giá Trái Phiếu có thể khác nhau giữa các Nhà Đầu Tư do lợi suất yêu cầu khác nhau, áp dụng các thông lệ thị trường (market convention) khác nhau trong tính toán và khả năng tiếp cận các thông tin thị trường khác.

19. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn

Lợi suất đáo hạn – YTM (Yield To Maturity) là đại lượng đo lường lợi suất (tỷ suất lợi nhuận) mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu từ khi mua và nắm giữ trái phiếu đến khi đáo hạn. Nói cách khác, YTM là mức lợi suất làm cho giá trị hiện tại của các dòng tiền mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu bằng với giá trị đầu tư ban đầu (giá mua/giá trị thị trường của Trái Phiếu).

Để xác định YTM, nhà đầu tư có thể áp dụng công thức tương tự công thức định giá Trái Phiếu được trình bày tại mục trên đây:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Ví dụ minh họa: Giả sử một trái phiếu mệnh giá 100.000 đồng, thời gian đáo hạn là 02 năm, lãi suất trái phiếu 10,25%/năm, kỳ trả lãi 06 tháng/lần, hiện đang được bán với giá 105.000 đồng.

Lợi suất trái phiếu khi đáo hạn sẽ được tính như sau:

$$105.000 = \frac{5.125}{(1+k)^1} + \frac{5.125}{(1+k)^2} + \frac{5.125}{(1+k)^3} + \frac{5.125}{(1+k)^4} + \frac{5.125}{(1+k)^5}$$

Áp dụng phương pháp nội suy: k = 3,76%. Do đó YTM = (1+k)² - 1 = 7,56%/năm.

20. Phương thức thực hiện quyền

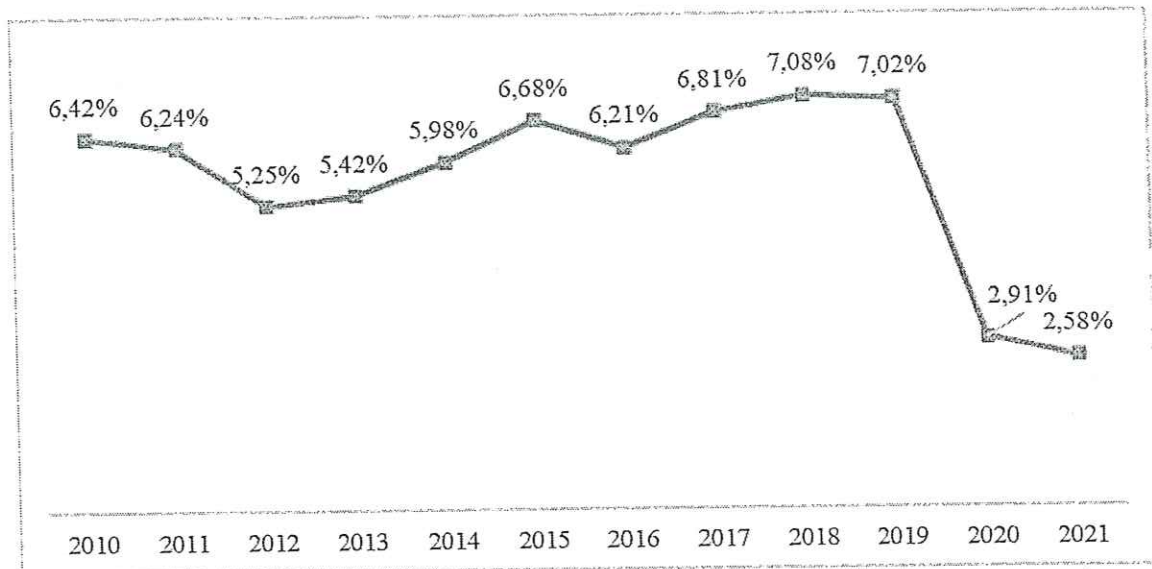
Không có, vì Trái Phiếu đăng ký niêm yết là loại trái phiếu không chuyển đổi.

21. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với trái phiếu niêm yết



Nền kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng rất nhanh trong những năm gần đây, môi trường pháp lý và kinh doanh đã phát triển nhưng vẫn chứa đựng những rủi ro vốn có gắn với nền kinh tế mới nổi. Nhằm hỗ trợ tăng trưởng, Chính phủ tiếp tục thông qua chính sách tiền tệ và tài khóa linh hoạt nhưng vẫn giữ được những mục tiêu cơ bản của nền kinh tế như kiềm chế lạm phát, mặt bằng lãi suất và tỷ giá ổn định....

Năm 2020, 2021 được xem là hai năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới nói chung, trong đó có Việt Nam. Kinh tế thế giới suy thoái nghiêm trọng nhất trong lịch sử, tăng trưởng của các nền kinh tế lớn đều giảm sâu do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt 2,9% trong năm 2020 và nằm trong mức cao nhất trên thế giới. Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam trong năm 2021 bị ảnh hưởng nặng nề do thực hiện giãn cách xã hội trên diện rộng, tăng trưởng chỉ đạt mức 2,58% - mức thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây và không hoàn thành mục tiêu của Chính phủ.



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Bước sang năm 2022, kinh tế Việt Nam được đánh giá vẫn có tiềm năng tăng trưởng. Quốc hội đã thông qua kế hoạch tăng trưởng GDP 6 - 6,5%, thậm trọng hơn mức dự báo của IMF là 6,6%. Các động lực tích cực giúp kinh tế Việt Nam hồi phục mạnh mẽ trong năm 2022 như: (1) Tỷ lệ tiêm chủng vaccine tăng cao là yếu tố thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy khôi phục du lịch nước nhà thông qua chương trình “hộ chiếu vaccine”; (2) Làn sóng đầu tư FDI tiếp tục chảy sang Việt Nam tạo đà kinh tế phát triển. Bên cạnh đó, quá trình hồi phục kinh tế trong năm 2022 sẽ gặp một số thách thức như sau: (1) Sự lây lan của đại dịch có thể vẫn còn tác động trong trung, dài hạn; (2) Áp lực lạm phát khiến chính sách tiền tệ co lại nhanh hơn dự kiến sau thời kỳ bơm tiền hỗ trợ nền kinh tế.

22. Cam kết về tỷ lệ đảm bảo

Không có, Trái Phiếu đăng ký niêm yết là loại trái phiếu không có tài sản bảo đảm.

Handwritten signatures and stamps in blue ink.

23. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 21/12/2020 và Điều lệ của Agribank không giới hạn về tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu đối với nhà đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, tùy thuộc vào tình hình thị trường, điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam trong tương lai, NHNN hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác có thể bàn hành quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu trái phiếu đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài, và khi đó có thể ảnh hưởng tới việc chuyển nhượng Trái phiếu từ nhà đầu tư trong nước cho nhà đầu tư nước ngoài.

24. Các loại thuế liên quan

Các loại thuế liên quan đến Trái Phiếu được xác định dựa trên các quy định Pháp luật có hiệu lực tại thời điểm phát sinh các giao dịch liên quan đến Trái Phiếu. Những nội dung tóm tắt dưới đây là những phân tích dựa trên các quy định Pháp luật có hiệu lực tại Ngày Phát Hành, không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các nhà đầu tư. Một số nhà đầu tư phải tuân theo các quy định riêng. Vì vậy, các nhà đầu tư Trái Phiếu nên tham khảo ý kiến của các chuyên gia về thuế và các loại thuế có liên quan đến việc sở hữu và chuyển nhượng Trái Phiếu áp dụng riêng đối với từng trường hợp cụ thể.

24.1. Thuế thu nhập cá nhân

(a) Đối với thu nhập nhận được từ lãi Trái Phiếu do các tổ chức trong nước phát hành.

Căn cứ Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân được sửa đổi bổ sung tại Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015, Thu nhập từ lãi Trái Phiếu là thu nhập từ đầu tư vốn, nhà đầu tư cá nhân nắm giữ sẽ chịu mức thuế suất 5% (năm phần trăm) trên số tiền lãi nhận được, áp dụng đối với cả cá nhân cư trú tại Việt Nam và cá nhân không cư trú tại Việt Nam.

(b) Đối với thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu:

Căn cứ Khoản 9, 10, Điều 2, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu là thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán chịu mức thuế suất 0,1% (không phải một phần trăm) trên giá bán chứng khoán từng lần áp dụng đối với cả cá nhân cư trú tại Việt Nam và cá nhân không cư trú tại Việt Nam.

(c) Đối với thu nhập từ nhận thừa kế, cho tặng Trái Phiếu:

Căn cứ Điều 16 và Điều 23 văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BC ngày 14/03/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/06/2013, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ và các Nghị định khác, thu nhập từ nhận thừa kế, cho tặng trái phiếu chịu mức thuế suất 10% (mười phần trăm) thu nhập tính thuế áp dụng



đối với cả cá nhân cư trú tại Việt Nam và cá nhân không cư trú tại Việt Nam.

24.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp Việt Nam (gồm các doanh nghiệp và tổ chức kinh doanh được thành lập và hoạt động tại Việt Nam), thì theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 sửa đổi bổ sung thông tư 78/2014/TT-BTC, Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, thu nhập từ lãi Trái Phiếu và thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu được coi là thu nhập chịu thuế khác của doanh nghiệp và được cộng gộp với thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để xác định thuế thu nhập doanh nghiệp chung cho doanh nghiệp theo mức thuế suất cụ thể được áp dụng cho doanh nghiệp đó.

Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp nước ngoài (gồm các doanh nghiệp và tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, còn được gọi là nhà thầu nước ngoài hay nhà thầu phụ nước ngoài) thì theo quy định tại thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014:

- (i) Doanh nghiệp nước ngoài có thu nhập từ lãi Trái Phiếu sẽ phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 5% (năm phần trăm) trên lãi nhận được.
- (ii) Thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu của doanh nghiệp nước ngoài sẽ phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 0,1% (không phải một phần trăm) trên tổng giá trị Trái Phiếu bán ra.

24.3. Thuế Giá Trị Gia Tăng

Hiện tại, lãi Trái Phiếu và thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu không là đối tượng chịu thuế Giá trị gia tăng. Trong trường hợp thuế Giá trị gia tăng được áp dụng đối với việc chuyển nhượng Trái Phiếu theo luật Việt Nam sau Ngày Phát Hành, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ phải nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật.

24.4. Khấu trừ Thuế Thu Nhập Cá Nhân

- (a) Trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSD: Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ khấu trừ, giữ lại và nộp thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lãi Trái Phiếu trước khi thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu. Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký sẽ khấu trừ, giữ lại, kê khai và nộp thuế, phí và lệ phí tính trên giá trị chuyển nhượng cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- (b) Trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký tập trung tại VSD: Việc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân sẽ theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định của VSD.



Handwritten signatures and initials in blue ink at the bottom of the page.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ Chức Kiểm Toán Báo Cáo Tài Chính

Tổ chức kiểm toán BCTC năm 2020: CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Địa chỉ : Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận
Đống Đa, Hà Nội

Số điện thoại : (024) 7105 0000

Số fax : (024) 6288 5678

Tổ chức kiểm toán BCTC năm 2021: CÔNG TY TNHH KPMG VIỆT NAM

Địa chỉ : Tầng 46 tòa tháp Keangnam, Hanoi Landmark Tower, tòa nhà 72 tầng,
lô E6, đường Phạm Hùng, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Mễ Trì,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại : (84-24) 3946 1600

2. Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

Địa chỉ : Tầng 5, Tòa nhà Artex, Số 172 Ngọc Khánh, P. Giảng Võ, Q. Ba Đình,
TP. Hà Nội.

Số điện thoại : (024) 6276 2666

Số fax : (024) 6276 5666



tu

htr

mpc

htr

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục 1: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Giấy phép hoạt động ngân hàng.
2. Phụ lục 2: Điều lệ của Agribank.
3. Phụ lục 3: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến Agribank.
4. Phụ lục 4: Báo cáo tài chính kiểm toán riêng lẻ và hợp nhất năm 2020 và 2021.



tu

thư

tu

VIII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT, TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2022

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

TỔNG GIÁM ĐỐC

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



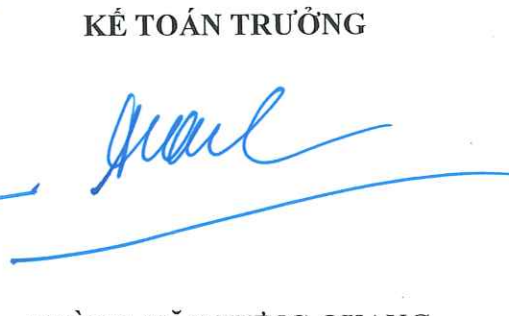

TIẾT VĂN THÀNH



PHẠM ĐỨC AN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN TRỌNG DƯỠNG

PHÙNG VĂN HƯNG QUANG



ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐÌNH NGỌC PHƯƠNG